

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ



ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: KINH TẾ SỐ

MÃ NGÀNH: 7310109

HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	i
DANH MỤC HÌNH VÀ BẢNG	ii
PHẦN 1. ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KINH TẾ SỐ	1
1. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO	1
1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Sao Đỏ	1
1.2. Giới thiệu về Khoa Kinh tế.....	9
2. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ SỐ (MÃ NGÀNH 7310109) TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC	12
2.1. Sự phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành Kinh tế số	12
2.2. Đáp ứng nhu cầu về nhân lực ngành Kinh tế số trong nước và ở địa phương.....	14
2.3. Sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của Trường Đại học Sao Đỏ.....	17
3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO	18
3.1. Căn cứ pháp lý xây dựng chương trình đào tạo.....	18
3.2. Chương trình đào tạo tham khảo	18
3.3. Nội dung chương trình đào tạo	20
3.4. Kế hoạch đào tạo	41
3.5. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo	46
3.6. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và bảo đảm chất lượng đào tạo.....	47
4. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	49
4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học tham gia thực hiện CTĐT.....	49
4.2. Các công trình khoa học của đội ngũ giảng viên, nhà khoa học.....	70
4.3. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên	104
5. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ SỐ.....	104
5.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị dạy học.....	104
5.2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo	109
6. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ SỐ	139
6.1. Đơn vị chuyên môn quản lý đào tạo	139

6.2. Cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở.....	139
7. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO..	140
7.1. Bối cảnh triển khai các hoạt động của Nhà trường	140
7.2. Dự báo các rủi ro và các giải pháp xử lý rủi ro khi mở ngành	142
7.3. Giải pháp và phương án ngăn ngừa xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo	144
8. TỰ ĐÁNH GIÁ.....	145

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Viết đầy đủ
1.	BGDĐT	: Bộ Giáo dục và Đào tạo
2.	CĐR	: Chuẩn đầu ra
3.	CLGD	: Chất lượng giáo dục
4.	CNKT	: Công nghệ kỹ thuật
5.	CNTT	: Công nghệ thông tin
6.	CTĐT	: Chương trình đào tạo
7.	ĐHSD	: Đại học Sao Đỏ
8.	KT-XH	: Kinh tế - xã hội
9.	NCKH	: Nghiên cứu khoa học
10.	THCS	: Trung học cơ sở
11.	THPT	: Trung học phổ thông
12.	TLGD	: Triết lý giáo dục

DANH MỤC HÌNH VÀ BẢNG

Hình 1 . Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ.....	7
Hình 2 . Sơ đồ cơ cấu tổ chức của hội đồng trường.....	7
 Bảng 1. Các cơ sở đào tạo có CTĐT đã tham khảo	20
Bảng 2. Kế hoạch đào tạo và phân công giảng viên giảng dạy trình độ đại học ngành Kinh tế số	41
Bảng 3. Cách quy đổi điểm học phần	47
Bảng 4. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần trong CTĐT Kinh tế số	51
Bảng 5. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong CTĐT của ngành Kinh tế số	56
Bảng 6. Danh sách công trình nghiên cứu khoa học của giảng viên tham gia giảng dạy ngành Kinh tế số	71
Bảng 7. Danh sách các công trình bài báo, sách chuyên khảo 5 năm gần nhất của đội ngũ giảng viên, nhà khoa học	82
Bảng 8. Danh mục hạ tầng kỹ thuật trong quản lý đào tạo	104

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

PHẦN 1. ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KINH TẾ SỐ

1. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Sao Đỏ

1.1.1. Khái quát về lịch sử phát triển, triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

Trường Đại học Sao Đỏ là cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trực thuộc Bộ Công Thương. Trường chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Công Thương; quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chịu sự chỉ đạo về các lĩnh vực nghiệp vụ của các bộ, ngành có liên quan và chịu sự quản lý nhà nước theo địa giới hành chính của Ủy ban nhân dân TP. Hải Phòng. Trường được thành lập theo Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 24/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Công nghiệp Sao Đỏ. Nhà trường đã có 56 năm truyền thống xây dựng và phát triển với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định theo Quyết định số 2382/QĐ-BCT ngày 08/9/2020 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường đại học Sao Đỏ của Bộ trưởng Bộ Công Thương, cụ thể như sau:

1.1.1.1. Vị trí, chức năng

- Trường có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực các trình độ của giáo dục đại học theo quy định của pháp luật; hợp tác quốc tế; hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ theo quy định; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Trường là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng tại kho bạc nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Trường có tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: SAO DO UNIVERSITY (viết tắt là SDU); trụ sở chính đặt tại Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng.

1.1.1.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường

a. Tổ chức và nhân sự

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển Nhà trường qua từng giai đoạn, kế hoạch hoạt động hàng năm;

- Tuyển dụng, quản lý, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật;

- Thành lập các đơn vị trực thuộc theo cơ cấu tổ chức đã được Bộ Công Thương phê duyệt; bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo và quyết định các vấn đề về cán bộ theo quy định pháp luật và phân cấp của Bộ Công Thương;

- Tiếp nhận, luân chuyển, nâng lương, nghỉ chế độ, khen thưởng, kỷ luật, cử đi học, đi công tác trong và ngoài nước đối với viên chức, người lao động trong trường theo quy định pháp luật và quy định của Bộ Công Thương;

- Đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của giảng viên, nhân viên, cán bộ quản lý và người học.

b. Hoạt động giáo dục, đào tạo và quản lý người học

- Phát triển chương trình đào tạo theo mục tiêu xác định; bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình đào tạo; nhập khẩu các chương trình đào tạo quốc tế theo quy định;

- Triển khai hoạt động đào tạo theo kế hoạch phù hợp với quy mô và hình thức đào tạo;

- Tổ chức tuyển sinh, đào tạo, bồi dưỡng các trình độ đào tạo của giáo dục đại học và các trình độ đào tạo khác sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức biên soạn, thẩm định, phát hành sách, tài liệu phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu;

- Thiết kế mẫu, in phôi, cấp phát văn bằng cho người học và quản lý văn bằng, chứng chỉ phù hợp với quy định của pháp luật. Công bố công khai mẫu văn bằng, thông tin liên quan đến việc cấp văn bằng cho người học trên trang thông tin điện tử của nhà trường;

- Thực hiện các chế độ, chính sách, chương trình, kế hoạch giáo dục và quản lý sinh viên; phối hợp với các cơ quan, tổ chức và gia đình người học thực hiện các biện pháp quản lý và giáo dục nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục toàn diện.

c. Hoạt động đảm bảo chất lượng

- Tự đánh giá, cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo; xây dựng và phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và điều kiện thực tế của nhà trường; định kỳ đăng ký kiểm định chương trình đào tạo và kiểm định cơ sở giáo dục đại học; chịu sự kiểm định chất lượng của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục;

- Duy trì và phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng; công bố công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, kết quả đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, kết quả đánh giá và kiểm định.

d. Hoạt động khoa học và công nghệ

- Triển khai hoạt động khoa học và công nghệ theo kế hoạch, chiến lược dài hạn, trung hạn và ngắn hạn;

- Huy động các nguồn lực, tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thực nghiệm, đặt hàng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định pháp luật;

- Công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ; được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tập thể, cá nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật;

- Tổ chức, tham gia hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về giáo dục, khoa học công nghệ theo quy định.

e. Hợp tác đào tạo trong và ngoài nước

- Hợp tác liên doanh, liên kết, huy động các nguồn lực, nhận tài trợ, góp vốn với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao theo quy định pháp luật;

- Hợp tác với các tổ chức, cá nhân, cơ sở giáo dục nước ngoài để: trao đổi giảng viên, sinh viên phục vụ quá trình giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học, công nghệ; liên kết, liên thông học, ngang và công nhận lẫn nhau về kết quả đào tạo với một số cơ sở giáo dục nước ngoài theo thỏa thuận của hai bên, phù hợp với quy định pháp luật;

- Liên kết đào tạo trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học với cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục thường xuyên, trường đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của pháp luật;

- Phối hợp với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong việc sử dụng chuyên gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị để tổ chức đào tạo thực hành, thực tập nhằm nâng cao kỹ năng thực hành, thực tập và tăng cơ hội việc làm của sinh viên theo quy định;

- Cung cấp các chương trình giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, tổ chức đào tạo liên thông giữa các trình độ trung cấp, cao đẳng,

đại học, đào tạo chuyển tiếp cho trường đại học khác theo nhu cầu địa phương theo quy định pháp luật và cơ quan có thẩm quyền;

- Tư vấn nghề nghiệp, giới thiệu việc làm, đào tạo phục vụ xuất khẩu lao động, tổ chức trải nghiệm trong nước và nước ngoài cho người học theo quy định của pháp luật.

g. Quản lý tài chính và tài sản

- Thực hiện chế độ tài chính, kế toán theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ Công Thương;

- Ban hành các quy định, quy chế quản lý nội bộ; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Công Thương và các Bộ, ngành có liên quan theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng các dự án có vốn đầu tư trong và ngoài nước trình cơ quan có thẩm quyền quyết định; huy động nguồn lực để thực hiện các thoả thuận, các dự án tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị phù hợp với các quy định của pháp luật;

- Được sử dụng tài sản công vào việc kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật nhằm mục đích phát triển nhà trường, theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển, phù hợp với môi trường giáo dục;

- Tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đáp ứng nhu cầu xã hội gắn với các ngành, nghề đào tạo của nhà trường theo quy định của pháp luật.

h. Tổ chức các hoạt động thông tin, truyền thông thông qua các hình thức in, xuất bản các ấn phẩm, tài liệu, tạp chí, giáo trình, sách chuyên khảo và trang thông tin điện tử phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật.

i. Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ, xây dựng nếp sống văn hoá và môi trường sư phạm. Giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện phòng chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động của nhà trường theo quy định của pháp luật.

k. Thực hiện trách nhiệm giải trình và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Nhà trường có triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi như sau:

Triết lý giáo dục: Toàn diện - Sáng tạo - Thích ứng

Toàn diện: Xây dựng nền tảng vững chắc về cả tri thức và nhân cách cho sinh viên; đào tạo sinh viên có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng sống, mức tự chủ và trách nhiệm đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sáng tạo: Cung cấp công cụ tư duy, các phương pháp để giải quyết các vấn đề thực tế; đào tạo sinh viên có tính tích cực, chủ động nghiên cứu sáng tạo khoa học kỹ thuật, tìm tòi, ứng dụng cái mới.

Thích ứng: Đào tạo sinh viên có sự linh hoạt, có thể sẵn sàng đáp ứng với mọi môi trường, hoàn cảnh trong nước và quốc tế.

Sứ mạng: Trường Đại học Sao Đỏ là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, định hướng ứng dụng, đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao có đạo đức, kiến thức, kỹ năng, năng lực số, phát triển nhân tài đáp ứng yêu cầu xã hội; nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển giao tri thức; kết nối, phục vụ cộng đồng và hội nhập quốc tế.

Tầm nhìn đến năm 2045: Phát triển nhà trường trở thành cơ sở giáo dục theo mô hình đại học đổi mới sáng tạo, tự chủ tài chính, đóng vai trò nòng cốt trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của vùng, địa phương; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài về lĩnh vực khoa học công nghệ, kỹ thuật cho địa phương và đất nước.

Giá trị cốt lõi: “Thực học - Thực hành - Thực chung - Thực tâm - Thực nghiệp - Thực tiến”.

Mục tiêu của Nhà trường là đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học có chất lượng cao. Đảm bảo người học phát triển một cách toàn diện: có phẩm chất chính trị, đạo đức, có thái độ lao động tốt; có ý thức phục vụ cộng đồng và khả năng tham gia vào các hoạt động xã hội; có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp vững vàng; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế tri thức trong giai đoạn hiện nay.

Để thực hiện thành công triết lý giáo dục, tầm nhìn và sứ mạng, nhà trường đã xây dựng chính sách chất lượng trong quy định về công tác đảm bảo chất lượng và xây dựng một mạng lưới quản lý chất lượng đến các khoa, phòng, trung tâm. Song song với đó, nhà trường thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015.

Nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục do BGDĐT ban hành và đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục (CLGD), hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam cấp Giấy chứng nhận số 112/QĐ-KĐCLGD ngày 27/11/2017; Quyết định số 15/QĐ-KĐCLGD ngày 27/01/2023 (chu kỳ 2).

1.1.2. Đội ngũ giảng viên

Nhà trường có 247 cán bộ viên chức. Đội ngũ giảng viên là 184 người, giảng viên có trình độ tiến sĩ là 49 (chiếm 26,7%); thạc sĩ 135 người (chiếm 73,3%). Nhiều giảng viên của Nhà trường là những chuyên gia có uy tín trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, đã tham gia các hội đồng nghiệm thu đề tài cấp tỉnh/bộ/ngành, nhà nước.

1.1.3. Hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Nhà trường đang đào tạo các ngành trình độ đại học, cụ thể như sau: Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Kỹ thuật cơ điện tử; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ thực phẩm hóa học; Công nghệ thông tin; Quản trị kinh doanh; Kế toán; Công nghệ dệt, may; Việt Nam học, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc; 01 CTĐT trình độ thạc sĩ (ngành Kỹ thuật điện tử). Nhà trường đã cung cấp cho thị trường lao động trên 40 nghìn cử nhân, kỹ sư ở các lĩnh vực đào tạo.

Trong giai đoạn 2019 ÷ 2025, Nhà trường thực hiện 01 dự án Vingroup, (08) đề tài NCKH cấp tỉnh/bộ và 281 đề tài NCKH cấp cơ sở (trong đó 108 đề tài GV và 173 đề tài của SV), 56 sản phẩm/công trình sáng tạo KHCN; các kết quả nghiên cứu được áp dụng có hiệu quả trong công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Đặc biệt, tạp chí NCKH – Đại học Sao Đỏ trung bình mỗi năm đăng 68 đến 71 bài là các công trình nghiên cứu của đội ngũ cán bộ, GV, SV trong trường và ngoài trường. Trong giai đoạn 2019 ÷ 2025, cán bộ, GV nhà trường đã công bố 37 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế (trong đó có 51 bài trong danh mục tạp chí ISI,

Scopus), có 39 bài đăng toàn văn trên các hội thảo quốc tế và trên các tạp chí/hội thảo khoa học trong nước được hội đồng giáo sư nhà nước tính điểm. Tính đến năm 2025, tạp chí NCKH - Đại học Sao Đỏ đã có 04 ngành và liên ngành được hội đồng giáo sư Nhà nước tính điểm công trình (từ 0 ÷ 0,25 điểm) gồm: Liên ngành Cơ khí - Động lực, Điện - Điện tử - Tự động hoá, Triết học - Xã hội học - Chính trị học, Kinh tế. Nhà trường đã thành lập nhiều đội Robocon tham gia cuộc thi toàn quốc và có 25 đội Robocon lọt vào vòng chung kết toàn quốc, trong đó có 01 đội đạt giải Ba toàn quốc năm 2019.

Nhà trường đã thiết lập mối quan hệ với các cơ sở giáo dục nước ngoài thuộc các nước như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, cộng hoà Pháp, Liên bang Nga,... Trong giai đoạn đầu, hai bên đã hợp tác về các lĩnh vực trao đổi về học thuật, trao đổi nghiên cứu sinh, sinh viên đi thực tập, trải nghiệm,... làm cơ sở triển khai hợp tác về lĩnh vực NCKH, trao đổi giảng viên.

1.1.4. Hoạt động đảm bảo chất lượng

Nhà trường có bộ phận đảm bảo chất lượng chuyên trách, hằng năm: Xây dựng, triển khai kế hoạch hoạt động đảm bảo chất lượng theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng; tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; phối hợp với các đơn vị công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng trên website và hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục đại học của BGDDT. Năm 2017 Nhà trường đã hoàn thành công tác tự đánh giá và được trung tâm Kiểm định CLGD thuộc hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam đánh giá ngoài và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục. Năm 2023 Nhà trường đã thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (chu kỳ 2) theo bộ tiêu chuẩn của BGDDT. Từ năm 2022 Nhà trường đã thực hiện kiểm định chất lượng CTĐT, đến nay, Nhà trường có 09 CTĐT trình độ đại học được trung tâm KĐCLGD thuộc hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành gồm: Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; CNKT ô tô; Công nghệ thông tin; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Quản trị kinh doanh; Công nghệ dệt, may; Kế toán và Ngôn ngữ Trung Quốc.

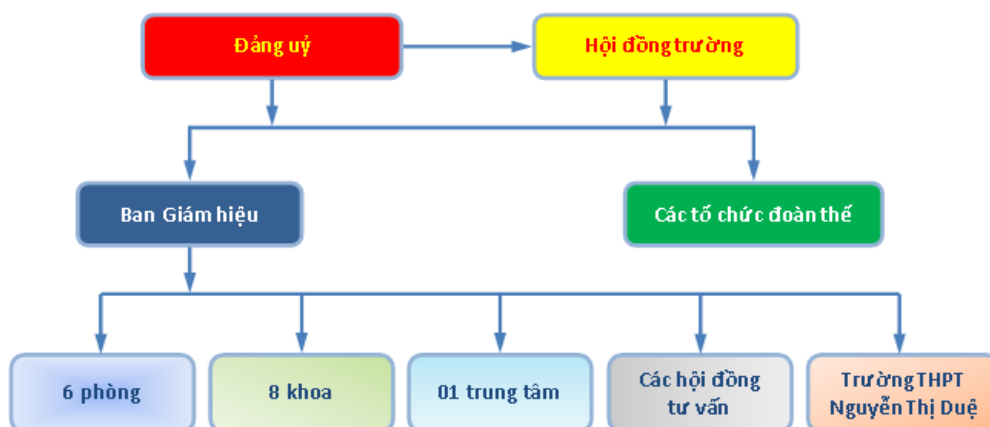
1.1.5. Cơ sở vật chất:

Nhà trường hiện có 02 địa điểm đào tạo tại Phường Chu Văn An, Thành phố Hải Phòng với tổng diện tích 27ha, trong đó: 126 phòng học, phòng làm việc và 01 giảng đường đa năng với tổng diện tích là 8.087m²; ngoài ra còn có thư viện, trung tâm học liệu và trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập với tổng diện tích là 22.273m². Trong những năm qua, nhà trường triển khai thực hiện và hoàn thành dự án xây dựng, cải tạo các công trình đảm bảo cung cấp đủ phòng làm việc và các phòng chức năng cho cán bộ, viên chức và nhân viên. Phòng học lý thuyết đều được trang bị điều hòa không khí, máy chiếu/màn hình LED cỡ lớn, camera giám sát; phòng thực hành/thực nghiệm được

trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; phòng làm việc của cán bộ, giảng viên đều được trang bị đầy đủ bàn, ghế, điều hòa không khí, máy vi tính, máy in. Để phục vụ hoạt động học tập thể chất, nhu cầu thể dục, thể thao, rèn luyện nâng cao sức khỏe cho viên chức, giảng viên, sinh viên. Nhà trường đầu tư xây dựng sân bóng đá cỏ nhân tạo với diện tích 3.300m², 02 sân bóng chuyền da, 03 sân bóng chuyền hơi, 03 sân cầu lông và 01 sân bóng rổ. Nhà thể thao đa năng với diện tích xây dựng 1.080m², được thiết kế 3 tầng với trang thiết bị, dụng cụ hiện đại phục vụ giảng dạy và luyện tập thể chất.

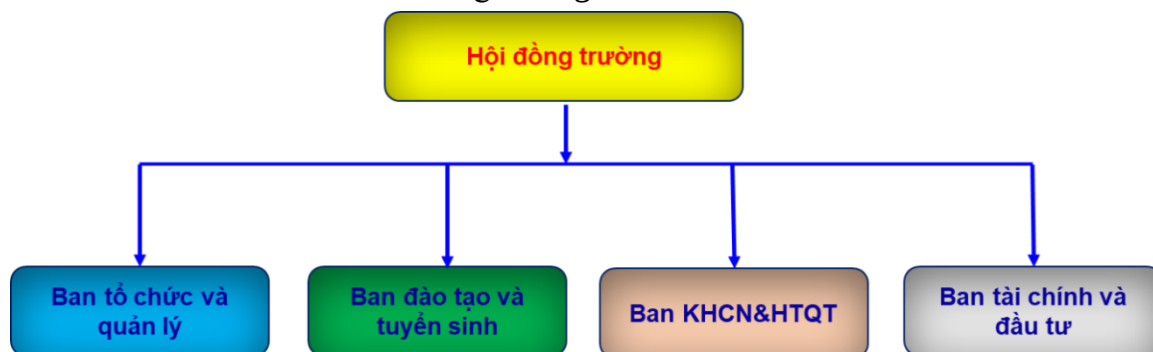
1.1.6. Cơ cấu tổ chức

Hiện nay, cơ cấu tổ chức của Nhà trường gồm: BCH đảng uỷ, hội đồng trường, ban giám hiệu, công đoàn, đoàn thanh niên, 06 phòng chức năng, 01 trung tâm, 08 khoa, 1 trường THPT và các hội đồng tư vấn. Cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được xây dựng theo quy định của Bộ Công Thương, Chính phủ. Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 24/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Công nghiệp Sao Đỏ. Trường đã có 56 truyền thống xây dựng và phát triển với chức năng và nhiệm vụ chính của trường là: Tổ chức đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ cộng đồng. Nhà trường có tầm nhìn, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi như sau:



Hình 1. Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ

Cơ cấu tổ chức của hội đồng trường



Hình 2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của hội đồng trường

1.1.7. Những thành tích nổi bật

Trường Đại học Sao Đỏ đã trải qua 1/2 thế kỷ xây dựng và phát triển. Trường liên tục đạt danh hiệu tiên tiến xuất sắc và được các cấp khen thưởng, các Bộ ngành tặng thưởng 46 cờ thi đua xuất sắc, Nhà trường đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng 26 Huân chương, trong đó: 01 Huân chương Độc lập hạng Nhất, 01 Huân chương Độc lập hạng Nhì, 01 Huân chương Độc lập hạng Ba; 02 Huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì và hạng Ba; 01 Huân chương Bảo vệ tổ quốc hạng Ba; 01 Huân chương Chiến công hạng Ba,... Bộ Công Thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công An, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương tặng Cờ, Bằng khen; Ủy ban Nhân dân tỉnh Công nhận danh hiệu Cơ quan văn hóa, đơn vị an toàn về an ninh trật tự... và nhiều phần thưởng khác như Cúp vàng ISO; Siêu cúp thương hiệu mạnh và phát triển bền vững; Giải thưởng "Sáng tạo Khoa học công nghệ Việt Nam - VIFOTEC"; năm 2025 Nhà trường đạt trong Top 20 thương Hiệu vàng Việt Nam.

1.1.8. Thông tin đào tạo của Trường

- Tên trường:
- + Tên tiếng Việt: Trường Đại học Sao Đỏ.
- + Tên tiếng Anh: SaoDo University (SDU).
- Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Công Thương.
- Địa chỉ:
- + Cơ sở 1: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng.
- + Cơ sở 2: Km 78, đường Nguyễn Thái Học/Quốc lộ 37, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng.
- Thông tin liên hệ:
- + Điện thoại: 02203882269; Số fax: 02203882921.
- + Email: info@saodo.edu.vn; Website: <http://saodo.edu.vn>.

1.1.9. Thông tin về ngành đăng ký đào tạo

- Tên ngành đào tạo: **Kinh Tế số**
 - Mã ngành: **7310109**
 - Trình độ đào tạo: Đại học
 - Phương thức tuyển sinh:
 - + Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh hiện hành.
 - + Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT hằng năm. Các tổ hợp môn xét tuyển sinh:
- | | |
|-----------------------------|--------------------------------|
| A00 (Toán, Vật Lý, Hóa học) | C04 (Ngữ Văn, Toán, Địa lý) |
| A09 (Toán, Địa lý, GDKT&PL) | C14 (Văn, Toán, GDKT&PL) |
| C01 (Ngữ văn, Toán, Vật Lý) | D01 (Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh) |
- + Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT.
 - + Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức; Kỳ thi Đánh giá tư duy do Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức.
 - Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT

- Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ (*Không bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh*).

- Thời gian đào tạo: 4 năm

1.2. Giới thiệu về Khoa Kinh tế

Khoa Kinh tế - Trường Đại học Sao Đỏ được thành lập ngày 13/3/2001, trải qua 24 năm xây dựng và phát triển, tập thể sư phạm khoa đã và đang khẳng định được vai trò, vị thế của mình trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo của Nhà trường. Khoa hiện có 14 GV đang làm việc trực tiếp tại trường và 08 GV đang đi NCS nước ngoài, 100% có trình độ thạc sĩ trong đó có 03 giảng viên là tiến sĩ. Khoa đã cung cấp cho nền kinh tế đất nước hàng ngàn cử nhân kinh tế có chất lượng cao phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước nhà.

Nhiệm vụ chính của khoa là xây dựng mục tiêu, chương trình, biên soạn giáo trình đào tạo cho các ngành học thuộc bậc đại học gồm ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh. Các ngành đào tạo đều mang tính thực tiễn và ứng dụng cao với chương trình đào tạo linh hoạt, cập nhật theo yêu cầu của thực tế, bên cạnh đó có tăng cường những học phần kỹ năng mềm dành cho sinh viên. Cho đến nay, khoa Kinh tế đã đào tạo được số lượng lớn nhân lực ngành kinh tế, năng động, dễ thích nghi với nền kinh tế thị trường và có khả năng tiếp thu các công nghệ hiện đại trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Trong giai đoạn phát triển mới, chức năng và nhiệm vụ của Khoa đã được xác định rõ ràng, cụ thể sau:

Chức năng: Giúp Hiệu trưởng xây dựng chiến lược đào tạo của Khoa theo định hướng chiến lược chung của Trường; quản lý, điều hành các hoạt động chuyên môn của các Bộ môn trực thuộc và các hoạt động khác;

Nhiệm vụ:

- Xây dựng chiến lược phát triển theo từng giai đoạn về quy mô đào tạo, đội ngũ GV;
- Quản lý mục tiêu, CTĐT của bộ môn thuộc khoa phụ trách nhằm đáp ứng yêu cầu về năng lực của NH sau đào tạo;
- Theo dõi, giám sát, điều hành hoạt động giảng dạy, NCKH của các Bộ môn trực thuộc. Tạo mối gắn kết giữa các Bộ môn thông qua các hoạt động chuyên môn và các hoạt động khác;
- Tổ chức hoạt động KHCN, phối hợp với các tổ chức KHCN, cơ sở sản xuất, kinh doanh, gắn đào tạo với NCKH, sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội;
- Phối hợp với các đơn vị chức năng xây dựng các mối quan hệ trong nước và quốc tế nhằm tăng cường năng lực giảng dạy, NCKH cho GV;
- Điều phối hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo của các Bộ môn theo chiến lược chung của Nhà trường;
- Tổ chức sắp xếp công việc hợp lý cho GV; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác bồi dưỡng GV hằng năm;

- Theo dõi, giám sát các Bộ môn thực hiện công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho NH cũng như cho GV;
- Xây dựng kế hoạch, tổ chức bảo trì thiết bị, phương tiện, đồ dùng dạy học do khoa quản lý;
- Tham gia công tác tuyển sinh và các hoạt động khác của Nhà trường;
- Quản lý, đánh giá xếp loại công tác chủ nhiệm lớp theo năm học; tổ chức quản lý NH của khoa; xét cấp học bổng, khen thưởng, kỷ luật NH theo quy định về phân cấp quản lý;
- Hợp tác với doanh nghiệp; tư vấn, tìm kiếm việc làm cho NH sau khi tốt nghiệp ra trường;
- Tham gia các hoạt động dịch vụ sản xuất thực nghiệm theo chuyên môn của khoa quản lý;
- Thực hiện những nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công và chịu trách nhiệm về công việc được giao.

Những giá trị khác biệt: Đi đầu trong việc đào tạo theo định hướng ứng dụng, đưa các kết quả đào tạo, NCKH vào thực tiễn giảng dạy và sản xuất. Trên 95% người học tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành đào tạo.

Về chất lượng đội ngũ GV: Tổng số GV của Khoa tính đến tháng 10/2025 là 22 GV cơ hữu trong đó 14 GV trực tiếp giảng dạy (01 GV kiêm nhiệm là CBQL) và 08 GV là NCS tại nước ngoài. GV có trình độ tiến sĩ là 03 (chiếm 21,43%), còn lại là thạc sĩ. Đội ngũ GV trong khoa có năng lực chuyên môn tốt, nghiệp vụ sư phạm giỏi. Bằng sự nỗ lực và quyết tâm của tập thể giảng viên, sinh viên, Khoa được tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý như: Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen, Bộ Công thương tặng 5 Bằng khen; Công đoàn Công Thương tặng 10 Bằng khen; Tỉnh đoàn Hải Dương tặng 05 Bằng khen; 01 Nhà giáo ưu tú; 03 chiến sĩ thi đua cấp Bộ; 01 giảng viên được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen; 06 giảng viên được Bộ Công Thương tặng Bằng khen; 01 giảng viên nhận Kỷ niệm chương của Bộ Quốc phòng. Hằng năm 100% GV trong khoa đều được đánh giá xếp loại GV và đạt loại khá trở lên. Các GV luôn tâm huyết với nghề nghiệp, hết lòng vì NH.

Về cơ sở vật chất: Khoa Kinh tế hiện có đủ số phòng chức năng phục vụ cho các hoạt động của Khoa, hệ thống phòng chức năng được thiết kế đầy đủ ánh sáng, trang thiết bị, đảm bảo điều kiện làm việc cho GV trong khoa. Khoa hiện có 3 phòng làm việc với tổng diện tích 237m² đạt bình quân 10,8m²/GV, đảm bảo diện tích phòng làm việc cho GV theo quy định. Khoa hiện đang quản lý 06 phòng thực hành, thực nghiệm với tổng diện tích 420m². Các phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết, hiện đại phục vụ tốt cho đào tạo như màn hình LCD 60 inch, máy chiếu, máy tính, điều hoà,...

Về đào tạo kỹ năng thực hành thực nghiệm: Trung tâm thực hành, thực nghiệm của Khoa đặt tại tầng 2 nhà A3, trong đó các phòng thực hành, thực nghiệm được đầu tư các trang thiết bị tiên tiến, hiện đại phù hợp với

chuyên ngành đào tạo.

Về CTĐT: Khoa Kinh tế đào tạo 02 CTĐT trình độ đại học là Quản trị kinh doanh (Quyết định số 2337/QĐ- BGDDĐT ngày 10/6/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao cho Trường Đại học Sao Đỏ đào tạo hệ chính quy trình độ đại học) và Kế toán (Quyết định số 578/QĐ- BGDDĐT ngày 11/02/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao cho Trường Đại học Sao Đỏ đào tạo hệ chính quy trình độ đại học).. Trong đó CTĐT ngành Quản trị kinh doanh, đã được Trung tâm KĐCLGD, Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam cấp giấy chứng nhận số CTĐT2022.06/CEA-AVU&C ngày 10/5/2022 đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. CTĐT ngành Kế toán đã được Trung tâm KĐCLGD, Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam cấp giấy chứng nhận số CTĐT2024.34/CEA-AVU&C ngày 20/11/2024. Các CTĐT trình độ đại học của khoa Kinh tế đã được hiệu chỉnh theo quy định của Nhà trường và thống nhất về mặt cấu trúc với CTĐT của các ngành kinh tế - xã hội khác.

Về NCKH, CGCN: Giai đoạn 2019 - 2025, khoa Kinh tế đã chủ trì và tham gia thực hiện 01 đề tài cấp Quốc gia, 01 đề tài cấp bộ/tỉnh, 43 đề tài NCKH cấp cơ sở (GV thực hiện 15 đề tài; SV thực hiện 28 đề tài). GV trong Khoa đã công bố 03 giáo trình/sách chuyên khảo, 36 tài liệu học tập, 05 bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế, 67 bài trên tạp chí khoa học trong nước, 02 bài trong hội thảo khoa học ngoài nước và 19 bài trong hội thảo khoa học trong nước. Trong giai đoạn đánh giá khoa Kinh tế có 13 sản phẩm sáng tạo KHCN của GV và NH được công nhận và đạt giải tại Hội thi sáng tạo KHCN cấp trường, tất cả các sản phẩm KHCN nêu trên đều được ứng dụng vào trong giảng dạy.

Về hợp tác quốc tế, quan hệ doanh nghiệp

- Hợp tác trong nước: Công ty Cổ phần tập đoàn Hio, Ngân Hàng TMCP Đông Nam Á (SeaBank), Công ty TNHH Tôn Thép Minh Anh, Tập đoàn Flamingo - Flamingo Đại Lải, Công ty Cổ phần cơ khí và xây dựng Sao Đỏ,... Thông qua hợp tác với doanh nghiệp để giúp NH ngành KT có điều kiện học tập, thực tập trải nghiệm tại doanh nghiệp nhằm nâng cao kỹ năng thực hành chuyên môn, thực hành nghề nghiệp cho NH, từ đó mở thêm cơ hội việc làm cho NH sau khi tốt nghiệp.

- Hợp tác quốc tế: Khoa Kinh tế đã đón tiếp đoàn khách quốc tế đến thăm quan, làm việc về hợp tác đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ như Cơ quan hợp tác Quốc tế Nhật Bản JICA; Trường Đại học Hankuk (Hàn Quốc); học viện Nhật ngữ Quốc tế Kobe (Nhật Bản),... Thông qua hoạt động này bước đầu để người học, GV có cơ hội được thực tập trải nghiệm và trao đổi học thuật.

Cơ sở vật chất của Khoa được Nhà trường trang bị hiện đại, đáp ứng cho người học có môi trường học tập và nghiên cứu tốt nhất như: phòng thực hành Kế toán; Quản trị kinh doanh; Kinh tế số; Thương mại điện tử; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng với các phương tiện, thiết bị hiện đại phục vụ cho việc nâng cao

kiến thức và kỹ năng đáp ứng xu thế hội nhập quốc tế. CTĐT các ngành của Khoa luôn được hiệu chỉnh hằng năm để phù hợp với yêu cầu phát triển của doanh nghiệp, xã hội.

Cùng với lịch sử xây dựng và phát triển Trường Đại học Sao Đỏ, Khoa Kinh tế là đơn vị đào tạo nguồn nhân lực có uy tín, chất lượng. Hàng năm, Khoa cung cấp cho xã hội một lực lượng đông đảo các cử nhân, đáp ứng yêu cầu cho sự phát triển KT - XH của đất nước và địa phương.

2. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ SỐ (MÃ NGÀNH 7310109) TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

2.1. Sự phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành Kinh tế số

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 34/2018/QH14) và các văn bản hướng dẫn thi hành, chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học được tổ chức theo hệ thống tín chỉ, bảo đảm tính linh hoạt, liên thông và đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho nền kinh tế. Theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, logistics là một trong những lĩnh vực trọng tâm cần ưu tiên đào tạo, gắn với chuyển đổi số và phát triển bền vững.

Kinh tế số là nền kinh tế dựa trên công nghệ số, dữ liệu lớn và các nền tảng kỹ thuật số, đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Ngành kinh tế số có vai trò vô cùng quan trọng và không thể thiếu đối với sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia trong kỷ nguyên cách mạng công nghiệp 4.0, đặc biệt khi kinh tế số đang trở thành động lực chính cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế toàn cầu.

Kinh tế số không chỉ tạo ra các mô hình kinh doanh mới mà còn là công cụ hữu hiệu để điều chỉnh và tối ưu hóa các quan hệ kinh tế - xã hội. Nó quy định các nguyên tắc hoạt động, mô hình kinh doanh và biện pháp bảo vệ dữ liệu, quyền lợi người dùng trong môi trường số. Kinh tế số tạo ra hành lang kỹ thuật số, khuôn khổ cho các hoạt động kinh doanh vận hành hiệu quả. Nhờ có kinh tế số, các doanh nghiệp và cá nhân nắm bắt được cơ hội nào là khả thi, hành vi kinh doanh nào được khuyến khích, rủi ro nào cần tránh, từ đó có cách ứng xử và chiến lược phù hợp để thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ.

Chuyển đổi số và phát triển kinh tế số được xem là khâu then chốt của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và có vai trò hết sức quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất lao động, xây dựng nền kinh tế số Việt Nam theo định hướng xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. Xuất phát từ vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề, trong suốt quá trình lãnh đạo, quản lý, Đảng, Nhà nước ta rất quan tâm đến công tác này. Ngày 15/10/2018, Bộ Chính trị đã ra

Chỉ thị số 16-CT/TW về tăng cường năng lực tiếp cận, sử dụng, phát triển công nghệ số của người dân, doanh nghiệp và chính quyền để thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó đưa ra các hình thức thúc đẩy chuyển đổi số khác nhau, như: đào tạo kỹ năng số trực tiếp, tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng, hội thảo, hội nghị, ứng dụng công nghệ số trong quản lý nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng...

Ngày 10/10/2023, trong kết luận số 59-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Đảng ta đánh giá: “Qua hơn 4 năm thực hiện, đã đạt được những kết quả quan trọng, cụ thể như: Nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng và cả hệ thống chính trị về vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số và kinh tế số được nâng cao rõ rệt; thể chế, chính sách về phát triển kinh tế số từng bước được hoàn thiện; năng lực số của doanh nghiệp, người dân có bước chuyển biến tích cực, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội, tạo việc làm và nâng cao đời sống nhân dân. Tuy nhiên, công tác phát triển kinh tế số vẫn còn hạn chế. Một số địa phương, ngành chưa quan tâm đúng mức đến đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về kinh tế số. Phương thức, nội dung đào tạo, việc sử dụng nguồn lực tài chính và huy động nguồn lực xã hội phục vụ phát triển kinh tế số chưa thật hiệu quả. Sự phối hợp giữa xây dựng chính sách kinh tế số, đào tạo nhân lực và triển khai ứng dụng chưa chặt chẽ. Năng lực cạnh tranh số của một bộ phận doanh nghiệp, lao động còn hạn chế”.

Đối với đội ngũ nhân lực, đặc biệt là cán bộ, công chức, viên chức và lao động trẻ - là lực lượng chủ chốt trong việc triển khai, thực thi các chủ trương, chính sách chuyển đổi số của Đảng và Nhà nước. Thực tế cho thấy, hiện nay, nhiều cá nhân, doanh nghiệp chưa được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng về kinh tế số, dẫn đến việc xử lý các vấn đề kinh doanh số đôi khi chưa hiệu quả, thiếu chuyên môn, làm ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế và hội nhập quốc tế.

Do vậy, trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng ta khẳng định, phải: “Tập trung xây dựng đội ngũ nhân lực chất lượng cao, có kỹ năng số, sáng tạo, phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước...; có cơ chế lựa chọn, đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài trong lĩnh vực kinh tế số... Đồng thời, có cơ chế sàng lọc, thay thế kịp thời những người không đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, vi phạm quy định về an ninh mạng, đạo đức nghề nghiệp, không còn khả năng thích ứng với môi trường số”. Ngày 15/11/2023, Ban Chấp hành Trung ương tiếp tục ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó xác định rõ mục tiêu “đến năm 2030, kinh tế số chiếm 30% GDP, Việt Nam thuộc nhóm 3

nước dẫn đầu khu vực về năng lực cạnh tranh số”. Đồng thời, đề ra một trong những nhiệm vụ và giải pháp quan trọng là: “Đẩy mạnh tuyên truyền, đào tạo, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về kinh tế số, chuyển đổi số và yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế số trong giai đoạn mới”; “tiếp tục đổi mới công tác đào tạo nhân lực kinh tế số. Xây dựng mạng lưới, nâng cao năng lực của hệ thống giáo dục đại học, cơ sở đào tạo chuyên ngành kinh tế số để người dân và doanh nghiệp dễ tiếp cận kiến thức số”; “đổi mới cơ chế ứng dụng kinh tế số, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng chính sách với triển khai thực tiễn, bảo đảm kinh tế số được phát triển công bằng, bền vững, nhất quán, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả”.

Để làm tốt công tác chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, hoàn thiện đội ngũ nhân lực chất lượng cao bám sát mục tiêu “xây dựng nền kinh tế số Việt Nam theo định hướng xã hội chủ nghĩa”, việc mở ngành Kinh tế số tại Đại học Sao Đỏ là rất cần thiết nhằm giải quyết một phần lớn nhu cầu cấp thiết về nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn về kinh tế số. Việc đào tạo các cử nhân Kinh tế số ở Đại học Sao Đỏ sẽ không chỉ cung cấp kiến thức nền tảng về kinh tế số mà còn đào tạo kỹ năng thực tế, giúp cán bộ, nhân viên, doanh nghiệp có thể áp dụng công nghệ số vào hoạt động kinh doanh một cách chính xác và hiệu quả. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh hội nhập quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, khi mà yêu cầu về kinh tế số ngày càng trở nên phức tạp và đòi hỏi sự hiểu biết sâu sắc về dữ liệu, AI và các nền tảng kỹ thuật số.

2.2. Đáp ứng nhu cầu về nhân lực ngành Kinh tế số trong nước và ở địa phương

Theo thông tin từ Bộ Thông tin và Truyền thông, nhu cầu nhân lực ngành kinh tế số Việt Nam đang đối diện với tình trạng khan hiếm nhân sự chất lượng cao. Trong những năm gần đây, tính riêng các lĩnh vực chuyển đổi số và kinh tế số, Việt Nam cần tới hơn 500.000 nhân sự, trong đó cần thêm khoảng 150.000 chuyên gia dữ liệu lớn và AI, 100.000 chuyên viên thương mại điện tử và nền tảng số, 80.000 quản lý chuyển đổi số doanh nghiệp, 100.000 lập trình viên và chuyên gia blockchain, cùng với 70.000 chuyên viên an ninh mạng và phân tích kinh tế số. Con số trên còn tăng lên gấp nhiều lần khi tính đến lượng nhân viên làm việc tại các bộ, ban ngành, doanh nghiệp công nghệ và startup số. Mặc dù, việc đào tạo nguồn nhân lực trong ngành kinh tế số hàng năm cung cấp khoảng 50.000 đến 60.000 cử nhân chuyên ngành liên quan nhưng vẫn không đủ đáp ứng đòi hỏi của thị trường lao động số hóa nhanh chóng.

Bên cạnh đó, hiện nay nền kinh tế nước ta đang bước vào thời kỳ hội nhập và toàn cầu hóa sâu rộng. Các công ty nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, công ty có vốn đầu tư nước ngoài,... không ngừng được mở rộng và phát triển, đặc biệt trong bối

cảnh kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng. Điều đó đặt ra yêu cầu phải xây dựng một hành lang số chặt chẽ để vừa tạo điều kiện cho các doanh nghiệp áp dụng công nghệ, vừa đảm bảo một môi trường kinh doanh số lành mạnh, an toàn dữ liệu. Do đó, nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao trong ngành Kinh tế số, có kiến thức về kinh tế số, có kỹ năng chuyên sâu về dữ liệu lớn, AI, blockchain, đủ khả năng nghiên cứu, xử lý những vấn đề kinh doanh số đặt ra trong hoạt động kinh doanh và quản lý nhà nước, quan hệ, hợp tác với các doanh nghiệp quốc tế là vấn đề vô cùng quan trọng nằm trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Nhà nước. Thêm nữa, đối với các doanh nghiệp, mỗi doanh nghiệp có đội ngũ chuyên gia kinh tế số sẽ giúp doanh nghiệp nắm rõ “bộ khung” công nghệ số và là một trong những yếu tố quan trọng tạo ra lợi thế cạnh tranh bền vững, giúp cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp diễn ra hiệu quả, sáng tạo. Do vậy, việc mở ngành đào tạo Kinh tế số tại Trường Đại học Sao Đỏ là rất cần thiết.

Đối với Hải Phòng, ngày 20/12/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1958/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó xác định, đến năm 2030, Hải Phòng “phấn đấu trở thành thành phố cảng lớn, hiện đại, trung tâm công nghiệp, dịch vụ, logistics và cảng biển lớn nhất miền Bắc, có vị thế quan trọng trong vùng duyên hải Bắc Bộ và vùng đồng bằng sông Hồng. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ; hệ thống đô thị phát triển theo hướng xanh, thông minh, hiện đại, giàu bản sắc; đạt một số tiêu chí cơ bản của thành phố cảng quốc tế” và xác định tầm nhìn đến năm 2050: “phấn đấu trở thành trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ, logistics và cảng biển lớn của vùng Bắc Bộ, có vai trò động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội vùng duyên hải Bắc Bộ và cả nước. Là một đô thị hiện đại, xanh, thông minh, an ninh, an toàn, bền vững và hội nhập quốc tế sâu rộng. Phát triển công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ chất lượng cao phục vụ các hoạt động sản xuất trên địa bàn và toàn vùng; phát triển kinh tế biển đa giá trị tạo sự ổn định cho nền kinh tế”. Thực hiện Quy hoạch trên, Ủy ban nhân dân Thành phố cũng xây dựng kế hoạch thực hiện đề án phát triển nhân lực tỉnh Hải Phòng với mục tiêu chung: “Phát triển nguồn nhân lực của thành phố Hải Phòng đảm bảo quy mô, cơ cấu, chất lượng đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp. Phấn đấu đào tạo lực lượng lao động có trình độ, có kỹ năng, kỹ thuật, tác phong công nghiệp, văn hóa và ý thức kỷ luật cao để xây dựng Hải Phòng trở thành thành phố cảng hiện đại vào năm 2030”. Để đạt được mục tiêu này, thành phố Hải Phòng cần có một lực lượng lao động không chỉ giỏi về chuyên môn kỹ thuật mà còn cần có sự hiểu biết sâu sắc về kinh tế số, đặc biệt cần có một đội ngũ nhân lực là những chuyên gia về kinh tế số, chuyển đổi số và công nghệ số.

Bên cạnh đó, hiện nay, trong Thành phố có rất nhiều doanh nghiệp lớn, nhỏ ra đời và đang ngày càng lớn mạnh, cần có một đội ngũ chuyên gia kinh tế số có năng lực để hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc áp dụng công nghệ số, tuân thủ các quy định về an ninh mạng và giải quyết các vấn đề kinh doanh số phát sinh trong quá trình hoạt động. Chính đội ngũ chuyên gia kinh tế số, quản lý nền tảng số và các cán bộ số sẽ giúp các doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro số, đảm bảo quyền lợi hợp pháp và tạo dựng niềm tin cho các đối tác và nhà đầu tư.

Để có cơ sở xây dựng chương trình đào tạo đại học ngành Kinh tế số, nhóm thực hiện đề án đã tiến hành khảo sát nhà tuyển dụng là cán bộ quản lý các doanh nghiệp, cơ quan quản lý số và cựu người học về nhu cầu nhân lực đối với ngành Kinh tế số.

Để đánh giá nhu cầu thực tế của thành phố Hải Phòng và một số tỉnh lân cận về nhu cầu nhân lực đối với ngành Kinh tế số. Nhóm xây dựng đề án đã tiến hành khảo sát 85 nhà tuyển dụng là cán bộ, nhân viên tại các doanh nghiệp, các cơ quan quản lý số tại phường, quận, thành phố. Kết quả 92,9% ý kiến của nhà tuyển dụng cho rằng cần thiết mở ngành Kinh tế số. 90,6% nhà tuyển dụng được khảo sát cho rằng nhu cầu tuyển dụng trong tương lai ngành Kinh tế số sẽ tăng.

Nhà tuyển dụng đánh giá rất cao về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ của sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Kinh tế số cụ thể: mức độ rất cần thiết và cần thiết và sự hiểu biết về các khoa học xã hội nhân văn lĩnh vực Kinh tế số là trên 90% và đặc biệt nhà tuyển dụng đánh giá cao mức độ cần thiết của kỹ năng quản lý chất lượng công việc số, tinh thần học hỏi trong môi trường số (rất cần thiết chiếm trên 70%). Với các câu hỏi về những yêu cầu năng lực của người học tốt nghiệp ngành Kinh tế số, hầu hết nhà tuyển dụng đều đánh giá cao cử nhân Kinh tế số các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề số; kỹ năng phân tích dữ liệu lớn và AI; kỹ năng xây dựng mô hình kinh doanh số; năng lực công nghệ thông tin; có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội; tinh thần kỷ luật trong công việc số,... Đồng thời, các nhà tuyển dụng cũng đóng góp thêm đối với người tốt nghiệp cử nhân Kinh tế số cần phải đam mê với công nghệ, thường xuyên học hỏi nâng cao trình độ số, kiên trì và nhẫn nại,...

Với kết quả như vậy, có thể thấy tiềm năng người học đối với ngành Kinh tế số là rất lớn, cơ hội việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp là rất khả quan. Người học sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm được việc làm phù hợp với ngành đào tạo.

Thông qua khảo sát 158 cựu người học hiện đang làm việc tại các doanh nghiệp và cơ quan quản lý số về mức độ cần thiết năng lực của người học ngành Kinh tế số, kết quả: cựu sinh viên đánh giá rất cao về tinh thần cầu thị, đòi hỏi trong công việc số (Rất cần thiết 75,86% và Cần thiết: 17,24%); hiểu biết về lĩnh vực

Kinh tế số (Rất cần thiết: 74,07% và cần thiết: 25,93%); hiểu biết về công nghệ số (rất cần thiết: 51,85% và cần thiết: 25,93%). Về những yêu cầu năng lực của người học tốt nghiệp ngành Kinh tế số, hầu hết cựu sinh viên đều đánh giá cao cử nhân Kinh tế số phải có các kỹ năng như: Năng lực ngoại ngữ; năng lực công nghệ thông tin; kỹ năng phân tích dữ liệu và AI; kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề số; có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp trong môi trường số.

Như vậy, việc mở ngành đào tạo Kinh tế số tại Nhà trường sẽ giúp cung cấp một lượng lớn nhân lực có trình độ kinh tế số cao cho các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp, giúp các doanh nghiệp của Thành phố nói riêng và cả nước nói chung thực hiện các hoạt động kinh doanh số một cách hiệu quả, từ xây dựng nền tảng số, quản lý dữ liệu lớn, triển khai AI trong kinh doanh..., đến giải quyết các vấn đề chuyển đổi số và đảm bảo tuân thủ các quy định về kinh tế số, từ đó, đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững của thành phố Hải Phòng cũng như cả nước trong thời gian tới.

2.3. Sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của Trường Đại học Sao Đỏ

Thực hiện theo Quyết định số 2382/QĐ-BCT ngày 08/9/2020 và Quyết định số 1124/QĐ-BCT ngày 01/4/2021 của Bộ Công Thương, Trường Đại học Sao Đỏ có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn trong việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trình độ đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; hợp tác quốc tế và hoạt động dịch vụ, sản xuất phù hợp quy định của pháp luật, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Nhà trường tổ chức xây dựng, phát triển các chương trình đào tạo bảo đảm tính liên thông, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo – nghiên cứu - ứng dụng thực tiễn, hướng tới mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho nền kinh tế.

Trong những năm qua, Trường Đại học Sao Đỏ đã thực hiện tốt sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, kỹ năng nghề nghiệp và đạo đức, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội và của khu vực kinh tế trọng điểm phía Bắc. Nhà trường định hướng phát triển tầm nhìn đến năm 2045 với mục tiêu:

- Tiếp tục đổi mới công tác tuyển sinh, nâng cao quy mô và chất lượng người học;
- Đẩy mạnh liên kết đào tạo với các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp trong và ngoài nước;
- Đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, phòng thí nghiệm, trung tâm mô phỏng hiện đại;
- Thúc đẩy nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ vào thực tiễn sản xuất;
- Thực hiện mạnh mẽ việc chuyển đổi số và ứng dụng AI trong đào tạo nguồn nhân lực.
- Xây dựng đội ngũ giảng viên đạt chuẩn quốc gia và quốc tế;

- Nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện, đảm bảo tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp ngày càng cao.

Trong chiến lược phát triển đó, việc mở ngành đào tạo kinh tế số hoàn toàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của Nhà trường. Đây là ngành có tính thực tiễn cao, phù hợp với định hướng ứng dụng của Trường Đại học Sao Đỏ, đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong tiến trình hội nhập, chuyển đổi số và xây dựng nền kinh tế số bền vững.

Hiện nay, Trường Đại học Sao Đỏ cũng đang thực hiện chiến lược phát triển theo hướng hiện đại hóa, quốc tế hóa. Việc mở ngành đào tạo Kinh tế số sẽ là cơ sở để Nhà trường cung cấp nguồn nhân lực ngành kinh tế số và là cơ hội để Nhà trường tiếp tục khẳng định vai trò, uy tín của mình trong việc đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu xã hội, từ đó nâng cao uy tín của trường trong việc đào tạo các ngành học có tính chất thực tiễn cao.

Như vậy, việc mở ngành đào tạo Kinh tế số tại Trường Đại học Sao Đỏ là vô cùng cần thiết và phù hợp với yêu cầu của công tác chuyển đổi số quốc gia, yêu cầu xây dựng, hoàn thiện đội ngũ nhân lực chất lượng cao và nhu cầu nguồn nhân lực ngành Kinh tế số, góp phần vào việc xây dựng nền kinh tế số Việt Nam theo định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay. Việc mở ngành đào tạo Kinh tế số tại Trường Đại học Sao Đỏ chắc chắn sẽ mang lại những lợi ích to lớn cho cả sinh viên, nhà trường và cộng đồng.

3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

3.1. Căn cứ pháp lý xây dựng chương trình đào tạo

Trường Đại học Sao Đỏ đã tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT ngành Kinh tế số đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Giáo dục đại học, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành theo quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Chương trình đào tạo gồm 130 TC (chưa bao gồm khối lượng kiến thức giáo dục quốc phòng - an ninh và giáo dục thể chất) và đảm bảo đầy đủ các điều kiện tổ chức quá trình đào tạo, cũng như các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo.

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ GD&ĐT về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

- Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ GD&ĐT về việc

ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học.

- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ GD&ĐT về việc quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.

- Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT về việc quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ GD&ĐT về việc quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

- Quyết định Số 376/QĐ-TTg ngày 24/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHSĐ;

- Quyết định số 2382/QĐ-BCT ngày 08/9/2020; sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 1124/QĐ-BCT ngày 01/4/2021 của Bộ Công Thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ;

- Quyết định số 77/QĐ-ĐHSĐ ngày 17/2/2025 của Trường Đại học Sao Đỏ về việc kiện toàn Hội đồng khoa học và đào tạo Trường Đại học Sao Đỏ;

- Nghị quyết số 77/NQ-HĐT ngày 29/3/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Sao Đỏ tại kỳ họp thứ hai mươi Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020 – 2025. (Nghị quyết chung có chủ trương mở ngành);

- Kế hoạch Số 73/KH-ĐHSĐ ngày 13/5/2025 của Trường Đại học Sao Đỏ về việc xây dựng đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ;

- Nghị quyết số 78/NQ-HĐT ngày 29/3/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Sao Đỏ, về chủ trương mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ.

- Quyết định số 369/QĐ-ĐHSĐ ngày 01/8/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ về việc thành lập Hội đồng xây dựng đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ;

- Quyết định số 530/QĐ-ĐHSD ngày 08/10/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ về việc thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ các ngành;

- Biên bản họp thẩm định CTĐT trình độ đại học, ngành Kinh tế số - mã ngành 7310109, ngày 10/10/2025.

- Biên bản họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Sao Đỏ về việc thông qua chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế số - mã ngành 7310109 ngày 15/10/2025.

- Quyết định số 559 /QĐ-ĐHSD ngày 17/10//2025 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học.

3.2. Chương trình đào tạo tham khảo

CTĐT ngành Kinh tế số đã xây dựng có tham khảo, đối sánh với CTĐT của 04 trường Đại học trong nước và 02 trường đại học nước ngoài (*Bảng 1*). Các nội dung tham khảo bao gồm: thời lượng của các CTĐT, các mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR), các khối kiến thức trong CTĐT và các môn học/học phần trong các CTĐT.

Bảng 1. Các cơ sở đào tạo có CTĐT đã tham khảo

STT	Tên trường	Tên CTĐT đã tham khảo	Ghi chú
I	Trường ĐH trong nước		
1	Học viện chính sách và phát triển	Chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế số	
2	Học viện Phụ nữ Việt Nam	Chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế số	
3	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh	Chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế số	
II	Trường ĐH Quốc tế		
1	University of Worcester, United Kingdom	Digital Business	
2	Binus University, Indonesia	Digital Business	

3.3. Nội dung chương trình đào tạo

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình : Kinh tế số
Trình độ đào tạo : Đại học (Cử nhân)
Ngành đào tạo : Kinh tế số
 (Digital Economy)
Mã ngành : 7310109
Hình thức đào tạo : Chính quy

*(Ban hành theo Quyết định số 377/QĐ-ĐHSD ngày 05 tháng 8 năm 2025
của Trường Đại học Sao Đỏ)*

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Kinh tế số có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp tốt, sức khỏe dồi dào; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, pháp luật, xã hội và nhân văn; sở hữu kiến thức chuyên môn toàn diện; có năng lực hoạch định, tổ chức thực hiện, kiểm tra và kiểm soát các hoạt động kinh tế số tại các tổ chức kinh tế; có khả năng làm việc độc lập, hợp tác nhóm và thích ứng linh hoạt với môi trường làm việc; duy trì ý thức kỷ luật tổ chức trong công việc, tinh thần phục vụ cộng đồng; phát triển năng lực nghiên cứu, sáng tạo và tự học tập để nâng cao bản thân trong kỷ nguyên kinh tế số, hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.2.1.1a. Nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, kinh tế – xã hội, quốc phòng và an ninh; nhận thức rõ vai trò của các lĩnh vực này trong bối cảnh phát triển đương đại, nhằm áp dụng hiệu quả vào phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong nghề nghiệp và cuộc sống, đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

1.2.1.1b. Sở hữu nền tảng kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên, xã hội – nhân văn, tin học và ngoại ngữ, làm cơ sở để tiếp thu kiến thức chuyên ngành, học tập suốt đời và nâng cao năng lực trong lĩnh vực kinh tế.

1.2.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

1.2.1.2a. Nắm vững kiến thức nền tảng về kinh tế, thống kê, thương mại, marketing, tài chính và kế toán.

1.2.1.2b. Có kiến thức chuyên sâu về kinh tế số, bao gồm nguyên lý hoạt động và mô hình kinh doanh trong môi trường số; chuyển đổi số trong doanh nghiệp,

thương mại điện tử, phân tích dữ liệu lớn (Big Data), blockchain, trí tuệ nhân tạo (AI) trong kinh tế; chiến lược kinh doanh, quản trị nhân lực, tác nghiệp, chất lượng và thương hiệu để quản lý và điều hành các tổ chức kinh tế.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Có kỹ năng hoạch định, triển khai tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra và giám sát các hoạt động kinh tế số tại các tổ chức kinh tế.

1.2.2.2. Có kỹ năng tư duy phản biện và giải quyết vấn đề trong môi trường kinh tế số đầy biến động.

1.2.2.3. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ (tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc) và công nghệ thông tin để nghiên cứu tài liệu chuyên môn, giao tiếp và làm việc với chuyên gia, đối tác quốc tế trong bối cảnh hội nhập.

1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

1.2.3.1. Thể hiện khả năng làm việc độc lập, chủ động sáng tạo, phối hợp nhóm hiệu quả; duy trì trách nhiệm cao trong công việc cá nhân và tập thể ở mọi bối cảnh học tập, thực hành, thực tế, đặc biệt trong môi trường công nghệ số thay đổi nhanh chóng tại các tổ chức kinh tế.

1.2.3.2. Có năng lực quyết định, tổ chức, hướng dẫn, giám sát và hỗ trợ đồng nghiệp hoặc cấp dưới khi thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế số tại các tổ chức kinh tế.

1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp được cấp bằng cử nhân Kinh tế số; có đủ năng lực đảm nhận các vị trí tại tổ chức kinh tế, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế, quản lý và kinh doanh với vai trò quản trị, điều hành kinh doanh, giảng dạy và nghiên cứu; khả năng tự khởi nghiệp và theo học trình độ cao hơn.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức

2.1.1. Hiểu và vận dụng các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật, quốc phòng – an ninh và giáo dục thể chất để rèn luyện phẩm chất, đạo đức và giải quyết các vấn đề xã hội trong học tập cũng như môi trường nghề nghiệp.

2.1.2. Vận dụng hiệu quả kiến thức nền tảng về toán học, khoa học tự nhiên, xã hội - nhân văn và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức chuyên môn, thực hiện nghiên cứu khoa học và phát triển trình độ chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế số.

2.1.3. Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT trong học tập, xử lý công việc chuyên môn và thích nghi với môi trường làm việc hiện đại; đáp ứng yêu cầu năng lực số theo quy định hiện hành.

2.1.4. Hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh trong hoạt động kinh doanh số của doanh nghiệp.

2.1.5. Vận dụng và phân tích kiến thức lĩnh vực kinh tế số vào thực tiễn doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh số phức tạp và biến động liên tục.

2.1.6. Xây dựng và đánh giá kế hoạch, tổ chức và giám sát để quản lý, điều hành hoạt động kinh tế số tại các tổ chức kinh tế.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Giải thích và truyền đạt vấn đề, giải pháp chuyên môn một cách rõ ràng, dễ hiểu; đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

2.2.2. Vận dụng các công cụ số và công nghệ thông tin vào các hoạt động kinh doanh tại tổ chức kinh tế.

2.2.3. Phân tích dữ liệu và thông tin trong môi trường số để hỗ trợ ra quyết định kinh doanh.

2.2.4. Hợp tác, thích ứng với môi trường và công việc mới; dẫn dắt, khởi nghiệp và tạo việc làm cho bản thân cũng như người khác.

2.2.5. Xây dựng, triển khai và vận hành mô hình kinh doanh số, nền tảng số trong hoạt động sản xuất kinh doanh dựa trên phân tích, đánh giá các chính sách quản lý và điều hành tổ chức kinh tế.

2.2.6. Đạt năng lực ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương; ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin phục vụ công việc chuyên môn và đáp ứng yêu cầu năng lực số theo quy định hiện hành.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Có sức khỏe tốt và thái độ học tập tích cực; nhận thức rõ vai trò của học tập suốt đời; khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm hiệu quả, trách nhiệm nghề nghiệp và tinh thần phục vụ cộng đồng trong môi trường chuyên môn kinh tế số linh hoạt và biến đổi.

2.3.2. Có năng lực tổ chức, hướng dẫn và giám sát nhân viên hoặc đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ lĩnh vực kinh tế số tại tổ chức kinh tế.

2.3.3. Phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu; tự định hướng nghề nghiệp, hình thành quan điểm cá nhân; đưa ra kết luận, lập luận và bảo vệ chính kiến trong xử lý tình huống lĩnh vực kinh tế số tại tổ chức kinh tế.

2.3.4. Thiết lập quy trình điều phối, quản lý, hướng dẫn, giám sát, đánh giá và đưa ra kết luận các công việc chuyên môn nghề nghiệp trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi công nghệ.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO THEO KẾ HOẠCH HỌC TẬP CHUẨN TOÀN KHÓA: 4,0 năm

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 130TC (chưa bao gồm giáo dục an ninh – quốc phòng và giáo dục thể chất)

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ, hình thức đào tạo chính quy) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sao Đỏ.

7. THANG ĐIỂM: Sử dụng thang điểm 10 được quy đổi thành thang điểm 4 và điểm chữ

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

A. HỌC PHẦN KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG VÀ GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP (Courses in General and Professional Education Knowledge Blocks)

STT/ No	Mã học phần/ Course Code	Học phần/Course	Tín chỉ/Credit		
			Tổng/ Total	LT/ Lecture	TH/ Practice
8.1		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG <i>General Education Knowledge</i>	49	35	14
8.1.1		Lý luận chính trị <i>Political Theory</i>	11	11	0
1.	CTRI 004	Triết học Mác – Lênin <i>Marxist - Leninist Philosophy</i>	3	3	0
2.	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Marxist - Leninist Political Economy</i>	2	2	0
3.	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	2	0
4.	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the Communist Party of Vietnam</i>	2	2	0
5.	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	2	0
8.1.2		Khoa học xã hội - nhân văn <i>Social Sciences and Humanities</i>	6	6	0
6.	KHXX 006	Pháp luật đại cương <i>General Law</i>	2	2	0
7.	KHXX 010	Tâm lý học đại cương <i>General Psychology</i>	2	2	0
8.	KHXX 002	Khởi nghiệp kinh doanh <i>Business Startup</i>	2	2	0
8.1.3		Ngoại ngữ (chọn 1 trong 2 ngoại ngữ) <i>Foreign Language (choose one of two languages)</i>	8	8	0
8.1.3.1		Tiếng Anh <i>English</i>	8	8	0

STT/ No	Mã học phần/ <i>Course Code</i>	Học phần/ <i>Course</i>	Tín chỉ/ <i>Credit</i>		
			Tổng/ <i>Total</i>	LT/ <i>Lecture</i>	TH/ <i>Practice</i>
9.	TANH 051	Tiếng Anh 1 <i>English 1</i>	2	2	0
10.	TANH 052	Tiếng Anh 2 <i>English 2</i>	3	3	0
11.	TANH 053	Tiếng Anh 3 <i>English 3</i>	3	3	0
8.1.3.2		Tiếng Trung Quốc <i>Chinese</i>	8	8	0
12.	TTRUNG 022	Tiếng Trung Quốc 1 <i>Chinese 1</i>	2	2	0
13.	TTRUNG 023	Tiếng Trung Quốc 2 <i>Chinese 2</i>	3	3	0
14.	TTRUNG 024	Tiếng Trung Quốc 3 <i>Chinese 3</i>	3	3	0
8.1.4		Toán học - Khoa học tự nhiên - Tin học <i>Mathematics – Natural Sciences – Informatics</i>	8	6	2
15.	TOAN 015	Đại số tuyến tính <i>Linear Algebra</i>	2	2	0
16.	TOAN 017	Giải tích <i>Calculus</i>	2	2	0
17.	TINCB 006	Tin học cơ bản và chuyển đổi số <i>Basic Informatics and Digital Transformation</i>	4	2	2
8.1.5		Kỹ năng mềm <i>Soft Skills</i>	3	2	1
18.	KNM 008	Kỹ năng mềm 1 <i>Soft Skills 1</i>	3	2	1
8.1.6		Giáo dục thể chất (chọn 3 trong 5 học phần) <i>Physical Education (Choose 3 out of 5 courses)</i>	3	0	3
19.	GDTC 001	Bóng chuyền hơi <i>Soft Volleyball</i>	1	0	1
20.	GDTC 002	Bóng đá <i>Football</i>	1	0	1
21.	GDTC 006	Cầu lông	1	0	1

STT/ No	Mã học phần/ Course Code	Học phần/Course	Tín chỉ/Credit		
			Tổng/ Total	LT/ Lecture	TH/ Practice
		<i>Badminton</i>			
22.	GDTC 004	Khiêu vũ thể thao <i>Dancesport</i>	1	0	1
23.	GDTC 005	Pickleball <i>Pickleball</i>	1	0	1
8.1.7		Giáo dục quốc phòng và an ninh <i>National Defense and Security Education</i>	8 TC (165 tiết)		
24.	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh <i>National Defense and Security Education</i>	8 TC (165 tiết)		
8.1.8	Phần tự chọn có hướng dẫn (chọn 1 trong 3 học phần sau) <i>Guided Elective</i> (choose 1 out of the following 3 courses)		2	2	0
25.	KHXX 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Scientific Research Methodology</i>	2	2	0
26.	KHXX 012	Tổ chức sản xuất và quản lý doanh nghiệp <i>Production Organization and Business Management</i>	2	2	0
27.	TOAN 021	Xác suất và thống kê <i>Probability and Statistics</i>	2	2	0
8.2		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP <i>Professional Education Knowledge</i>	92	53	39
8.2.1		Kiến thức cơ sở ngành <i>Basic Professional Knowledge</i>	29	22	7
28.	QTKD 057	Hệ thống thông tin quản lý <i>Management Information Systems</i>	3	2	1
29.	QTKD 013	Kinh tế vi mô <i>Microeconomics</i>	3	2	1
30.	QTKD 014	Kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics</i>	3	2	1
31.	QTKD 055	Pháp luật kinh tế <i>Business Law</i>	2	2	0
32.	QTKD 058	Lý thuyết thống kê <i>Statistical Theory</i>	2	1	1
33.	KETOAN 050	Lý thuyết tài chính <i>Financial Theory</i>	2	2	0
34.	QTKD 068	Kinh tế lượng	3	2	1

STT/ No	Mã học phần/ <i>Course Code</i>	Học phần/ <i>Course</i>	Tín chỉ/ <i>Credit</i>		
			Tổng/ <i>Total</i>	LT/ <i>Lecture</i>	TH/ <i>Practice</i>
		<i>Econometrics</i>			
35.	QTKD 053	Thương mại điện tử <i>Electronic Commerce</i>	3	2	1
36.	QTKD 001	Marketing căn bản <i>Basic Marketing</i>	2	2	0
37.	KETOAN 060	Nguyên lý kế toán <i>Principles of Accounting</i>	3	2	1
38.	QTKD 009	Quản trị học <i>Management</i>	3	3	0
8.2.2		Kiến thức ngành <i>Specialized Knowledge</i>	43	31	12
8.2.2.1		Phần bắt buộc <i>Compulsory Section</i>	37	27	10
39.	KTS 001	Nhập môn chuyển đổi số <i>Introduction to digital transformation</i>	2	2	0
40.	KTS 002	Kinh tế số <i>Digital Economy</i>	3	3	0
41.	KTS 004	Mạng máy tính và truyền thông số <i>Computer networks and digital communications</i>	3	2	1
42.	QTKD 012	Thương mại quốc tế <i>International Trade</i>	3	2	1
43.	QTKD 020	Quản trị chiến lược <i>Strategic Management</i>	3	2	1
44.	KETOAN 065	Công nghệ Tài chính <i>Financial Management</i>	3	2	1
45.	QTKD 043	Marketing số <i>Digital marketing</i>	3	2	1
46.	KTS 005	Trí tuệ nhân tạo và ứng dụng trong kinh doanh <i>Artificial Intelligence and its Applications in Business</i>	2	1	1
47.	KTS 006	Blockchain và ứng dụng trong kinh doanh <i>Blockchain and Application</i>	3	2	1
48.	KTS 007	Dữ liệu lớn trong kinh doanh <i>Big Data in Business</i>	2	1	1

STT/ No	Mã học phần/ Course Code	Học phần/Course	Tín chỉ/Credit		
			Tổng/ Total	LT/ Lecture	TH/ Practice
49.	KTS 008	Pháp luật thương mại điện tử <i>E-commerce law</i>	2	2	0
50.	KTS 009	Các mô hình kinh doanh số <i>Digital business models</i>	2	2	0
51.	KTS 010	Thiết kế website thương mại điện tử <i>E-commerce website design</i>	3	2	1
52.	TMDT 004	An toàn hệ thống thông tin <i>Information system security</i>	3	2	1
8.2.2.2		Phần tự chọn có hướng dẫn 1 (chọn 2 trong 6 học phần sau) Guided Elective Courses 1 (choose 2 out of the following 6 courses)	6	4	2
53.	TMĐT 003	Thanh toán điện tử <i>Electronic Payment</i>	3	2	1
54.	TMĐT 010	Quản trị tác nghiệp trong thương mại điện tử <i>Operational management in e-commerce</i>	3	2	1
55.	KETOAN 054	Thị trường chứng khoán <i>Stock Market</i>	3	2	1
56.	LOGISTIC 005	Quản trị chuỗi cung ứng <i>Change Management</i>	3	2	1
57.	QTKD 027	Quản trị rủi ro <i>Risk Management</i>	3	2	1
58.	QTKD 062	Quản trị logistics <i>Logistics Management</i>	3	2	1
8.2.3		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp Internship and Graduation Thesis	20	0	20
8.2.3.1		Thực tập Internship	10	0	10
59.	KTS 401	Thực tập chuyên đề <i>Thematic Internship</i>	3	0	3
60.	KTS 402	Thực tập tốt nghiệp <i>Graduation Internship</i>	7	0	7
8.2.3.2		Khóa luận tốt nghiệp Graduation Thesis	10	0	10
61.	KTS 403	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học 4 học phần chuyên môn sau)	10	0	10

STT/ No	Mã học phần/ Course Code	Học phần/Course	Tín chỉ/Credit		
			Tổng/ Total	LT/ Lecture	TH/ Practice
		Graduation Thesis (or taking the following 4 specialized courses)			
62.	KTS 404	Đề án Kinh tế số Digital Economy Project	3	0	3
63.	KTS 405	Đề án phân tích dữ liệu marketing Business Administration Project	3	0	3
64.	QTKD 059	Phần mềm quản lý quan hệ khách hàng Customer Relationship Management Software	2	0	2
65.	QTKD 060	Phần mềm quản lý nhân sự Human Resources Management Software	2	0	2
Tổng (tín chỉ) Total (credits)			141	88	53

B. HỌC PHẦN TỰ CHỌN TÙY Ý

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
1	KNM 009	Kỹ năng mềm 2 Soft Skills 2	3	2	1
2	TANH 062/ TTRUNG 020	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế số/Tiếng Trung nâng cao English for Business Administration/Advanced Chinese	2	2	0
3	QTKD 065	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp Corporate Social Responsibility	2	1	1
4	KTS 003	Chính phủ số Digital Government	2	2	0
5	QTKD 040	Giao dịch và đàm phán kinh doanh Business Negotiation	2	1	1
6	QTKD 051	Văn hoá doanh nghiệp Corporate Culture	3	2	1
7	KTS 013	Trải nghiệm doanh nghiệp Business Experience	5	0	5
8	KTS 011	Truyền thông đa phương tiện Multimedia	3	2	1
Tổng (tín chỉ)			22	12	10

9. MA TRẬN TÍCH HỢP HỌC PHẦN - CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
1.	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin Marxist - Leninist Philosophy	2									3			4		4	
2.	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin Marxist - Leninist Political Economy	2									3			4		4	
3.	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	2									3			4		4	
4.	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of the Communist Party of Vietnam	2									3			4		4	
5.	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's Ideology	2									3			4		4	
6.	KHXXH 006	Pháp luật đại cương General Law	2									3			4		4	
7.	KHXXH 010	Tâm lý học đại cương General Psychology	2									3			4		4	
8.	KHXXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh Business Startup				3							3			3	3	3
9.	TANH 051	Tiếng Anh 1 English 1	3											3	3			

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
10.	TANH 052	Tiếng Anh 2 English 2	3											3	3			
11.	TANH 053	Tiếng Anh 3 English 3	3											3	3			
12.	TTRUNG 022	Tiếng Trung Quốc 1 Chinese 1	3											3	3			
13.	TTRUNG 023	Tiếng Trung Quốc 2 Chinese 2	3											3	3			
14.	TTRUNG 024	Tiếng Trung Quốc 3 Chinese 3	3											3	3			
15.	TOAN 015	Đại số tuyến tính Linear Algebra	3						2						2			
16.	TOAN 017	Giải tích Calculus	3						2						2			
17.	TINCB 006	Tin học cơ bản và chuyển đổi số Basic Informatics and Digital Transformation	3											3	3	3		
18.	KNM 008	Kỹ năng mềm 1 Soft Skills 1	2									4	3		4		4	
19.	GDTC001	Bóng chuyền hơi Aerobic Volleyball	2									3			4			

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
		Systems																
29.	QTKD 013	Kinh tế vi mô Microeconomics				3				3						3		
30.	QTKD 014	Kinh tế vĩ mô Macroeconomics				3				3						3		
31.	QTKD 055	Pháp luật kinh tế Business Law				3			3							3	3	
32.	QTKD 058	Lý thuyết thống kê Statistical Theory				3			3							3	3	
33.	KETOAN 050	Lý thuyết tài chính Financial Theory				3			3							3	3	
34.	QTKD 068	Kinh tế lượng Econometrics				3				3						3		
35.	QTKD 053	Thương mại điện tử Electronic Commerce				4			4							4	4	
36.	QTKD 001	Marketing căn bản Basic Marketing				3			3							3	3	
37.	KETOAN 060	Nguyên lý kế toán Principles of Accounting				3						3				3		
38.	QTKD 009	Quản trị học Management					3			3							3	3

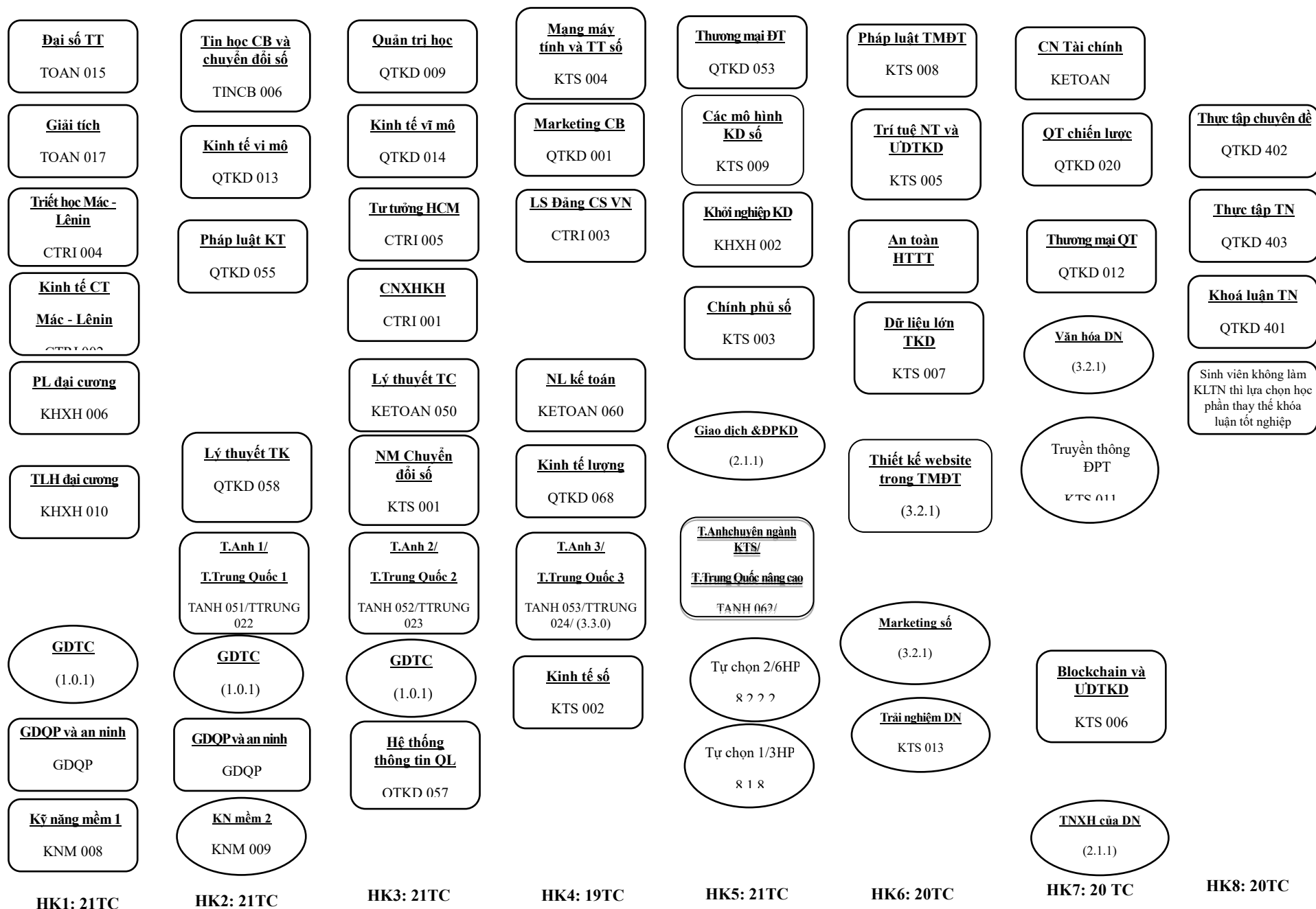
STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
39.	KTS 001	Nhập môn chuyển đổi số Introduction to digital transformation				4	4	4	2	4		4			3	3	4	4
40.	KTS 002	Kinh tế số Digital Economy				4	4	4	2	4		4			3	3	4	4
41.	KTS 004	Mạng máy tính và truyền thông số Computer networks and digital communications				4	4	4	2	4		4			3	3	4	4
42.	QTKD 012	Thương mại quốc tế International Trade					3			3						3		
43.	QTKD 020	Quản trị chiến lược Strategic Management					4	4	2	4		4			3	3	4	4
44.		Công nghệ tài chính Financial Management					4	4	2	4	4	4			3	3	4	4
45.	QTKD 043	Marketing số Digital marketing				4	4	4	2	4		4			3	3	4	4
46.	KTS 005	Trí tuệ nhân tạo và ứng dụng trong kinh doanh Artificial Intelligence and its Applications in Business				4	4	4	2	4		4			3	3	4	4
47.	KTS 006	Blockchain và ứng dụng trong				4	4	4	2	4		4			3	3	4	4

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
		kinh doanh Blockchain and Application																
48.	KTS 007	Dữ liệu lớn trong kinh doanh Big Data in Business				4	4	4	2	4		4			3	3	4	4
49.	KTS 008	Pháp luật thương mại điện tử E-commerce law				4	4	4	2	4		4			3	3	4	4
50.	KTS 009	Các mô hình kinh doanh số Digital business models				4	4	4	2	4		4			3	3	4	4
51.	KTS 010	Thiết kế website thương mại điện tử E-commerce website design				4	4	4	2	4		4			3	3	4	4
52.	TMDT 004	An toàn hệ thống thông tin Information system security						4									4	4
53.	TMĐT 003	Thanh toán điện tử Electronic Payment				4	4	4	2	4		4			3	3	4	4
54.	TMĐT 010	Quản trị tác nghiệp trong thương mại điện tử Operational management in e-commerce				4	4	4	2	4		4			3	3	4	4
55.	KETOAN 054	Thị trường chứng khoán Stock Market				3						3				3		
56.	LOGISTIC	Quản trị chuỗi cung ứng					4	4	2	4		4			3	3	4	4

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
	005	Change Management																
57.	QTKD 027	Quản trị rủi ro Risk Management					4	4	4	4		4			4	4	4	4
58.	QTKD 062	Quản trị logistic Logistics Management					4	4	4	4		4			4	4	4	4
59.	KTS 401	Thực tập chuyên đề Thematic Internship				4	4	4	4	4	4	4	4		3	4	4	4
60.	KTS 402	Thực tập tốt nghiệp Graduation Internship				4	4	4	4	4	4	4	4		3	4	4	4
61.	KTS 403	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học 4 học phần chuyên môn sau) Graduation Thesis (or taking the following 4 specialized courses)				5	5	5	5	4		4	4		4	4	4	4
62.	KTS 404	Đề án Kinh tế số Digital Economy Project					4	4	4	4		4	4				4	4
63.	KTS 405	Đề án phân tích dữ liệu marketing Business Administration Project					5	5	5	4		4	4		4	4	4	4
64.	QTKD 059	Phần mềm quản lý quan hệ khách hàng Customer Relationship Management Software					5	5	5	4		4	4		4	4	4	4

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
65.	QTKD 060	Phần mềm quản lý nhân sự Human Resources Management Software					5	5	5	4		4	4		4	4	4	4
66.	KNM 009	Kỹ năng mềm 2 Soft Skills 2	2									4	3		4		4	
67.	TANH 062/ TTRUNG 020	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế số/Tiếng Trung nâng cao English for Business Administration/Advanced Chinese	3											3	3			
68.	QTKD 065	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp Corporate Social Responsibility					3			3								4
69.	KTS 003	Chính phủ số Digital Government				4	4	4	2	4		4			3	3	4	4
70.	QTKD 040	Giao dịch và đàm phán kinh doanh Business Negotiation					4	4	4				4		4	4		
71.	QTKD 051	Văn hoá doanh nghiệp Corporate Culture					4	4		4		4	4			4	4	4
72.	KTS 013	Trải nghiệm doanh nghiệp Business Experience				4	4	4	4	4	4	4	4		3	4	4	

10. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO



3.4. Kế hoạch đào tạo

Kế hoạch đào tạo được thiết kế các học phần theo từng học kỳ, phù hợp với từng khối, từng bậc kiến thức, đảm bảo về các điều kiện tiêu quyết. Một năm học có 2 học kỳ, mỗi học kỳ sinh viên được học từ 17 - 19 tín chỉ. Cụ thể kế hoạch đào tạo được thực hiện theo từng kỳ như sau (Bảng 2):

Bảng 2. Kế hoạch đào tạo và phân công giảng viên giảng dạy trình độ đại học ngành Kinh tế số

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Học phần tiên quyết	Phân công giảng viên giảng dạy
			Tổng	LT	TH		
	Kỳ 1						
1	TOAN 015	Đại số tuyến tính	2	2	0	Không	Nguyễn Thị Hồng Nguyễn Việt Tuấn
2	TOAN 017	Giải tích	2	2	0	Đại số tuyến tính	Nguyễn Kiều Hiền Nguyễn Thị Diệp Huyền
3	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	Không	Trần Thị Hồng Nhung Phạm Xuân Đức
4	KHXX 006	Pháp luật đại cương	2	2	0	Không	Phạm Thị Mai Đỗ Thị Thuý
5	KHXX 010	Tâm lý học đại cương	2	2	0	Không	Nguyễn Thị Hiền Phùng Thị Lý
6	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4	0	4	Không	Hà Đình Soát Vũ Tiến Hiếu
7	KNM 008	Kỹ năng mềm 1	3	2	1	Không	Đỗ Thị Thuý Nguyễn Thị Hiền
8		GDTC	1	0	1	Không	Hà Đình Soát Vũ Tiến Hiếu
9	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	Không	Phạm Thị Hồng Hoa Phùng Thị Lý
		Cộng	21	15	6		
	Kỳ 2						
10	TINCB 006	Tin học cơ bản và chuyển đổi số	4	2	2		Vũ Bảo Tạo Phạm Văn Kiên
11	QTKD 013	Kinh tế vi mô	3	2	1		Ngô Thị Luyện Hoàng Thị Hoa
12	QTKD 055	Pháp luật kinh tế	2	2	0	Pháp luật đại cương	Nguyễn Thị Ngọc Mai Nguyễn Minh Tuấn
13	QTKD 058	Lý thuyết thống kê	2	1	1		Nguyễn Thị Thủy Nguyễn Thị Huế
14	TANH 051	Tiếng Anh 1	2	2	0		Trịnh Thị Chuyên Vũ Thị Lương

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Học phần tiên quyết	Phân công giảng viên giảng dạy
			Tổng	LT	TH		
15	TTRUNG 022	Tiếng Trung Quốc 1	2	2	0		Nguyễn Thị Lan Phạm Thị Hồng Trang
16		GDTC	1	0	1	Không	Hà Đình Soát Vũ Tiến Hiếu
17	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4	0	4	Không	Hà Đình Soát Vũ Tiến Hiếu
18	KNM 009	Kỹ năng mềm 2	3	2	1	Không	Phùng Thị Lý Nguyễn Thị Hiền
		Cộng	21	11	10		
Kỳ 3							
19	QTKD 009	Quản trị học	3	3	0	Không	Nguyễn Thị Thuỷ Ngô Thị Luyện
20	QTKD 014	Kinh tế vĩ mô	3	2	1	Kinh tế vi mô	Ngô Thị Luyện Nguyễn Thị Kim Nguyên
21	CTRI 005	Tư tưởng HCM	2	2	0	Triết học Mác - Lênin	Phạm Xuân Đức Nguyễn Thị Hải Hà
22	CTRI 001	CNXHKH	2	2	0	Triết học Mác - Lênin	Phùng Thị Lý Nguyễn Mạnh Tường
23	KETOAN 050	Lý thuyết TC	2	2	0		Lương Thị Hoa Vũ Thị Thanh Thủy
24	KTS 001	Nhập môn chuyển đổi số	2	2	0		Đoàn Thị Hằng Lê Thị Huyền
25	TANH 052	Tiếng Anh 2	3	3	0	Tiếng Anh 1	Trịnh Thị Chuyên Vũ Thị Lương
26	TTRUNG 023	Tiếng Trung Quốc 2	3	3	0	Tiếng Trung Quốc 1	Bùi Thị Trang Phạm Thị Hồng Trang
27		GDTC	1	0	1		Hà Đình Soát Vũ Tiến Hiếu
28	QTKD 057	Hệ thống thông tin quản lý	3	2	1		Nguyễn Thị Ngọc Mai Vũ Thị Hương
		Cộng	21	18	3		
Kỳ 4							
29	KTS 004	Mạng máy tính và chuyển đổi số	3	2	1		Vũ Bảo Tạo Phạm Văn Kiên

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Học phần tiên quyết	Phân công giảng viên giảng dạy
			Tổng	LT	TH		
30	QTKD 001	Marketing căn bản	2	2	0		Nguyễn Thị Ngọc Mai Vũ Thị Hương
31	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Nguyễn Thị Hải Hà Nguyễn Mạnh Tường
32	KETOAN 060	Nguyên lý kế toán	3	2	1	Lý thuyết TC	Vũ Thị Lý Đinh Thị Kim Thiết
33	QTKD 068	Kinh tế lượng	3	2	1	Lý thuyết thống kê	Hoàng Thị Hoa Nguyễn Minh Tuấn
34	TANH 053	Tiếng Anh 3	3	3	0	Tiếng Anh 2	Vũ Thị Lương Tăng Thị Hồng Minh
35	TTRUNG 024	Tiếng Trung Quốc 3	3	3	0	Tiếng Trung Quốc 2	Bùi Thị Trang Nguyễn Thị Lan
36	KTS 002	Kinh tế số	3	2	1		Lê Thị Huyền Đoàn Thị Hằng
		Cộng	19	15	4		
	Kỳ 5						
37	QTKD 053	Thương mại điện tử	3	3	0	Không	Nguyễn Thị Huế Nguyễn Thị Ngọc Mai
38	KTS 009	Các mô hình KD số	2	2	0		Nguyễn Thị Ngọc Mai Vũ Thị Hương
39	KHXX 002	Khởi nghiệp kinh doanh	2	2	0		Nguyễn Thị Huế Phạm Thị Hồng Hoa
40	KTS 003	Chính phủ số	2	2	0		Vũ Văn Đông Phạm Thị Hồng Hoa
41	QTKD 040	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	2	1	1		Nguyễn Thị Huế Vũ Thị Hương
42	TANH 064	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế số	2	2	0	Tiếng Anh 3	Tăng Thị Hồng Minh Trần Hoàng Yến
43	TTRUNG 020	Tiếng Trung Quốc nâng cao	2	2	0	Tiếng Trung Quốc 3	Nguyễn Thị Lan Phạm Thị Hồng Trang
44	KHXX 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0		Nguyễn Thị Ngọc Mai Ngô Thị Luyện

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Học phần tiên quyết	Phân công giảng viên giảng dạy
			Tổng	LT	TH		
45	KHXX 012	Tổ chức sản xuất và quản lý doanh nghiệp	2	2	0		Nguyễn Thị Thủy Hoàng Thị Hoa
46	TOAN 021	Xác suất và thống kê	2	2	0		Nguyễn Thị Hồng Nguyễn Kiều Hiên
47	TMĐT 003	Thanh toán điện tử <i>Electronic Payment</i>	3	2	1		Vũ Thị Thanh Thủy Lương Thị Hoa
48	TMĐT 010	Quản trị tác nghiệp trong thương mại điện tử <i>Operational management in e-commerce</i>	3	2	1		Hoàng Thị Hoa Nguyễn Minh Tuấn
49	KETOAN 054	Thị trường chứng khoán <i>Stock Market</i>	3	2	1		Lương Thị Hoa Vũ Thị Thanh Thủy
50	LOGISTIC 005	Quản trị chuỗi cung ứng <i>Change Management</i>	3	2	1		Nguyễn Thị Huế Ngô Thị Luyện
51	QTKD 027	Quản trị rủi ro <i>Risk Management</i>	3	2	1		Nguyễn Thị Ngọc Mai Ngô Thị Luyện
52	QTKD 062	Quản trị logistics <i>Logistics Management</i>	3	2	1		Nguyễn Thị Huế Hoàng Thị Hoa
		Cộng	21	18	3		
	Kỳ 6						
53	KTS 008	Pháp luật TMĐT	2	2	0	Không	Nguyễn Thị Thủy Nguyễn Thị Ngọc Mai
54	KTS 005	Trí tuệ nhân tạo và ứng dụng trong KD	2	1	1		Vũ Bảo Tạo Phạm Văn Kiên
55	TMDT 004	An toàn HTTT	3	2	1	Không	Lương Thị Hoa Nguyễn Thị Ngọc Mai
56	KTS 007	Dữ liệu lớn trong KD	2	2	0	Không	Nguyễn Thị Huế Vũ Thị Hương
57	KTS 010	Thiết kế website TMĐT	3	2	1	Không	Vũ Bảo Tạo Phạm Văn Kiên
58	QTKD 043	Marketing số	3	2	1	Marketing căn bản	Nguyễn Thị Huế Vũ Thị Hương
59	KTS 013	Trải nghiệm doanh nghiệp	5	0	5	Kinh tế số	Vũ Thị Hương Nguyễn Thị Ngọc Mai

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Học phần tiên quyết	Phân công giảng viên giảng dạy
			Tổng	LT	TH		
		Cộng	20	11	9		
Kỳ 7							
60	KETOAN	Công nghệ tài chính	3	2	1	Lý thuyết tài chính	Lương Thị Hoa Nguyễn Thị Quỳnh
61	QTKD 020	Quản trị chiến lược	3	2	1		Nguyễn Thị Ngọc Mai Ngô Thị Luyện
62	QTKD 012	Thương mại quốc tế	3	2	1	Không	Nguyễn Thị Huế Ngô Thị Luyện
63	QTKD 051	Văn hóa DN	3	2	1	Không	Vũ Thị Hương Nguyễn Thị Ngọc Mai
64	KTS 011	Truyền thông đa phương tiện <i>Multimedia</i>	3	2	1		Vũ Thị Hương Nguyễn Thị Huế
65	KTS 006	Blockchain và ứng dụng trong KD	3	2	1	Không	Vũ Thị Hương Nguyễn Thị Ngọc Mai
66	QTKD 065	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp <i>Corporate Social Responsibility</i>	2	1	1		Nguyễn Thị Ngọc Mai Ngô Thị Luyện
		Cộng	20	13	7		
Kỳ 8							
67	KTS 402	Thực tập chuyên đề	3	0	3		Nguyễn Thị Ngọc Mai Vũ Thị Hương
68	KTS 403	Thực tập tốt nghiệp	7	0	7	Thực tập chuyên đề	Nguyễn Thị Ngọc Mai Vũ Thị Hương
69	KTS 401	Khóa luận tốt nghiệp	10	0	10	Thực tập tốt nghiệp	Vũ Thị Hương Phạm Thị Hồng Hoa Ngô Thị Luyện Nguyễn Thị Ngọc Mai
70	KTS 404	Đề án Kinh tế số <i>Digital Economy Project</i>	3	0	3	Thực tập tốt nghiệp	Ngô Thị Luyện Nguyễn Thị Ngọc Mai
71	KTS 405	Đề án phân tích dữ liệu marketing <i>Business Administration Project</i>	3	0	3	Thực tập tốt nghiệp	Ngô Thị Luyện Vũ Thị Hương

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Học phần tiên quyết	Phân công giảng viên giảng dạy
			Tổng	LT	TH		
72	QTKD 059	Phần mềm quản lý quan hệ khách hàng <i>Customer Relationship Management Software</i>	2	0	2		Nguyễn Thị Ngọc Mai Vũ Thị Hương
73	QTKD 060	Phần mềm quản lý nhân sự <i>Human Resources Management Software</i>	2	0	2		Ngô Thị Luyện Vũ Thị Hương
	Cộng		20	0	20		
	Tổng		141	88	53		

3.5. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

- Hướng dẫn lập kế hoạch học tập và đăng ký học phần

Trên cơ sở số học phần trong CTĐT trình độ đại học ngành Kinh tế số, xây dựng kế hoạch đào tạo của khóa học, tiến độ năm học và triển khai tiến độ thực hiện hàng tuần, hàng tháng đảm bảo mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục đại học.

Sinh viên nhận kế hoạch đào tạo toàn khóa từ Phòng Quản lý đào tạo của Trường, trong đó có ghi rõ các học phần phải học cho từng học kỳ của khóa học. Mỗi năm học có 2 kỳ, trước mỗi kỳ học, sinh viên được cố vấn học tập, Bộ môn và Khoa quản lý ngành học tư vấn. Kế hoạch học tập là cơ sở để sinh viên đăng ký các học phần trong mỗi học kỳ trên hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường.

Đầu mỗi học kỳ, Nhà trường, giáo viên chủ nhiệm thông báo cho sinh viên những học phần sẽ học trong học kỳ đó và thời khóa biểu của từng học phần tương ứng,

sinh viên phải thực hiện đăng ký học phần trước khi học kỳ mới bắt đầu. Các học phần đăng ký phải theo kế hoạch đào tạo.

- Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc và tích lũy điểm học phần

Kỳ thi kết thúc học phần sẽ được thực hiện theo quy định hiện hành của Trường đại học Sao Đỏ. Điểm chuyên cần sẽ được giảng viên cho dựa trên mức độ đóng góp vào các phần thảo luận trực tuyến và kết quả các bài kiểm tra trực tuyến khi kết thúc một hoặc một vài chương/bài học. Việc tổ chức thi kết thúc học phần phải được thực hiện tập trung tại nhà trường hoặc tại các cơ sở liên kết, được giám sát bởi cán bộ coi thi của Nhà trường. Đề thi kết thúc học phần phải lấy trong ngân hàng đề thi chung với hình thức đào tạo

chính quy. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần, cách tính điểm và xếp hạng tốt nghiệp

thực hiện theo các quy định về đào tạo chính quy của trường Đại học Sao Đỏ.

Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, được giảng viên phụ trách học phần nhập điểm vào phần mềm quản lý đào tạo và điểm được hệ thống quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4. Cách quy đổi điểm được thực hiện theo bảng dưới đây (Bảng 3):

Bảng 3. Cách quy đổi điểm học phần

Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
9,0 - 10,0	A+	4,0
8,5 - 8,9	A	3,7
8,0 - 8,4	B+	3,5
7,0 - 7,9	B	3,0
6,5 - 6,9	C+	2,5
5,5 - 6,4	C	2,0
5,0 - 5,4	D+	1,5
4,0 - 4,9	D	1,0
nhỏ hơn 4,0	F	0,0

- Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

+ Sinh viên phải học hết chương trình giáo dục trình độ đại học ngành Kinh tế số, phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong CTĐT đại học, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT. Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên. Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

+ Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của sinh viên để quyết định cho sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học một số học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp và tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

Những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với Nhà trường. Sinh viên chỉ được nhận bằng tốt nghiệp khi thi khảo sát đạt yêu cầu về ngoại ngữ, tin học hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ, tin học tương đương trở lên theo yêu cầu chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học của CTĐT (theo quy định ôn tập, kiểm tra đánh giá năng lực ngoại ngữ, tin học theo chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ đại học tại Trường Đại học Sao Đỏ).

Khi tốt nghiệp chương trình này, học viên sẽ được cấp bằng đại học chính quy. Trong Bằng hoặc/và Bảng điểm có thể ghi tên ngành, chuyên ngành đào tạo.

3.6. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và bảo đảm chất lượng đào tạo

** Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo*

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh của BGDDT và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Sao Đỏ.

Thông tin tuyển sinh của ngành:

- Tên ngành đào tạo ngành Kinh tế số

- Mã ngành: 7310109

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Hình thức đào tạo: Chính quy

- Phương thức tuyển sinh:

+ Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

+ Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT hằng năm. Các tổ hợp môn xét tuyển sinh:

A00 (Toán, Vật Lý, Hóa học)

C04 (Ngữ Văn, Toán, Địa lý)

A09 (Toán, Địa lý, GDKT&PL)

C14 (Văn, Toán, GDKT&PL)

C01 (Ngữ văn, Toán, Vật Lý)

D01 (Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh)

+ Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT.

+ Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức; Kỳ thi Đánh giá tư duy do Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức.

Chỉ tiêu tuyển sinh được xác định cụ thể trong đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Sao Đỏ.

- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT.

- Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ (*không bao gồm học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng và an ninh*).

- Thời gian đào tạo: 4,0 năm

* *Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo*

Trường ĐHSĐ cam kết đảm bảo chất lượng thông qua thường xuyên đổi mới và hội nhập trong đào tạo; sáng tạo và năng động trong nghiên cứu và chuyển giao công nghệ; gắn lý thuyết với thực hành để trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cho người học khi ra trường đạt hiệu quả cao trong công việc, có năng lực lãnh đạo và thích ứng với thay đổi. Trường ĐHSĐ cam kết xây dựng hệ thống quản trị hiệu quả, chuyên nghiệp, trách nhiệm, sáng tạo và luôn đổi mới. Hoạt động quản lý của Trường sẽ được quy trình hóa, tin học hóa, áp dụng các phương thức quản trị cập nhật và được giám sát, đánh giá thường xuyên.

Nhà trường có bộ phận đảm bảo chất lượng chuyên trách, hằng năm: Xây dựng, triển khai kế hoạch hoạt động đảm bảo chất lượng theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng; tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; phối hợp với các đơn vị công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng trên website và hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục đại học của BGDDT.

Nhà trường có bộ phận đảm bảo chất lượng chuyên trách, hằng năm: Xây dựng, triển khai kế hoạch hoạt động đảm bảo chất lượng theo bộ tiêu chuẩn đánh giá

chất lượng; tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; phối hợp với các đơn vị công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng trên website và hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục đại học của BGDĐT. Năm 2017 Nhà trường đã hoàn thành công tác tự đánh giá và được trung tâm Kiểm định CLGD thuộc hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam đánh giá ngoài và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục. Năm 2023 Nhà trường đã thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (chu kỳ 2) theo bộ tiêu chuẩn của BGDĐT. Từ năm 2022 Nhà trường đã thực hiện kiểm định chất lượng CTĐT, đến nay, Nhà trường có 09 CTĐT trình độ đại học được trung tâm KĐCLGD thuộc hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành gồm: CNKT cơ khí; CNKT điện, điện tử; CNKT ô tô; CNTT; KTĐK&TĐH; Quản trị kinh doanh; Ngôn ngữ Trung Quốc, Kế toán và Công nghệ dệt, may.

Định kỳ lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập: Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập đối với lớp học phân thông qua Hệ thống khảo sát của Nhà trường.

Thời điểm lấy ý kiến người học: Sau khi kết thúc học phần, sau khi kết thúc khóa học; Kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học, bao gồm nội dung, mức độ, được thông báo tới các đơn vị chức năng, trường khoa, trường bộ môn và giảng viên.

Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Kinh tế số phù hợp. Trong CTĐT, đề cương chi tiết học phần được điều chỉnh phù hợp với hình thức đào tạo về phương pháp dạy - học, thời lượng dạy - học, học liệu, đánh giá kết quả học tập.

Các điều kiện giảng dạy như đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, nền tảng công nghệ hỗ trợ đào tạo được đầu tư. Do đó, chất lượng đào tạo của CTĐT ngành Kinh tế số đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội.

Giáo trình, tài liệu học tập, đề cương chi tiết học phần, Slide bài giảng toàn bộ học phần, bộ câu hỏi kết thúc học phần, được số hóa (tài liệu dạng PDF, power point,...) được hội đồng thẩm định thông qua. Các học phần do giảng viên Trường Đại học Sao Đỏ giảng dạy.

4. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học tham gia thực hiện CTĐT

Nhà trường có đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để tổ chức thực hiện CTĐT ngành Kinh tế số trình độ đại học, đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn CTĐT ngành Kinh tế số trình độ đại học. Đội ngũ giảng viên tham gia thực hiện CTĐT ngành Kinh tế số có 41 giảng viên trong đó có 8 tiến sĩ (01 tiến sĩ ngành phù hợp), 33 thạc sĩ (*Bảng 4*). Đội ngũ giảng viên tham gia thực hiện CTĐT ngành Kinh tế số, trình độ đại học là những người có

trình độ chuyên môn cao, có thâm niên giảng dạy và tâm huyết với sự nghiệp giáo dục và đào tạo, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về điều kiện mở đào tạo trình độ đại học của BGDĐT theo quy định, cụ thể như sau:

- Có 01 tiến sĩ ngành phù hợp là GV cơ hữu chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT: TS. Vũ Văn Đông, ngành đào tạo Kinh tế học (Kinh tế chính trị) tại Viện KHXH - Viện HLKHN, kinh nghiệm giảng dạy hơn 17 năm tại Trường Đại học Sao Đỏ; TS Nguyễn Thị Kim Nguyên, ngành

- Có 07 tiến sĩ là GV cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có GV với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy.

+ TS. Phạm Thị Hồng Hoa, ngành Kinh tế học (chuyên ngành kinh tế quốc tế): Chủ trì giảng dạy khối kiến thức chuyên ngành.

+ TS. Nguyễn Minh Tuấn, ngành Kinh tế (chuyên ngành Ngân hàng - Tài chính): Chủ trì giảng dạy khối kiến thức cơ sở ngành.

+ TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên, ngành Kinh tế chính trị: Chủ trì giảng dạy khối kiến thức cơ sở ngành.

+ TS. Phùng Thị Lý, ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học: Chủ trì giảng dạy khối kiến thức giáo dục đại cương.

+ TS. Phạm Xuân Đức, ngành Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử: Chủ trì giảng dạy khối kiến thức giáo dục đại cương.

+ TS. Nguyễn Viết Tuấn, ngành Toán giải tích: Chủ trì giảng dạy khối kiến thức giáo dục đại cương

+ TS. Phạm Thị Hồng Trang, chuyên ngành ngôn ngữ học và ngôn ngữ ứng dụng: Chủ trì giảng dạy khối kiến thức giáo dục đại cương

Có 41 giảng viên cơ hữu thực hiện CTĐT ngành Kinh tế số (*Bảng 4, Bảng 5*). Số lượng đội ngũ giảng viên cơ hữu hiện tại của Trường đảm nhận được 100% khối lượng CTĐT ngành Kinh tế số. Nhà trường thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, chính sách để thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ giảng viên như: Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ về điều kiện làm việc, học tập nâng cao trình độ, thu nhập để thu hút nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ và đang làm nghiên cứu sinh.

Bảng 4. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần trong CTĐT ngành Kinh tế số

STT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp	
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1.	Vũ Văn Đông	033082002650		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Kinh tế học	31/10/2008		3009000027	17	0	26
2.	Phạm Thị Hồng Hoa, 23/05/1977	038177001190, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Kinh tế học	22/02/2002		8603000550	21	0	2
3.	Nguyễn Minh Tuấn 25/04/1977	030077001663		Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Kinh tế	2003		8603004155	22	0	26
4.	Nguyễn Thị Kim Nguyên 02/07/1974	2396029306, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Kinh tế chính trị	2005		2396029306	20	01	20
5.	Phạm Xuân Đức; 10/02/1980	030080006874, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử	12/4/2004		8604006557	19	0	4
6.	Phùng Thị Lý, 08/10/1982	030182001953, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	15/5/2007		8607011062	16	0	3

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
7.	Nguyễn Việt Tuấn	024083005684		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Toán giải tích	28/12/2006		8607011063	19	0	12
8.	Phạm Thị Hồng Trang, 16/8/1990	015190005580, Việt Nam		Tiến sĩ, Trung Quốc, 2022	Chuyên ngành ngôn ngữ học và ngôn ngữ học ứng dụng	17/6/2020		1520702759	3	0	0
9.	Trần Thị Hồng Nhung, 21/06/1979	008179000195, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Triết học	31/6/2007		1404000694	16	0	2
10.	Nguyễn Mạnh Tường, 12/11/1977	030077022061, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2007	Quản trị kinh doanh	01/10/2001		8602000416	22	0	4
11.	Nguyễn Thị Hiền, 10/3/1985	030185001929, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Triết học	31/10/2008		3009000026	15	0	3
12.	Nguyễn Thị Hải Hà, 07/11/1977	030177001003, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Lịch sử	06/11/2006		8601001179	17	0	4
13.	Đỗ Thị Thùy, 13/6/1985	027185000717, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Triết học	05/10/2009		3009030031	14	0	3
14.	Phạm Thị Mai, 20/02/1982	034182025661, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Luật học	06/7/2006		8607002523	17	0	4
15.	Hà Đình Soát, 17/5/1981	034081003889, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam,	Khoa học giáo dục	18/10/2004		8605004057	19	0	2

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
				2015							
16.	Vũ Tiến Hiếu, 19/11/1986	030086002232, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Khoa học giáo dục	31/10/2008		3009000024	15	0	3
17.	Vũ Bảo Tạo, 17/3/1979	030079002276, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Công nghệ thông tin	01/4/2003		8603004150	20	0	3
18.	Phạm Văn Kiên, 21/11/1979	030079001643, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2007	Giáo dục nghề nghiệp	01/6/2005		8604006563	18	2	15
19.	Trịnh Thị Chuyên, 05/6/1981	024181012807, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	11/8/2003		8604001210	20	0	1
20.	Trần Thị Mai Hương, 04/02/1985	022185002624, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Ngôn ngữ Anh	26/6/2009		3009029647	14	0	1
21.	Vũ Thị Lương, 02/01/1978	030178010123, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	16/8/2001		8602000412	22	0	1
22.	Trần Hoàng Yến, 01/02/1982	030182012548, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	10/4/2007		8607011060	16	0	1
23.	Tăng Thị Hồng Minh, 15/10/1985	031185009958, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam,	Lý luận và phương pháp giảng dạy	08/10/2010		3109000093	13	0	2

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
				2014	tiếng Anh						
24.	Nguyễn Thị Lan, 07/8/1980	030180014220, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc	27/9/2006		8607002548	17	0	3
25.	Bùi Thị Trang	030187020642, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Trung	12/2010		3011020981	15	0	5
26.	Nguyễn Thị Diệp Huyền; 29/06/1979	03017911440, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Toán học	01/01/2006		8604008726	19	0	2
27.	Nguyễn Kiều Hiên; 15/07/1986	024186000627, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Toán học	01/11/2009		3009000012	16	0	5
28.	Nguyễn Thị Hồng	038186046561, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam,	Toán học	7/11/2008		3009000346	17	0	4
29.	Vũ Thị Hường 21/07/1984	030184009039		Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Quản trị kinh doanh	29/10/2006		8607002553	19	0	8
30.	Nguyễn Thị Ngọc Mai 24/2/1988	030187011520, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Quản trị kinh doanh	01/04/2011		3011021575	13	0	5
31.	Nguyễn Thị Huế 28/6/198)	030185004061, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Quản lý kinh tế	29/10/2008		3009000019	16		13

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
32.	Ngô Thị Luyện 06/08/1983	030183013087, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Quản trị kinh doanh	28/05/2008		3008013545	16	0	10
33.	Nguyễn Thị Thủy 26/11/1986	030186002501, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Thương mại	29/10/2008		3009000018	16	0	11
34.	Hoàng Thị Hoa 05/12/1987	030187002380, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Quản trị kinh doanh	1/10/2009		3009030037	15	0	2
35.	Đinh Thị Kim Thiết 20/12/1980	034180013516 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Kế toán	01/11/2008		8605002412	16		12
36.	Nguyễn Thị Quỳnh	030186009853 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Kế toán	05/10/2009		3009030038	15	0	8
37.	Vũ Thị Lý	030185011526 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Quản trị kinh doanh	10/10/2007		8607025265	17	0	12
38.	Vũ Thị Thanh Thủy 04/02/1984	030184011807		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Kế toán	10/10/2007		8607025266	17	0	7
39.	Lương Thị Hoa 28/4/1989	030189002914		Thạc sĩ, Việt Nam 2014	Tài chính ngân hàng	16/01/2012		3012031618	12	0	8

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
40.	Lê Thị Huyền 28/5/1987	030187011520		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Quản trị kinh doanh	01/10/2009		3009030034	8	0	5
41.	Đoàn Thị Thu Hằng	030186013556		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Quản trị kinh doanh	30/10/2008		3009000461	8	0	3

Bảng 5. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong CTĐT của ngành Kinh tế số

TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Bắt buộc		
				Học trực tiếp	Học trực tiếp	Học trực tiếp	Học trực tiếp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1.	Vũ Văn Đông	1. Chính phủ số 2. Kinh tế số 3. Triết học Mác – Lê nin 4. Tư tưởng HCM	Kỳ 1; 3; 4; 5					Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo.
2.	Phạm Thị Hồng Hoa,	1. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Kỳ 1; 2; 3;5					Giảng viên cơ hữu xây dựng,

TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Bắt buộc		
				Học trực tiếp	Học trực tiếp	Học trực tiếp	Học trực tiếp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	23/05/1977	2. Kỹ năng mềm 2 3. Khởi nghiệp kinh doanh						thực hiện chương trình đào tạo
3.	Nguyễn Minh Tuấn 25/04/1977	1. Pháp luật kinh tế 2. Kinh tế lượng	Kỳ 2; 3					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
4.	Nguyễn Thị Kim Nguyên	1. Quản trị văn phòng 2. Kinh tế vĩ mô 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh 4. Kinh tế chính trị	Kỳ 1; 3; 7					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
5.	Phạm Xuân Đức; 10/02/1980	1. Pháp luật đại cương 2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin. 3. Triết học Mác - Lênin 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	Kỳ 1; 3					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Bắt buộc		
				Học trực tiếp	Học trực tiếp	Học trực tiếp	Học trực tiếp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		5. Tâm lý học đại cương						
6.	Phùng Thị Lý, 08/10/1982	1. Chủ nghĩa xã hội khoa học 2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin 3. Triết học Mác - Lênin 4. Kỹ năng mềm 1,2	Kỳ 1; 2					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
7.	Nguyễn Viết Tuân	1. Xác suất thống kê 2. Giải tích 3. Đại số tuyến tính	Kỳ 1; 4					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
8.	Phạm Thị Hồng Trang, 16/8/1990	1. Tiếng Trung Quốc 1, 2, 3 2. Tiếng Trung Quốc nâng cao	Kỳ 2; 3; 4; 5					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
9.	Trần Thị Hồng Nhung, 21/06/1979	1. Chủ nghĩa xã hội khoa học 2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Kỳ 1; 3					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Bắt buộc		
				Học trực tiếp	Học trực tiếp	Học trực tiếp	Học trực tiếp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		3. Triết học Mác - Lênin						
10.	Nguyễn Mạnh Tường, 12/11/1977	1. Pháp luật đại cương 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh 3. Kinh tế chính trị Mác - Lênin 4. Kỹ năng mềm 1,2	Kỳ 1; 2; 3					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
11.	Nguyễn Thị Hiền, 10/3/1985	1. Pháp luật đại cương 2. Chủ nghĩa xã hội khoa học 3. Triết học Mác – Lênin	Kỳ 1; 3					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
12.	Nguyễn Thị Hải Hà, 07/11/1977	1. Tư tưởng Hồ Chí Minh 2. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 3. Kỹ năng mềm 1,2	Kỳ 1; 2; 3; 4					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Bắt buộc		
				Học trực tiếp	Học trực tiếp	Học trực tiếp	Học trực tiếp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
13.	Đỗ Thị Thùy, 13/6/1985	1. Pháp luật đại cương 2. Triết học Mác – Lênin 3. Kỹ năng mềm 1,2 4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Kỳ 1; 2; 4					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
14.	Phạm Thị Mai, 20/02/1982	1. Pháp luật đại cương	Kỳ 1					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
15.	Hà Đình Soát, 17/5/1981	1. Giáo dục thể chất 2. GDQP và an ninh	Kỳ 1; 2; 3					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
16.	Vũ Tiến Hiếu, 19/11/1986	1. Giáo dục thể chất 2. GDQP và an ninh	Kỳ 1; 2; 3					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
17.	Vũ Bảo Tạo, 17/3/1979	1. Tin học cơ bản và chuyển đổi số 2. Mạng máy tính và truyền	Kỳ 2					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Bắt buộc		
				Học trực tiếp	Học trực tiếp	Học trực tiếp	Học trực tiếp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		thông số 3. Thiết kế website thương mại điện tử						
18.	Phạm Văn Kiên, 21/11/1979	1. Tin học cơ bản và chuyển đổi số 2. Mạng máy tính và truyền thông số 3. Thiết kế website thương mại điện tử	Kỳ 2					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
19.	Trịnh Thị Chuyên, 05/6/1981	1. Tiếng Anh 1 2. Tiếng Anh 2 3. Tiếng Anh 3 4. Tiếng Anh nâng cao	Kỳ 2; 3; 4; 5					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
20.	Trần Thị Mai Hương,	1. Tiếng Anh 1	Kỳ 2; 3; 4;					Giảng viên cơ hữu xây dựng,

TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Bắt buộc		
				Học trực tiếp	Học trực tiếp	Học trực tiếp	Học trực tiếp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	04/02/1985	2. Tiếng Anh 2 3. Tiếng Anh 3 4. Tiếng Anh nâng cao	5					thực hiện chương trình đào tạo
21.	Vũ Thị Lương, 02/01/1978	1. Tiếng Anh 1 2. Tiếng Anh 2 3. Tiếng Anh 3 4. Tiếng Anh nâng cao	Kỳ 2; 3; 4; 5					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
22.	Trần Hoàng Yến, 01/02/1982	1. Tiếng Anh 1 2. Tiếng Anh 2 3. Tiếng Anh 3 4. Tiếng Anh nâng cao	Kỳ 2; 3; 4; 5					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
23.	Tăng Thị Hồng Minh, 15/10/1985	1. Tiếng Anh 1	Kỳ 2; 3; 4; 5					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Bắt buộc		
				Học trực tiếp	Học trực tiếp	Học trực tiếp	Học trực tiếp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		2. Tiếng Anh 2 3. Tiếng Anh 3 4. Tiếng Anh nâng cao						
24.	Nguyễn Thị Lan, 07/8/1980	1. Tiếng Trung Quốc 1, 2, 3 2. Tiếng Trung Quốc nâng cao	Kỳ 2; 3; 4; 5					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
25.	Bùi Thị Trang	1. Tiếng Trung Quốc 1, 2, 3 2. Tiếng Trung Quốc nâng cao	Kỳ 2; 3; 4; 5					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
26.	Nguyễn Thị Diệp Huyền; 29/06/1979	1. Xác suất thống kê 2. Giải tích 3. Đại số tuyến tính	Kỳ 1; 4					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
27.	Nguyễn Kiều Hiên; 15/07/1986	1. Xác suất thống kê 2. Giải tích	Kỳ 1; 4					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Bắt buộc		
				Học trực tiếp	Học trực tiếp	Học trực tiếp	Học trực tiếp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		3. Đại số tuyến tính						
28.	Nguyễn Thị Hồng	1. Xác suất thống kê 2. Giải tích 3. Đại số tuyến tính	Kỳ 1; 4					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
29.	Vũ Thị Hường 21/07/1984	1. Maketing số 2. Marketing căn bản 3. Phần mềm quản trị nhân sự 4. Phần mềm quản lý quan hệ khách hàng 5. Khởi nghiệp kinh doanh 6. Truyền thông đa phương tiện 7. Văn hoá doanh nghiệp	Kỳ 5; 6					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Bắt buộc		
				Học trực tiếp	Học trực tiếp	Học trực tiếp	Học trực tiếp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
30.	Nguyễn Thị Ngọc Mai 24/2/1988	1. Pháp luật kinh tế 2. Phương pháp nghiên cứu khoa 3. học 4. Quản trị kinh doanh 5. Trí tuệ nhân tạo vào ứng dụng trong kinh doanh 6. Quản trị rủi ro 7. Giao dịch và đàm phán kinh doanh 8. Dữ liệu lớn và ứng dụng trong kinh doanh 9. Blockchain và ứng dụng trong kinh doanh 10. Các mô hình kinh doanh số	Kỳ 2; 4; 5; 7					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Bắt buộc		
				Học trực tiếp	Học trực tiếp	Học trực tiếp	Học trực tiếp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		11. Quản trị chiến lược						
31.	Nguyễn Thị Huế 28/6/198)	1. Lý thuyết thống kê 2. Khởi nghiệp kinh doanh 3. Quản trị rủi ro 4. Giao dịch và đàm phán kinh doanh 5. An toàn hệ thống thông tin 6. Thanh toán điện tử 7. Quản trị tác nghiệp trong thương mại điện tử 8. Quản trị rủi ro	Kỳ 2; 4; 7					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
32.	Ngô Thị Luyện 06/08/1983	1. Kinh tế vi mô 2. Kinh tế vĩ mô	Kỳ 2; 3; 4; 6; 7					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Bắt buộc		
				Học trực tiếp	Học trực tiếp	Học trực tiếp	Học trực tiếp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		3. Thống kê doanh nghiệp 4. Kinh tế lượng 5. Phương pháp nghiên cứu khoa học 6. Quản trị logistics 7. Đề án Kinh tế số 8. Thương mại quốc tế						
33.	Nguyễn Thị Thủy 26/11/1986	1. Phương pháp nghiên cứu KH 2. Pháp luật kinh tế 3. Quản trị văn phòng 4. Lý thuyết thống kê 5. Kinh tế lượng 6. Thống kê doanh nghiệp	Kỳ 2; 3; 4					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Bắt buộc		
				Học trực tiếp	Học trực tiếp	Học trực tiếp	Học trực tiếp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
34.	Hoàng Thị Hoa 05/12/1987	1. Kinh tế lượng 2. Pháp luật kinh tế 3. Thống kê doanh nghiệp 4. Lý thuyết thống kê	Kỳ 2; 3; 4; 7					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
35.	Đinh Thị Kim Thiết 20/12/1980	1. Nguyên lý kế toán	Kỳ 3					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
36.	Nguyễn Thị Quỳnh	1. Công nghệ tài chính						Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
37.	Vũ Thị Lý	1. Nguyên lý kế toán	Kỳ 3					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
38.	Vũ Thị Thanh Thủy 04/02/1984	1. Lý thuyết tài chính tiền tệ 2.Nguyên lý kế toán	Kỳ 3; 4;					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
39.	Lương Thị Hoa	1. Lý thuyết tài chính tiền tệ	Kỳ 3; 5; 6					Giảng viên cơ hữu xây dựng,

TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Bắt buộc		
				Học trực tiếp	Học trực tiếp	Học trực tiếp	Học trực tiếp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	28/4/1989	2. Thị trường chứng khoán 3. Công nghệ tài chính						thực hiện chương trình đào tạo
40.	Lê Thị Huyền 28/5/1987	1. Kinh tế số 2. Nhập môn chuyển đổi số 3. Khiêu vũ thể thao	Kỳ 1, 3, 4					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
41.	Đoàn Thị Thu Hằng	1. Kinh tế số 2. Nhập môn chuyển đổi số	Kỳ 3, 4					Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

4.2. Các công trình khoa học của đội ngũ giảng viên, nhà khoa học

Nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ chính của giảng viên, thể hiện trình độ và năng lực của đội ngũ. Trường Đại học Sao Đỏ luôn quan tâm và đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học trong cán bộ, giảng viên và sinh viên. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Nhà trường ngày càng có chất lượng, hiệu quả. Số lượng đề tài được triển khai áp dụng vào thực tiễn nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ tăng lên theo hằng năm, trong đó có nhiều đề tài cấp Bộ, Tỉnh được nghiệm thu và chuyển giao công nghệ. Số lượng bài báo khoa học của cán bộ cơ hữu trong Nhà trường được đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong 5 năm gần đây cũng tăng lên. Nhiều bài báo có chất lượng cao được đăng trên các tạp chí có chỉ số ISI, scopus, các tạp chí có uy tín trong nước, quốc tế.

Đối với đội ngũ cán bộ giảng viên thực hiện CTĐT ngành Kinh tế số dự kiến mở, ngoài trình độ chuyên cao, có kinh nghiệm trong đào tạo còn có năng lực nghiên cứu khoa học, đã tham gia và chủ nhiệm nhiều đề tài các cấp, có nhiều bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế (*Bảng 6, Bảng 7*).

Bảng 6. Danh sách công trình nghiên cứu khoa học của giảng viên tham gia giảng dạy ngành Kinh tế số

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
1	XH.10.ĐHSD.21	Cấp Bộ	Áp dụng công cụ KPI trong giao việc và đánh giá hiệu quả công việc tại các trường đại học, cao đẳng ở Hải Dương hiện nay	T.S. Nguyễn Thị Kim Nguyên	Số 128/QĐ – SKHCN ngày 08/8/2022	2021	Khá	1. Nguyễn Thị Nhan 2. Phùng Thị Lý 3. Phạm Văn Dự 4. Nguyễn Trọng Các 5. Nguyễn Thị Thanh Bình 6. Nguyễn Viết Tuấn 7. Vũ Văn Tản 8. Lê Thị Mai 9. Nguyễn Phương Ty 10. Tạ Thị Thúy Ngân 11. Phạm Văn Kiên	
2	312/QĐ-ĐHSD, 30/8/2019 01.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Nghiên cứu kỹ thuật thực tế tăng cường ứng dụng xây dựng phần mềm quảng bá hình ảnh trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Hoàng Thị An	Số 193/QĐ-ĐHSD ngày 3/06/2020	25/6/2020	Đạt	1. ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết 2. ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc 3. ThS. Hoàng Thị Ngát	
3	312/QĐ-ĐHSD, 30/8/2019 04.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng và ứng dụng phần mềm quản lý Ký túc xá trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Phạm Thị Hường	Số 193/QĐ-ĐHSD ngày 3/06/2020	25/6/2020	Đạt	1. ThS. Phạm Văn Kiên 2. ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
4	312/QĐ-ĐHSD, 30/8/2019 08.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Nghiên cứu việc ứng dụng các công cụ trực tuyến trong dạy và học tiếng Anh tại trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Phạm Thị Huyền Trang	Số 193/QĐ-ĐHSD ngày 3/06/2020	4/7/2020	Đạt	1. ThS. Ngô Thị Mỹ Bình	
5	312/QĐ-ĐHSD, 30/8/2019 15.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Nghiên cứu đổi mới nội dung và phương pháp dạy học phần Triết học Mác - Lênin cho sinh viên Đại học Sao Đỏ.	ThS. Phạm Xuân Đức	Số 193/QĐ-ĐHSD ngày 3/06/2020	4/7/2020	Đạt	1. ThS. Nguyễn Mạnh Tường 2. ThS. Trần Thị Hồng Nhung 3. ThS. Nguyễn Thị Hiền	
6	312/QĐ-ĐHSD, 30/8/2019 16.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Nghiên cứu yếu tố tác động của hoạt động thể dục thể thao đối với sức khỏe cán bộ, giảng viên và sinh viên trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Hà Đình Soát	Số 193/QĐ-ĐHSD, ngày 03/6/2020	15/7/2020	Đạt	1. ThS. Vũ Tiến Hiếu 2. ThS. Nguyễn Đức Thuần 3. ThS. Phạm Anh Dũng 4. ThS. Quán Thanh Tùng	
7	312/QĐ-ĐHSD, 30/8/2019 10.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Sử dụng phương pháp phân tích EFA và hồi quy đa biến phân tích các nhân tố ảnh hưởng quyết định chọn trường Đại học Sao Đỏ của sinh viên	ThS. Nguyễn Thị Hồng	Số 193/QĐ-ĐHSD, ngày 03/6/2020	2020	Đạt	1. ThS. Nguyễn Thị Huệ 2. ThS. Nguyễn Thị Huế	
8	311/QĐ-ĐHSD, 30/8/2019 16.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Ứng dụng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM đánh giá sự phản hồi của người học về chất lượng đào tạo	TS. Nguyễn Minh Tuấn	Số 193/QĐ-ĐHSD, ngày 03/6/2020	2020	Đạt	1. ThS. Trần Thị Hằng 2. ThS. Đinh Thị Kim Thiết	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
			khoa Kinh tế					3. ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai	
10	483/QĐ-ĐHSD, 28/10/2020 13.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Ứng dụng lý thuyết tín hiệu đánh giá giá trị chương trình đào tạo bậc đại học của khoa Điện, Trường Đại học Sao Đỏ	TS. Nguyễn Minh Tuấn	Số 199/QĐ-ĐHSD, ngày 02/6/2021	2021	Đạt	1. ThS. Trần Thị Hằng 2. ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai	
11	483/QĐ-ĐHSD, 28/10/2020 14.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Trách nhiệm xã hội của Trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Nguyễn Thị Huế	Số 481/QĐ-ĐHSD, ngày 06/12/2021	2021	Đạt	1. ThS. Vũ Thị Hường 2. ThS. Nguyễn Thị Thủy	
12	483/QĐ-ĐHSD, 28/10/2020 10.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Văn hóa sử dụng mạng xã hội của sinh viên trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Nguyễn Mạnh Tường	Số 199/QĐ-ĐHSD ngày 02/6/2021	24/9/2021	Đạt	1. ThS. Nguyễn Thị Hiền 2. ThS. Phạm Thị Mai	
13	483/QĐ-ĐHSD, 28/10/2020 11.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Nghiên cứu và áp dụng hoạt động ngoại khóa vào việc giảng dạy các học phần lý luận chính trị tại trường Đại học Sao Đỏ.	TS. Phạm Thị Hồng Hoa	Số 307/QĐ-ĐHSD ngày 16/8/2021	24/9/2021	Đạt	1. ThS. Nguyễn Thị Tình 2. ThS. Đỗ Thị Thùy 3. ThS. Đặng Thị Dung	
14	483/QĐ-ĐHSD, 28/10/2020 16.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng phần mềm kiểm tra sự trùng lặp nội dung Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp tại trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Phạm Văn Kiên	Số 199/QĐ-ĐHSD ngày 02/6/2021	8/6/2021	Đạt	1. ThS. Hoàng Thị An 2. ThS. Phạm Thị Hường	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
15	483/QĐ-ĐHSD, 28/10/2020 17.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng phần mềm quản lý thiết bị, công cụ, dụng cụ trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Phạm Thị Hường	Số 199/QĐ-ĐHSD ngày 02/6/2021	02/6/2021	Đạt	1. ThS. Phạm Văn Kiên 2. ThS. Vũ Bảo Tạo	
16	483/QĐ-ĐHSD, 28/10/2020 18.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng phần mềm tạo trợ lý ảo trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Phạm Thị Hường	Số 199/QĐ-ĐHSD ngày 02/6/2021	8/6/2021	Đạt	1. ThS. Hoàng Thị Ngát 2. ThS. Nguyễn Phúc Hậu	
17	483/QĐ-ĐHSD, 28/10/2020 21.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Giải pháp nâng cao khả năng nói tiếng Anh của sinh viên không chuyên trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Đặng Thị Minh Phương	Số 199/QĐ-ĐHSD ngày 02/6/2021	8/6/2021	Đạt	1. ThS. Trần Hoàng Yến 2. ThS. Tăng Thị Hồng Minh	
18	434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 06.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo phân tích phổ điểm đánh giá học phần của sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Hoàng Thị An	Số 232/QĐ-ĐHSD, ngày 31/5/2022	23/6/2022	Đạt	1. Ths, Hoàng Thị An	
19	434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 07.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Xây dựng ứng dụng khảo sát trực tuyến các bên liên quan về Trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Hoàng Thị Ngát	Số 232/QĐ-ĐHSD, ngày 31/5/2022	23/6/2022	Đạt	1. ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	
20	434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 08.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Xây dựng hệ thống quản lý hồ sơ viên chức và hỗ trợ đánh giá hiệu quả công việc của viên chức Trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Vũ Bảo Tạo	Số 232/QĐ-ĐHSD, ngày 31/5/2022	23/6/2022	Đạt	1. ThS. Nguyễn Phúc Hậu 2. ThS. Nguyễn Thị Thu	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
21	434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 09.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Nghiên cứu xây dựng hệ thống quả lý sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Số 232/QĐ-ĐHSD, ngày 31/5/2022	23/6/2022	Đạt	1. ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp	
22	434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 10.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Xây dựng dữ liệu số hóa đề cương chi tiết các học phần theo chương trình đào tạo.	ThS. Phạm Văn Kiên	Số 248/QĐ-ĐHSD, ngày 10/6/2022	22/6/2022	Đạt	1. ThS. Phạm Thị Hường	
23	434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 11.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo xây dựng thư viện số.	ThS. Phạm Thị Hường	Số 266/QĐ-ĐHSD, ngày 21/6/2022	22/6/2022	Đạt	1. ThS. Phạm Văn Kiên	
24	434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 12.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Hiệu chỉnh nâng cao chất lượng website các khoa và Nhà trường.	ThS. Phạm Văn Kiên	Số 248/QĐ-ĐHSD, ngày 10/6/2022	23/6/2022	Đạt	1. ThS. Phạm Thị Hường	
25	434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 06.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, ứng dụng ngôn ngữ R xây dựng thuật toán để giải một số bài toán trong lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật	ThS. Nguyễn Thị Diệp Huyền	Số 266/QĐ-ĐHSD, ngày 21/6/2022	2022	Đạt	1. ThS. Nguyễn Văn Toán 2. ThS. Nguyễn Thị Hồng	
26	434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 24.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Đánh giá tác động của dịch Covid 19 đến quản trị dòng tiền trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương	ThS. Đinh Thị Kim Thiết	Số 60/QĐ-ĐHSD, ngày 28/2/2023	2022	Đạt	1. ThS. Vũ Thị Lý 2. ThS. Nguyễn Thị Quỳnh	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
27	434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 23.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Xây dựng hình ảnh, nâng cao thương hiệu Trường Đại học Sao Đỏ trong xã hội	ThS. Trần Thị Hằng	Số 284/QĐ-ĐHSD, ngày 41/6/2022	2022	Đạt	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai 3. ThS. Vũ Thị Hường	
27	424/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 25.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Đa dạng hóa phương pháp giảng dạy học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tại trường Đại học Sao Đỏ.	TS. Phạm Thị Hồng Hoa	Số 232/QĐ-ĐHSD, ngày 31/5/2022	17/6/2022	Đạt	1. ThS. Nguyễn Thị Tình 2. ThS. Đặng Thị Dung 3. ThS. Đỗ Thị Thùy	
28	434/QĐ - ĐHSD, 28/10/2021 26 KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Xây dựng mô hình kết nối phục vụ cộng đồng cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Nguyễn Thị Hải Hà	Số 327/QĐ-ĐHSD ngày 30/6/2022	7/7/2022	Đạt	1. ThS. Phạm Xuân Đức 2. ThS. Nguyễn Thị Hiền 3. ThS. Phạm Thị Mai 4. ThS. Lê Thị Huyền	
29	434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 27.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Nghiên cứu xây dựng giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động Thể dục thể thao của viên chức và sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Nguyễn Đức Thuần	Số 327/QĐ-ĐHSD, ngày 30/6/2022	7/7/2022	Đạt	1. ThS. Nguyễn Mạnh Tường 2. ThS. Hà Đình Soát 3. ThS. Vũ Tiến Hiếu 4.ThS. Quán Thanh Tùng	
30	554/QĐ-ĐHSD, 28/10/2022	Cấp cơ sở	Xây dựng các sản phẩm du lịch nông thôn phục vụ phát triển nông	TS. Nguyễn Đăng Tiến	Số 271/QĐ-ĐHSD ngày	25/06/2023	Đạt	1. ThS. Nguyễn Thị Lan	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
	10.KHCN/22-23		thôn mới của tỉnh Hải Dương.		23/06/2023			2. ThS. Bùi Thị Trang	
31	554/QĐ-ĐHSD, 28/10/2022 12.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Tính triết học trong ca dao, tục ngữ Việt Nam và vận dụng vào quá trình giảng dạy học phần Triết học - Mác Lênin tại trường Đại học Sao Đỏ.	TS. Phùng Thị Lý	Số 222/QĐ-ĐHSD ngày 26/5/2023	7/6/2023	Đạt	1. ThS. Phạm Xuân Đức 2. ThS. Nguyễn Thị Hải Hà 3. ThS. Phạm Thị Mai	
32	554/QĐ-ĐHSD, 28/10/2022 13.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Nghiên cứu xây dựng phần mềm quản lý công trình khoa học đã công bố Trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Phạm Thị Hường	Số 222/QĐ-ĐHSD ngày 26/5/2023	8/6/2023	Xuất sắc	1. ThS. Phạm Văn Kiên 2. ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	
33	554/QĐ-ĐHSD, 28/10/2022 14.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Nghiên cứu xây dựng khóa học IC3 trên hệ thống học tập trực tuyến E-Learning của Trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Vũ Bảo Tạo	Số 222/QĐ-ĐHSD ngày 26/5/2023	16/6/2023	Đạt	1. ThS. Hoàng Thị Ngọc Diệp 2.ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết	
34	594/QĐ-ĐHSD, 30/11/2022 50.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Nghiên cứu xây dựng phần mềm quản lý kiểm soát tiến độ thực hiện công việc theo thủ tục quy trình của Trường Đại học Sao Đỏ.	ThS. Phạm Văn Kiên	Số 222/QĐ-ĐHSD ngày 26/5/2023	8/6/2023	Đạt	1. ThS. Phạm Thị Tâm 2. ThS. Phạm Thị Hường 3.ThS. Hoàng Thị An	
35	594/QĐ-ĐHSD, 30/11/2022 51.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Vận dụng kiến thức liên môn trong giảng dạy học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam cho sinh	ThS. Nguyễn Thị Tinh	Số 222/QĐ-ĐHSD ngày 26/5/2023	30/5/2023	Đạt	1. TS. Phạm Thị Hồng Hoa 2. ThS. Đỗ Thị Thùy	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
			viên Trường Đại học Sao Đỏ.					3. ThS. Đặng Thị Dung	
36	594/QĐ-ĐHSD, 30/11/2022 51.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Giải pháp hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Hải Dương	Th S. Vũ Thị Lý	Số 222/QĐ-ĐHSD ngày 26/5/2023	2023	Đạt	1. ThS. Đinh Thị Kim Thiết 2. ThS. Nguyễn Thị Quỳnh	
37	594/QĐ-ĐHSD, 30/11/2022 09.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, đề xuất mô hình quản trị đại học thông minh tại Trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai	Số 222/QĐ-ĐHSD ngày 26/5/2023	2023	Đạt	1. ThS. Trần Thị Hằng 2. ThS. Ngô Thị Luyện 3. ThS. Lê Thị Huyền	
38	14.KHCN/23-24	Cấp cơ sở	Nghiên cứu và đề xuất một số giải pháp về công tác kế toán tiền lương và bảo hiểm bắt buộc tại các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương	ThS. Nguyễn Thị Quỳnh	Số 197/QĐ-ĐHSD ngày 21/5/2024	2024	Đạt	1. ThS. Đinh Thị Kim Thiết 2. ThS. Vũ Thị Lý	
39	15.KHCN/23-24	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, vận dụng giá trị văn hóa truyền thống của thành phố Chí Linh trong giảng dạy các học phần lý luận chính trị cho sinh viên ở Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay	ThS. Phạm Xuân Đức	Số 197/QĐ-ĐHSD ngày 21/5/2024	2024	Đạt	1. TS. Phùng Thị Lý 2. ThS. Đỗ Thị Thuý 3. ThS. Đặng Thị Dung	
40	52.KHCN/23-24	Cấp cơ sở	Giải pháp phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hải Dương	ThS. Ngô Thị Luyện	Số 197/QĐ-ĐHSD ngày 21/5/2024	2024	Đạt	1. ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
41	565/QĐ-ĐHSD, 28/10/2024 02.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng phần mềm dạy và học cho học phần Tiếng Trung căn bản 2 tại Trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Phạm Thị Hường	Số 249/QĐ-ĐHSD ngày 06/6/2025	2025	Khá	1. Nguyễn Thị Ánh Tuyết 2. Nguyễn Thị Lan 3. Hoàng Thị Ngọc Diệp	
42	565/QĐ-ĐHSD, 28/10/2024 04.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng website hỗ trợ học Vật lý lớp 10 cho học sinh Trường THPT Nguyễn Thị Duệ theo hướng giáo dục STEM	ThS. Phạm Văn Kiên	Số 249/QĐ-ĐHSD ngày 06/6/2025	2025	Khá	1. Hoàng Thị Ngọc Diệp 2. Hoàng Thị Ngát 3. Phạm Thị Tâm 4. Nguyễn Thị Bích Ngọc	
43	565/QĐ-ĐHSD, 28/10/2024 06.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, ứng dụng tích chập suy rộng và phần mềm Matlab Simulink để tính toán các chỉ tiêu chất lượng hệ truyền động T-Đ	ThS. Nguyễn Kiều Hiên	Số 249/QĐ-ĐHSD ngày 06/6/2025	2025	Khá	1. Vũ Hoàng Phương 2. Phạm Thị Thảo	
44	565/QĐ-ĐHSD, 28/10/2024 12.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Giải pháp Marketing nhằm phát triển mô hình dịch vụ du lịch nông thôn tại một số địa phương trên địa bàn tỉnh Hải Dương	ThS. Vũ Thị Hường	Số 249/QĐ-ĐHSD ngày 06/6/2025	2025	Khá	1. ThS. Nguyễn Thị Huệ 2. ThS. Nguyễn Thị Thuỷ	
45	565/QĐ-ĐHSD, 28/10/2024	Cấp cơ sở	Xây dựng giải pháp truyền thông nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của Trường Đại học	ThS. Ngô Thị Luyện	Số 249/QĐ-ĐHSD ngày 06/6/2025	2025	Khá	2. ThS. Nguyễn Thị Ngọc Mai	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
	13.KHCN/24-25		Sao Đỏ						
46	565/QĐ-ĐHSD, 28/10/2024 14.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán mô trường tại doanh nghiệp sản xuất nhôm trên địa bàn tỉnh Hải Dương	ThS. Vũ Thị Lý	Số 249/QĐ-ĐHSD ngày 06/6/2025	2025	Khá	1. Lương Thị Hoa 2. Vũ Thị Thanh Thuỷ	
47	565/QĐ-ĐHSD, 28/10/2024 15.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu và vận dụng các phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy các học phần Tiếng Anh căn bản cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Trần Thị Mai Hương	Số 249/QĐ-ĐHSD ngày 06/6/2025	2025	Khá	1. Đặng Thị Thanh 2. Tăng Thị Hồng Minh	
48	565/QĐ-ĐHSD, 28/10/2024 16.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, vận dụng giá trị đạo đức truyền thống dân tộc cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ trong bối cảnh hiện nay	ThS. Nguyễn Thị Hiền	Số 249/QĐ-ĐHSD ngày 06/6/2025	2025	Khá	1. Nguyễn Mạnh Tường 2. Trần Thị Hồng Nhung	
49	565/QĐ-ĐHSD, 28/10/2024 17.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng hệ thống tình huống áp dụng trong giảng dạy học phần kỹ năng mềm cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ hiện nay	TS. Phùng Thị Lý	Số 249/QĐ-ĐHSD ngày 06/6/2025	2025	Khá	1. Phạm Thị Hồng Hoa 2. Phạm Thị Mai	
50	565/QĐ-ĐHSD, 28/10/2024	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, vận dụng tư tưởng triết học trong tác phẩm Truyện	ThS. Đỗ Thị Thuỷ	Số 249/QĐ-ĐHSD ngày	2025	Khá	1. Phạm Xuân Đức	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
	18.KHCN/24-25		Kiểm của Nguyễn Du vào giảng dạy học phần Triết học Mác – Lênin cho sinh viên ở trường Đại học Sao Đỏ		06/6/2025			2. Nguyễn Thị Hải Hà	
51	565/QĐ-ĐHSD, 28/10/2024 19.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, ứng dụng các bài tập hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả thi đấu cho đội bóng chuyên hơi nữ sinh viên trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Hà Đình Soát	Số 249/QĐ-ĐHSD ngày 06/6/2025	2025	Khá	1. Vũ Tiến Hiếu	

Bảng 7. Danh sách các công trình bài báo, sách chuyên khảo 5 năm gần nhất của đội ngũ giảng viên, nhà khoa học

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
1.	Đặng Thị Dung, Trịnh Thị Chuyên, Nguyễn Thị Tình (2020), “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng, lối sống văn hoá cho thanh niên và vận dụng của Đảng ta trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (68), tr 121-128.	1. Đặng Thị Dung 2. Trịnh Thị Chuyên
2.	Phạm Đức Khấn, Vũ Thị Lương, Nguyễn Huy Hoàn (2020), “Thiết bị đo nồng độ NH ₃ cho các trang trại chăn nuôi sử dụng vi điều khiển AVR”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (68), tr 18-23.	Vũ Thị Lương
3.	Nguyễn Thị Sao, Tăng Thị Hồng Minh (2020), “Giải pháp đào tạo hướng dẫn viên du lịch chất lượng cao đáp ứng nhu cầu nhân lực cho các doanh nghiệp du lịch”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 2 (69), tr 97-105.	1. Nguyễn Thị Sao, 2. Tăng Thị Hồng Minh
4.	Phạm Xuân Đức (2020), “Học tập phong cách diễn đạt của Hồ Chí Minh trong giảng dạy lý luận chính trị ở Việt Nam”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 2 (69), tr 113-119.	Phạm Xuân Đức
5.	Trần Hoàng Yến (2020), “Phát huy những giá trị tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của lệ làng trong việc xây dựng nông thôn mới ở nước ta hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 2 (69), tr 120-132.	Trần Hoàng Yến
6.	Nguyễn Mạnh Tường (2020), “Năng lực cạnh tranh của Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 3 (70), tr 86-92.	Nguyễn Mạnh Tường
7.	Bùi Thị Trang, Nguyễn Thị Lan (2020), “Một vài suy nghĩ về việc dạy thành ngữ tiếng Hán cho sinh	1. Bùi Thị Trang

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
	viên giai đoạn cao cấp”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 3 (70), tr 108-114.	2. Nguyễn Thị Lan
8.	Phạm Thị Hồng Hoa (2020), “Chính sách an sinh xã hội của Thái Lan và một số bài học cho Việt Nam”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 4 (71), tr 88-98.	Phạm Thị Hồng Hoa
9.	Phạm Thị Hồng Hoa (2021), “Giảm nghèo và phát triển bền vững ở Việt Nam”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (72), tr 83-90.	Phạm Thị Hồng Hoa
10.	Đặng Thị Minh Phương, Trần Hoàng Yến, Tăng Thị Hồng Minh (2021), “Nghiên cứu thực trạng kỹ năng nói tiếng Anh và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên không chuyên trường Đại học Sao Đỏ”, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (72), 91-98.	1. Trần Hoàng Yến 2. Tăng Thị Hồng Minh
11.	Phùng Thị Lý (2021), “Vai trò của giáo dục và đào tạo đối với sự phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (72), tr 123-128.	Phùng Thị Lý
12.	Phạm Thị Hồng Trang (2021), So sánh từ Hán Việt tốt nghĩa xấu nghĩa với gốc Hán, Tạp chí nghiên cứu và giảng dạy (Trung Quốc), ISSN0030-1996, Kỳ 14, trang 313	Phạm Thị Hồng Trang
13.	Nguyễn Thị Lan, Bùi Thị Trang (2021), “Một vài suy nghĩ về việc dạy kỹ năng nghe hiểu tiếng Trung Quốc cho sinh viên trình độ sơ cấp khoa du lịch và ngoại ngữ Trường Đại học Sao Đỏ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 2 (73), tr 89-95.	1. Nguyễn Thị Lan 2. Bùi Thị Trang
14.	Phạm Thị Hồng Hoa, Nguyễn Thị Tình (2021), “Một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động ngoại khóa các học phần lý luận chính trị cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 2 (73), tr 121-128.	Phạm Thị Hồng Hoa
15.	Hoàng Thị An, Phạm Văn Kiên (2021), “Ứng dụng Detectron2 trong phân loại quả cà chua”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 3 (74), tr 24-30.	Phạm Văn Kiên

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
16.	Nguyễn Thị Hiền (2021), “Giảng dạy các học phần lý luận chính trị ở Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay trong điều kiện tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 3 (74), tr 92-100.	Nguyễn Thị Hiền
17.	Đỗ Thị Thùy, Phạm Thị Mai (2021), “Giáo dục đạo đức mới trong việc phát triển nhân cách cho thanh niên tỉnh Hải Dương trong bối cảnh mới hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 3 (74), tr 110-119.	1. Đỗ Thị Thùy 2. Phạm Thị Mai
18.	Phạm Văn Dự, Trần Thị Hồng Nhung, Vũ Văn Chương (2021), “Giá trị và ý nghĩa thời đại tư tưởng nhân văn Việt Nam thế kỉ XVIII”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 3 (74), tr 120-128.	Trần Thị Hồng Nhung
19.	Phạm Thị Hồng Hoa, Nguyễn Thị Tình (2022), “Nguồn nhân lực Việt Nam - góc nhìn từ thực trạng giáo dục phổ thông”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (76), tr 67-75.	Phạm Thị Hồng Hoa
20.	Vũ Thị Lương, Trịnh Thị Chuyên (số 1, 2022), “Áp dụng các hoạt động ngoại khóa trong dạy học tiếng Anh nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (76), tr 92-99.	1. Vũ Thị Lương 2. Trịnh Thị Chuyên
21.	Phạm Xuân Đức (2022), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng và sự vận dụng của Đảng bộ thành phố Chí Linh hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (76), tr 106-112.	Phạm Xuân Đức
22.	Đỗ Thị Thùy, Đặng Thị Dung (2022), “Xây dựng và phát triển con người theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng - liên hệ trong giảng dạy Triết học Mác - Lênin tại Trường Đại học Sao Đỏ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (76), tr 113-119.	1. Đỗ Thị Thùy 2. Đặng Thị Dung
23.	Nguyễn Minh Tuấn, (2022), “Tác động của chính sách an sinh xã hội đến lao động và việc làm trong đại dịch COVID tại Việt Nam”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-	Phạm Xuân Đức

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
	4190, Số 1 (76), tr 120-128.	
24.	Nguyễn Thị Quyên, Vũ Bảo Tạo, Hoàng Thị An (2022), “Giảm nhiễu trong mạng hỗn tạp 5G dựa trên thuật toán phân bố tốc độ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 2 (77), tr 19-18.	Vũ Bảo Tạo
25.	Vũ Văn Đông, Trần Thị Hồng Nhung (2022), “Bàn về phát triển nguồn nhân lực phục vụ nông nghiệp bền vững của một số vùng và hướng gợi mở cho Đồng bằng sông Hồng”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 2 (77), tr 71-77.	Trần Thị Hồng Nhung
26.	Trần Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Thảo (2022), “Phát triển du lịch bền vững thành phố Chí Linh trong xu thế hội nhập toàn cầu”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 2 (77), tr 92-100.	1. Trần Thị Mai Hương 2. Nguyễn Thị Thảo
27.	Nguyễn Thị Hải Hà (2022), “Giải pháp nâng cao chất lượng tự học học phần lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 2 (77), tr 58-107.	Nguyễn Thị Hải Hà
28.	Phùng Thị Lý, Nguyễn Thị Hải Hà (2022), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn trọng trí thức, tôn trọng nhân tài và sự vận dụng tư tưởng đó ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 2 (77), tr 108-114.	1. Phùng Thị Lý 2. Nguyễn Thị Hải Hà
29.	Nguyễn Thị Hải Hà, Phạm Xuân Đức, Phạm Thị Mai, Nguyễn Thị Hiền, Lê Thị Huyền (2022), “Hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng của sinh viên Trường Đại học Sao đỏ: thực trạng và giải pháp”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 2 (77), tr 115-122.	1. Nguyễn Thị Hải Hà 2. Phạm Xuân Đức 3. Phạm Thị Mai 4. Nguyễn Thị Hiền
30.	Nguyễn Thị Nhan, Vũ Tiến Hiếu (2022), “Những nguyên tắc cơ bản trong nghiên cứu và giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lênin”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190,	Vũ Tiến Hiếu

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
	Số 2 (77), tr 123-128.	
31.	Vũ Bảo Tạo, Đặng Văn Nam, Nông Thị Oanh, Hoàng Thị Ngát, Nguyễn Thị Ánh Tuyết (2022), “Xây dựng nền tảng lưu trữ và phân tích dữ liệu lớn với Apache Hadoop và Spark”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 3 (78), tr 32-39.	Vũ Bảo Tạo Hoàng Thị Ngát
32.	Nguyễn Thị Sao, Nguyễn Thị Xuyên, Tăng Thị Hồng Minh (2022), “Ứng dụng công nghệ 4.0 trong hoạt động marketing địa phương nhằm phát triển du lịch của tỉnh Hải Dương”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 3 (78), tr 98-106.	1. Nguyễn Thị Sao 2. Nguyễn Thị Xuyên 3. Tăng Thị Hồng Minh
33.	Trần Thị Hồng Nhung (2022), “Bình đẳng về giới trong gia đình ở nông thôn Hải Dương hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 3 (78), tr 107-114.	Trần Thị Hồng Nhung
34.	Phạm Thị Hồng Hoa, Nguyễn Thị Hiền (2022), “Vận dụng quy luật từ sự thay đổi về lượng dẫn đến thay đổi về chất và ngược lại vào quá trình học tập của sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 3 (78), tr 122-128.	1. Phạm Thị Hồng Hoa 2. Nguyễn Thị Hiền
35.	Nguyễn Minh Tuấn, Phạm Thị Hồng Hoa (2022), “Cơ hội và thách thức trong phát triển thương mại sạch hơn tại Việt Nam”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 4 (79), tr 74-81.	Phạm Thị Hồng Hoa
36.	Nguyễn Mạnh Tường (2022), “Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả chăn nuôi gà đồi cho các hộ nông dân ở thành phố Chí Linh tỉnh Hải Dương hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 4 (79), tr 82-86.	Nguyễn Mạnh Tường
37.	Trần Hoàng Yến, Đặng Thị Thanh (2022), “Dịch vụ du lịch của thành phố Chí Linh”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 4 (79), tr 93-99.	1. Trần Hoàng Yến 2. Đặng Thị Thanh
38.	Phạm Thị Mai, Đỗ Thị Thùy (2022), “Xây dựng và rèn luyện tác phong công nghiệp cho sinh viên	1. Phạm Thị Mai

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
	Trường Đại học Sao Đỏ trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 4 (79), tr 106-112.	2. Đỗ Thị Thùy
39.	Đặng Thị Dung, Đỗ Thị Thùy (2022), “Triết lý giáo dục của Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng cộng sản Việt Nam hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 4 (79), tr 113-120.	1. Đặng Thị Dung 2. Đỗ Thị Thùy
40.	Vũ Thị Lương, Trịnh Thị Chuyên (2023), “Sử dụng trò chơi ngôn ngữ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Anh tại Trường Đại học Sao Đỏ”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (80), tr 103-109.	1. Vũ Thị Lương 2. Trịnh Thị Chuyên
41.	Vũ Văn Đông, Phạm Anh Dũng (2023), “Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội ở Hải Dương hiện nay”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (80), tr 110-116.	1. Vũ Văn Đông 2. Phạm Anh Dũng
42.	Phạm Xuân Đức (2023), “Quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam trong văn kiện Đại hội XIII về phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam và sự vận dụng quan điểm đó ở tỉnh Hải Dương”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (80), tr 121-128.	Phạm Xuân Đức
43.	Phạm Xuân Đức (số 7, 2018), Giáo dục ý thức chính trị cho sinh viên ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam	Phạm Xuân Đức
44.	Phùng Thị Lý (số tháng 4, 2019), Xây dựng và rèn luyện tác phong công nghiệp cho sinh viên Trường ĐHSD đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp, Tạp chí Giáo dục và xã hội.	Phùng Thị Lý
45.	Phùng Thị Lý (số tháng 5, 2019), Liên kết giữa trường Đại học khối kỹ thuật với doanh nghiệp vùng đồng bằng sông Hồng trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ - Thực trạng và giải pháp, Tạp chí Quản lý Giáo dục.	Phùng Thị Lý

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
46.	Phùng Thị Lý (số tháng 6, 2019), Yếu tố tác động đến hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp FDI ở vùng đồng bằng sông Hồng trong nguồn đào tạo nhân lực, Tạp chí Giáo dục và xã hội.	Phùng Thị Lý
47.	Phùng Thị Lý (số 7, 2019), Hợp tác giữa trường Đại học với doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực hiện nay, Tạp chí Thông tin lý luận chính trị.	Phùng Thị Lý
48.	Phùng Thị Lý (số tháng 11, 2019), Một số quan điểm về hợp tác nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam, Tạp chí Giáo dục và xã hội.	Phùng Thị Lý
49.	Nguyễn Thị Hải Hà (số 1, 2020), Yếu tố tác động đến xây dựng gia đình văn hóa ở tỉnh Hải Dương hiện nay, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Vinh.	Nguyễn Thị Hải Hà
50.	Phùng Thị Lý, Nguyễn Thị Hải Hà, Phạm Xuân Đức, Phạm Thị Mai (số tháng 4, 2023), Vận dụng ca dao, tục ngữ Việt Nam trong giảng dạy học phần triết học Mác -Lênin tại trường ĐHSĐ hiện nay, Tạp chí Giáo dục và xã hội.	1. Phùng Thị Lý 2. Nguyễn Thị Hải Hà 3. Phạm Xuân Đức 4. Phạm Thị Mai
51.	Nguyễn Thị Hải Hà (số tháng 5, 2023), Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị, Tạp chí Giáo dục và xã hội.	Nguyễn Thị Hải Hà
52.	Vũ Thị Hường (số 18 tháng 9/2024), Giải pháp phát triển sản phẩm OCOP trên địa bàn thành phố Chí Linh	Vũ Thị Hường
53.	Vũ Thị Hường, Lương Thị Hoa (số 5 tháng 3, 2024), Thực trạng hoạt động tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2015 – 2022, Tạp chí Kinh tế và dự báo.	1. Lương Thị Hoa 2. Vũ Thị Hường

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
54.	Vũ Thị Hương, Đẩy mạnh hoạt động E – Marketing trong phát triển du lịch chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Hải Dương, (Số 2 (85), năm 2024), Tạp chí NCKH, Trường Đại học Sao Đỏ.	Vũ Thị Hương
55.	Nguyễn Thị Ngọc Mai, Trần Quý Chinh, Trần Cương (2024), Tác động của chất lượng cung ứng dịch vụ logistics đến sự hài lòng của khách hàng: Nghiên cứu ở một số doanh nghiệp logistics trên địa bàn Hà Nội, Tạp chí Kinh tế và dự báo.	1. Nguyễn Thị Ngọc Mai 2. Trần Quý Chinh 3. Trần Cương
56.	Nguyễn Thị Huế (Số 16 tháng 8 năm 2024), Tăng cường xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm OCOP tại tỉnh Hải Dương, tạp chí Kinh tế và dự báo.	Nguyễn Thị Huế
57.	Nguyễn Thị Huế, Nguyễn Thị Thủy (Số 17 tháng 6 năm 2023) Giải pháp phòng tránh rủi ro đối với người mua hàng trong các giao dịch thương mại điện tử tại thị trường Việt Nam, Tạp chí kinh tế và dự báo.	1. Nguyễn Thị Huế 2. Nguyễn Thị Thủy
58.	Nguyễn Thị Ngọc Mai, Lê Thị Huyền (Số 19, 2024), Giải pháp phát triển sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Tạp chí Kinh tế và dự báo.	1. Nguyễn Thị Ngọc Mai 2. Lê Thị Huyền
59.	Nguyễn Thị Ngọc Mai, Lê Thị Huyền, Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng đối với sản phẩm bánh trung thu của khách hàng tại Hà Nội, (Số 4 (87) năm 2024), Tạp chí NCKH, Trường Đại học Sao Đỏ.	1. Nguyễn Thị Ngọc Mai 2. Lê Thị Huyền
60.	Nguyễn Thị Ngọc Mai, Đào tạo nguồn nhân lực số trong xây dựng và phát triển kinh tế số tại Việt Nam, (Số 4 (83), 2023), Tạp chí NCKH, Trường Đại học Sao Đỏ.	Nguyễn Thị Ngọc Mai
61.	Ngô Thị Luyện (Số 17 tháng 6 năm 2023), Giải pháp thúc đẩy tăng trưởng GDP của Việt Nam trước biến động kinh tế thế giới hiện nay, Tạp chí kinh tế và dự báo.	Ngô thị Luyện

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
62.	Ngô Thị Luyện, (Số 4 (87), năm 2024), Kiểm soát giá nhằm giảm tác động kép từ bão Yagi và dịp Tết Nguyên Đán trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH, Trường Đại học Sao Đỏ.	Ngô thị Luyện
63.	Lương Thị Hoa, Nguyễn Thị Thủy (Số đặc biệt tháng 4 năm 2024), Thực trạng chất lượng lao động Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, Tạp chí kinh tế và dự báo.	1. Lương Thị Hoa 2. Nguyễn Thị Thủy
64.	Lương Thị Hoa, Thu hút vốn đầu tư vào tỉnh Hải Dương và triển vọng trong những năm tiếp theo (Số 4 (87) năm 2024, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	Lương Thị Hoa
65.	Lương Thị Hoa, Thực trạng chuyển đổi số ngành ngân hàng tại Việt Nam, Số 2 (81) năm 2024, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	Lương Thị Hoa
66.	Nguyễn Thị Quỳnh, Vũ Thị Lý (Số 2 (85), năm 2024), Công tác kế toán tiền lương và bảo hiểm bắt buộc tại các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Nguyễn Thị Quỳnh 2. Vũ Thị Lý
67.	Vũ Thị Lý (Số 2 (85), năm 2024), Nghiên cứu nhận thức và định hướng của sinh viên khoa Kinh tế trường Đại học Sao Đỏ về nhân lực trong nền kinh tế số, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	Vũ Thị Lý
68.	Vũ Thị Thanh Thủy (Số 1 (84, năm 2024), Kiểm soát thu bảo hiểm xã hội bắt buộc trên địa bàn thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	Vũ Thị Thanh Thủy
69.	Đinh Thị Kim Thiết, (Số 1 (84, năm 2024), Thực trạng kế toán quản trị chi phí tại các dn sản xuất gạch tuynel trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	Đinh Thị Kim Thiết
70.	Phạm Thị Hồng Hoa, Nguyễn Minh Tuấn (Số 4 (83, năm 2023), Bàn về năng lực của giảng viên trong chuyển đổi số giáo dục đại học, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Phạm Thị Hồng Hoa 2. Nguyễn Minh Tuấn
71.	Phùng Thị Lý, Phát triển giáo dục hướng đến hình thành nguồn nhân lực thích ứng với bối cảnh mới,	Sách chuyên khảo, NXB

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
	tạp chí Kinh tế và dự báo.	Thế giới
72.	Phùng Thị Lý, Giáo dục trẻ em trong các gia đình công nhân làm việc tại các doanh nghiệp FDI vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay	Sách chuyên khảo, NXB KH&KT
73.	Vũ Văn Đông, Trần Thị Hồng Nhung (Số 4 (87, năm 2024), Lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về giải phóng phụ nữ và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Vũ Văn Đông 2. Trần Thị Hồng Nhung
74.	Vũ Văn Đông (Số 4 (87, năm 2024), Lý luận về hàng hóa sức lao động của C. Mác và giá trị trong phát triển thị trường lao động thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0 ở nước ta, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	Vũ Văn Đông
75.	Vũ Văn Đông (Số 3 (82, năm 2023), Xu hướng chuyển dịch nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững ở Hải Dương hiện nay - những vấn đề đặt ra, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	Vũ Văn Đông
76.	Nguyễn Viết Tuấn, (Số 1 (85, năm 2024), (Feedback control of 2D -Navier-Stokes equations by finite determining parameters, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	Nguyễn Viết Tuấn
77.	Nguyễn Viết Tuấn, (Số 4 (83, năm 2023), On the existence for cubic programming problems, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	Nguyễn Viết Tuấn
78.	Nguyen Viet Tuan (2019), “Stabilization of 2D g-Navier-Stokes equations”, Commun. Korean Math. Soc, pISSN 1225-1763/eISSN 2234-3024, No. 3 (34), pp. 819–839.	Nguyễn Viết Tuấn
79.	Nguyen Viet Tuan, Tran Hoang Yen (2019), “On the weak stationary solutions to 2D g-Navier-Stokes equations”, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 4 (67), tr. 93-97.	1. Nguyễn Viết Tuấn 2. Trần Hoàng Yến
80.	Nguyễn Viết Tuấn (2020), “Nghiên cứu tính ổn định nghiệm của phương trình tích phân ngẫu nhiên”, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (68), tr. 87-91.	Nguyễn Viết Tuấn

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
81.	Nguyen Viet Tuan (2020), “Stabilization of the weak stationary solutions to 2D g - Navier - Stokes equations”, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 4 (71), tr. 65-68.	Nguyễn Viết Tuấn
82.	Nguyen Viet Tuan (2022), “Sufficient optimality conditions for the optimal control problem of 2D g -Navier-Stokes equations”, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859-4190, Số 1 (76), tr. 51 - 56.	Nguyễn Viết Tuấn
83.	Nguyen Viet Tuan (2023), “Existence and nonexistence of solutions for a class of Hamiltonian strongly degenerate elliptic system”, Commun. Korean Math. Soc, pISSN 1225-1763/eISSN 2234-3024, No. 3 (38), pp. 741–754.	Nguyễn Viết Tuấn
84.	Vũ Bảo Tạo, Nguyễn Thị Quyên, Nguyễn Thị Phương Oanh (2024), Truyền thông không dây giữa phương tiện giao thông trên sóng Milimet, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 1/2024	Vũ Bảo Tạo Nguyễn Thị Quyên Nguyễn Thị Phương Oanh
85.	Nguyễn Thị Thủy (2024), Giải pháp xây dựng thương hiệu cho nông sản Việt Nam, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 1/2024	Nguyễn Thị Thủy
86.	Đinh Thị Kim Thiết (2024), Thực trạng kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp sản xuất gạch Tuynel trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 1/2024	Đinh Thị Kim Thiết
87.	Ngô Thị Luyện, Nguyễn Thị Ngọc Mai (2024), Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 1/2024	Ngô Thị Luyện Nguyễn Thị Ngọc Mai
88.	Vũ Thị Thanh Thủy (2024), Kiểm soát thu bảo hiểm xã hội bắt buộc trên địa bàn thành phố Chí Linh, tỉnh hải Dương, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 1/2024	Vũ Thị Thanh Thủy

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
89.	Nguyễn Thị Sao, Tăng Thị Hồng Minh (2024), Đánh giá ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến sự kiện du lịch ở Việt Nam, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 1/2024	Nguyễn Thị Sao Tăng Thị Hồng Minh
90.	Phạm Xuân Đức (2024), Nâng cao hiệu quả giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khát vọng cống hiến cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 1/2024	Phạm Xuân Đức
91.	Trần Thị Hồng Nhung (2024), Tư tưởng Hồ Chí Minh về công nghiệp hóa và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 1/2024	Trần Thị Hồng Nhung
92.	Trần Thị Hồng Nhung (2024), Quan hệ biện chứng giữa tính cách mạng và tính khoa học trong công tác tư tưởng của Đảng ta hiện nay, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 1/2024	Trần Thị Hồng Nhung
93.	Nguyễn Thị Hiền (2024), Bảo vệ nền tảng tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc, đấu tranh chống lại quan điểm sai trái, thù địch của kẻ thù theo quan điểm Đại hội XIII của Đảng, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 1/2024	Nguyễn Thị Hiền
94.	Hà Đình Soát, Nguyễn Hữu Chấn, Dương Thị Hà, Vũ Tiến Hiếu, Nghiên cứu ứng dụng công nghệ mô phỏng vật liệu rời trong tối ưu hóa thông số làm việc của cơ cấu cấp hạt trên máy bóc vỏ hạt sen tươi, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2024	Hà Đình Soát Nguyễn Hữu Chấn Dương Thị Hà Vũ Tiến Hiếu
95.	Vũ Thị Lý (2024), Nghiên cứu nhận thức và định hướng của sinh viên khoa Kinh tế Trường Đại học Sao Đỏ về nhân lực trong nền kinh tế số, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2024	Vũ Thị Lý
96.	Nguyễn Thị Huế (2024), Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của người lao động tại các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2024	Nguyễn Thị Huế
97.	Vũ Thị Hường (2024), Đẩy mạnh hoạt động E-Marketing trong phát triển du lịch chất lượng cao trên	Vũ Thị Hường

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
	địa bàn tỉnh Hải Dương, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2024	
98.	Nguyễn Thị Quỳnh, Vũ Thị Lý, Đinh Thị Kim Thiết, Đoàn Thị Thu Hằng (2024), Công tác kế toán tiền lương và bảo hiểm bắt buộc tại các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương - Thực trạng và giải pháp, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2024	Nguyễn Thị Quỳnh Vũ Thị Lý Đinh Thị Kim Thiết Đoàn Thị Thu Hằng
99.	Nguyễn Viết Tuấn, Nguyễn Kiều Hiên (2024), Điều khiển phản hồi của phương trình 2D g-Navier-Stokes bằng các tham số xác định hữu hạn, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2024	Nguyễn Viết Tuấn Nguyễn Kiều Hiên
100.	Nguyễn Thị Sao, Tăng Thị Hồng Minh (2024), Giáo dục trực tuyến - xu hướng đào tạo du lịch trong bối cảnh hội nhập phát triển kinh tế, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2024	Nguyễn Thị Sao Tăng Thị Hồng Minh
101.	Nguyễn Thị Nhan, Nguyễn Mạnh Tường (2024), Vận dụng Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam vào giảng dạy Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2024	Nguyễn Thị Nhan Nguyễn Mạnh Tường
102.	Nguyễn Thị Hiền (2024), Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong công cuộc đổi mới, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2024	Nguyễn Thị Hiền
103.	Phạm Xuân Đức (2024), Giảng dạy các học phần lý luận chính trị cho sinh viên ở Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2024	Phạm Xuân Đức
104.	Đinh Thị Kim Thiết (2024), Công tác quản lý thuế đối với các doanh nghiệp xây dựng, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 3/2024	Đinh Thị Kim Thiết
105.	Vũ Thị Hường (2024), Nghiên cứu giải pháp phát triển mô hình dịch vụ du lịch nông thôn tại tỉnh Hải	Vũ Thị Hường

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
	Dương - Cơ hội và thách thức, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 3/2024	
106.	Nguyễn Thị Thủy (2024), Thực trạng ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn trong các khu công nghiệp Việt Nam, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 3/2024	Nguyễn Thị Thủy
107.	Vũ Thị Lý, Nguyễn Thị Quỳnh (2024), Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong lĩnh vực kế toán tại các doanh nghiệp Việt Nam - Thực trạng và giải pháp, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 3/2024	Vũ Thị Lý Nguyễn Thị Quỳnh
108.	Nguyễn Kiều Hiên (2024), Tích chập của phép biến đổi Fourier và Laplace với hàm trọng trong không gian $L^1(R)$, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 3/2024	Nguyễn Kiều Hiên
109.	Nguyễn Mạnh Tường, Trần Thị Hồng Nhung (2024), Nghiên cứu, vận dụng một số phương pháp giảng dạy học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gắn với giá trị cốt lõi của Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 3/2024	Nguyễn Mạnh Tường Trần Thị Hồng Nhung
110.	Vũ Văn Đông (2024), Sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Hải Dương về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng hiện nay, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 3/2024	Vũ Văn Đông
111.	Nguyễn Mạnh Tường (2024), Vận dụng tấm gương tự học của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 3/2024	Nguyễn Mạnh Tường
112.	Trần Thị Hồng Nhung, Nguyễn Mạnh Tường (2024), Lý luận về sở hữu, vị trí, vai trò sở hữu tư liệu sản xuất của chủ nghĩa Mác-Lênin và sự vận dụng của Đảng ta hiện nay, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 3/2024	Trần Thị Hồng Nhung Nguyễn Mạnh Tường
113.	Ngô Thị Luyện (2024), Kiểm soát giá nhằm giảm tác động kép từ bão Yagi và dịp Tết Nguyên đán tại tỉnh Hải Dương, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 4/2024	Ngô Thị Luyện
114.	Nguyễn Thị Ngọc Mai, Lê Thị Huyền (2024), Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng đối với sản phẩm bánh trung thu của khách hàng tại Hà Nội, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 4/2024	Nguyễn Thị Ngọc Mai

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
		Lê Thị Huyền
115.	Phạm Thị Hồng Hoa, Nguyễn Minh Tuấn (2024), Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Hải Dương, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 4/2024	Phạm Thị Hồng Hoa Nguyễn Minh Tuấn
116.	Lương Thị Hoa (2024), Thu hút vốn đầu tư vào tỉnh Hải Dương và triển vọng những năm tiếp theo, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 4/2024	Lương Thị Hoa
117.	Nguyễn Thị Diệp Huyền (2024), Sự không tồn tại nghiệm của một lớp hệ phương trình gradient elliptic suy biến, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 4/2024	Nguyễn Thị Diệp Huyền
118.	Vũ Thị Thanh Thủy (2024), Tăng cường đào tạo kỹ năng số cho lực lượng lao động tại Việt Nam, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 4/2024	Vũ Thị Thanh Thủy
119.	Trần Hoàng Yến, Đặng Thị Thanh (2024), Phát triển du lịch gắn với phát triển văn hoá ở tỉnh Hải Dương, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 4/2024	Trần Hoàng Yến Đặng Thị Thanh
120.	Vũ Văn Đông (2024), Lý luận về hàng hóa sức lao động của C. Mác và giá trị trong phát triển thị trường lao động thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0 ở nước ta, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 4/2024	Vũ Văn Đông
121.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2024), Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn ở Hải Dương hiện nay, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 4/2024	Nguyễn Thị Kim Nguyên
122.	Trần Thị Hồng Nhung, Vũ Văn Đông (2024), Lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về giải phóng phụ nữ và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 4/2024	Trần Thị Hồng Nhung Vũ Văn Đông
123.	Lương Thị Hoa, Vũ Thị Hường (2024), Thực trạng hoạt động tín dụng xanh tại các ngân hàng thương	1. Lương Thị Hoa

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
	mại Việt Nam giai đoạn 2015-2022, Tạp chí Kinh tế & Dự báo số 5, Tháng 3.2024	2. Vũ Thị Hương
124.	Nguyễn Thị Thuỷ, Lương Thị Hoa (2024), Thực trạng chất lượng lao động Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, Tạp chí Kinh tế & Dự báo số 5, Tháng 4.2024	1. Nguyễn Thị Thuỷ 2. Lương Thị Hoa
125.	Phạm Thị Hồng Trang, Nguyễn Thị Lan (2024), Phương pháp dịch các yếu tố văn hóa trong học phần Biên dịch Trung - Việt tại trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí khoa học Quản lý và công nghệ, Giấy phép xuất bản số 429/GP- BTTT (ISN: 2525-2348) Số 29 quý II.2024	1. Phạm Thị Hồng Trang 2. Nguyễn Thị Lan
126.	Nguyễn Thị Hải Hà (2024), Nâng cao chất lượng giảng dạy học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ hiện nay. Thực trạng và giải pháp, Tạp chí Giáo dục & xã hội, Số đặc biệt tháng 5/2024 (kỳ 1) Mã số ISSN 1859-3917	Nguyễn Thị Hải Hà
127.	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Thị Hải Hà (2024), Tạp chí Giáo dục & xã hội, tháng 6/2024, kỳ 2, số đặc biệt mã số ISSN 1859-3917	1. Nguyễn Thị Nhung 2. Nguyễn Thị Hiền 3. Nguyễn Thị Hải Hà
128.	Vũ Thị Lương, Trịnh Thị Chuyên (2024), Áp dụng phương pháp thảo luận nhóm trong giảng dạy Tiếng Anh cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí Giáo dục và Xã hội, Số 159(220) tháng 6/2024 (kì 1) Mã ISSN 1859-3917	1. Vũ Thị Lương 2. Trịnh Thị Chuyên
129.	Trần Hoàng Yến, Đặng Thị Thanh (2024), Làng văn hóa và xây dựng làng văn hóa trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Hải Dương hiện nay, Số 160 (221) tháng 7/2024 (kỳ 2) Mã số: ISSN 1859 - 3917	Trần Hoàng Yến Đặng Thị Thanh
130.	Nguyễn Thị Huế (2024), Tăng cường xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm OCOP tại tỉnh Hải	Nguyễn Thị Huế

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
	Dương, Kinh tế và Dự báo, Số 16 tháng 8/2024	
131.	Vũ Thị Hương (2024), Giải pháp phát triển sản phẩm OCOP trên địa bàn thành phố Chí Linh, Kinh tế và dự báo, Số 18 Tháng 9/2024	Vũ Thị Hương
132.	Phùng Thị Lý (2024), Đa dạng hóa phương pháp giảng dạy học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam hệ đại học, Giáo dục và xã hội, Số 163 (224), tháng 10/2024 (kì 2), ISSN 1859 - 3917	Phùng Thị Lý
133.	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2024), Tác động của chất lượng cung ứng dịch vụ logistics đến sự hài lòng của khách hàng: Nghiên cứu ở một số doanh nghiệp logistics trên địa bàn Hà Nội, Kinh tế và dự báo, e-ISSN: 2734-9365 (10/2024)	Nguyễn Thị Ngọc Mai
134.	Nguyễn Thị Ngọc Mai, Lê Thị Huyền (2024), Giải pháp phát triển các sản phẩm OCOP tỉnh Hải Dương, Kinh tế và dự báo, Số 19, tháng 10/2024. ISSN 1859-4972	Nguyễn Thị Ngọc Mai Lê Thị Huyền
135.	Hoàng Thị Hoa (2024), The relationship between gamification marketing and Gen Z sustainable decision: Role of Customer Experience, Tạp chí khoa học công nghệ đại học công nghiệp Hà Nội, Tập 60 - Số 11E (11/2024) - Bản in tiếng Anh	Hoàng Thị Hoa
136.	Phùng Thị Lý (2024), Phúc lợi doanh nghiệp với sự phát triển bền vững ở Việt Nam, Giáo dục và xã hội, Số 164 (225) tháng 11/2024 (kì 2), ISSN 1859 - 3917	Phùng Thị Lý
137.	Tăng Thị Hồng Minh (2024), Regarding the controversies about the usage of “ạ” “nhé ạ”, “cái” “chiếc”, discuss the word uses of young Vietnamese people on social networks, Tạp chí Giáo dục và xã hội, ISSN 1859 - 3917 (12/2024)	Tăng Thị Hồng Minh
138.	Trần Thị Hồng Nhung, Vũ Văn Đông (2024), Quan điểm của Lenin về sở hữu tư liệu sản xuất trong chính sách kinh tế mới và sự vận dụng của Đảng ta, Giáo Dục và Xã Hội, Tạp chí Giáo dục và Xã hội Mã số ISSN 1859-3917 (12/2024)	Trần Thị Hồng Nhung Vũ Văn Đông

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
139.	Nguyễn Minh Tuấn, Phạm Thị Hồng Hoa, Nợ và quản lý nợ nước ngoài tại Việt Nam, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 1/2025	Nguyễn Minh Tuấn Phạm Thị Hồng Hoa
140.	Vũ Thị Lý (2025), Ứng dụng công nghệ mới vào hoạt động kế toán quản trị tại các công ty may trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 1/2025	Vũ Thị Lý
141.	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2025), Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng khi mua sắm tại Aeon mall Hà Đông, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 1/2025	Nguyễn Thị Ngọc Mai
142.	Vũ Thị Lý, Lương Thị Hoa, Vũ Thị Thanh Thủy (2024), Giải pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán môi trường tại các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 1/2025	Vũ Thị Lý Lương Thị Hoa Vũ Thị Thanh Thủy
143.	Vũ Văn Đông, Vũ Văn Chương, Vũ Hồng Phong (2025), Phát triển nông nghiệp bền vững vùng Đồng bằng sông Hồng và những yếu tố tác động, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 1/2025	Vũ Văn Đông Vũ Văn Chương Vũ Hồng Phong
144.	Đỗ Thị Thùy, Phạm Thị Mai, Đặng Thị Dung (2025), Tư tưởng nhân văn của Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 1/2025	Đỗ Thị Thùy Phạm Thị Mai Đặng Thị Dung
145.	Nguyễn Thị Hiền (2025), Nâng cao ý thức chính trị của sinh viên Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 1/2025	Nguyễn Thị Hiền
146.	Phạm Xuân Đức (2025), Chuyển đổi số trong giảng dạy các môn Lý luận chính trị ở Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 1/2025	Phạm Xuân Đức

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
147.	Vũ Thị Hường, Nguyễn Thị Huế, Nguyễn Thị Thủy (2025), Giải pháp Marketing nhằm phát triển du lịch nông thôn, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2025	Vũ Thị Hường Nguyễn Thị Huế Nguyễn Thị Thủy
148.	Ngô Thị Luyện, Nguyễn Thị Ngọc Mai (2025), Giải pháp truyền thông nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2025	Ngô Thị Luyện Nguyễn Thị Ngọc Mai
149.	Đinh Thị Kim Thiết (2025), Kế toán chi phí môi trường và chi phí xã hội tại các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh hải dương: thực trạng và giải pháp, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2025	Đinh Thị Kim Thiết
150.	Nguyễn Thị Huế (2025), Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách nội địa đối với hoạt động du lịch lễ hội tỉnh Hải Dương, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2025	Nguyễn Thị Huế
151.	Tăng Thị Hồng Minh, Trần Thị Mai Hương, Đặng Thị Thanh (2025), Nghiên cứu và vận dụng các phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy các học phần tiếng Anh căn bản cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2025	Tăng Thị Hồng Minh Trần Thị Mai Hương Đặng Thị Thanh
152.	Nguyễn Thị Hiền, Trần Thị Hồng Nhung, Nguyễn Mạnh Tường (2025), Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống dân tộc cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ hiện nay, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2025	Nguyễn Thị Hiền Trần Thị Hồng Nhung Nguyễn Mạnh Tường
153.	Đỗ Thị Thùy, Phạm Xuân Đức, Nguyễn Thị Hải Hà (2025), Vận dụng tư tưởng triết học trong Truyện Kiều của Nguyễn Du vào giảng dạy học phần Triết học Mác – Lênin cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2025	Đỗ Thị Thùy Phạm Xuân Đức Nguyễn Thị Hải Hà

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
154.	Ha Dinh Soat, Vu Tien Hieu (2025), Research and application of supplementary exercises to enhance the performance of the female volleyball team of Sao Do University students, Tạp chí Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2025	Ha Dinh Soat Vu Tien Hieu
155.	Hoàng Thị Hoa (2025), Một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực trong xây dựng kinh tế số tại Việt Nam, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2025 (Số đặc biệt)	Hoàng Thị Hoa
156.	Ngô Thị Luyện (2025), Ứng dụng AI trong hoạt động marketing tại doanh nghiệp - Cơ hội và thách thức, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2025 (Số đặc biệt)	Ngô Thị Luyện
157.	Nguyễn Thị Thuỷ (2025), Ứng dụng AI trong hoạt động marketing tại doanh nghiệp - Cơ hội và thách thức, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2025 (Số đặc biệt)	Nguyễn Thị Thuỷ
158.	Nguyễn Thị Huế (2025), Quá trình phát triển và xu hướng thị trường thương mại điện tử trong tương lai ở Việt Nam, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2025 (Số đặc biệt)	Nguyễn Thị Huế
159.	Vũ Thị Hường (2025), Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phát triển du lịch thông minh tại tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2025 (Số đặc biệt)	Vũ Thị Hường
160.	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2025), Kinh tế số trong ngành du lịch Việt Nam: Cơ hội và thách thức, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2025 (Số đặc biệt)	Nguyễn Thị Ngọc Mai
161.	Vũ Thị Thanh Thuỷ (2025), Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hàng tồn kho, hiệu quả tại doanh nghiệp, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2025 (Số đặc biệt)	Vũ Thị Thanh Thuỷ
162.	Nguyễn Thị Quỳnh (2025), Giải pháp chuyển đổi số trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2025 (Số đặc biệt)	Nguyễn Thị Quỳnh
163.	Vũ Thị Lý (2025), Hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp Việt Nam trong nền kinh tế số, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2025 (Số đặc biệt)	Vũ Thị Lý

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
164.	Lương Thị Hoa (2025), Thực trạng chuyển đổi số ngành ngân hàng tại Việt Nam, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2025 (Số đặc biệt)	Lương Thị Hoa
165.	Đinh Thị Kim Thiết (2025), Rủi ro gian lận báo cáo tài chính trong môi trường số và giải pháp kiểm toán số tại Việt Nam, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2025 (Số đặc biệt)	Đinh Thị Kim Thiết
166.	Vũ Văn Đông, Vũ Hồng Phong, Phan Hoàng Đức (2025), Kinh nghiệm của một số địa phương về phát triển nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế số - Bài học kinh nghiệm đối với tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2025 (Số đặc biệt)	Vũ Văn Đông Vũ Hồng Phong Phan Hoàng Đức
167.	Phùng Thị Lý (2025), Chuyển đổi số trong doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2025 (Số đặc biệt)	Phùng Thị Lý
168.	Phạm Thị Hồng Hoa, Nguyễn Minh Tuấn (2025), Kinh tế số và giải pháp phát triển mô hình kinh tế số tại Việt Nam, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2025 (Số đặc biệt)	Phạm Thị Hồng Hoa Nguyễn Minh Tuấn
169.	Phạm Thị Hồng Hoa (2025), Nỗ lực thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của Nhật Bản, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Quý 2/2025 (Số đặc biệt)	Phạm Thị Hồng Hoa
170.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2025), Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước ở các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Tạp chí Kinh tế và dự báo, Số đặc biệt 02/2025, Mã ISSN 1859-4972	Nguyễn Thị Kim Nguyên
171.	Vũ Thị Lý, Nguyễn Thị Quỳnh (2025), Thực trạng áp dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Hải Dương, ISSN: 0866 - 7756, Số 7 tháng 3 năm 2025	Vũ Thị Lý Nguyễn Thị Quỳnh
172.	Hoàng Thị Hoa (2025), Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới hành vi mua sắm hàng Việt trên các sàn thương mại điện tử, Kinh tế và Dự báo (Economy and Forecast review), Số 09 tháng 5/2025	Hoàng Thị Hoa

STT	Công trình khoa học	Thành viên tham gia
	(904) - Năm thứ 58	
173.	Phạm Thị Mai (2025), Xác định động cơ học tập cho sinh viên các trường Đại học ở Việt Nam hiện nay - thực trạng và giải pháp, Tạp chí Giáo dục và Xã hội, Số đặc biệt tháng 5/2025	Phạm Thị Mai
174.	Lê Thị Huyền (2025), Sự hài lòng của sinh viên đối với dịch vụ tư vấn nghề nghiệp tại trường đại học, Kinh tế và dự báo, e-ISSN: 2734-9365, số 603 (6/2025)	Lê Thị Huyền
175.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2025), Adoption of sustainable farming practices in Vietnam: A discourse of the determining factors, Heliyon (2405-8440), Volume 10, Issue 11e31792June 15, 2024	Nguyễn Thị Kim Nguyên
176.	Vũ Văn Đông, Vũ Hồng Phong, Phan Hoàng Đức (Số đặc biệt: 90 (2/2025), Kinh nghiệm của một số địa phương về phát triển nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế số - Bài học kinh nghiệm đối với tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Vũ Văn Đông 2. Vũ Hồng Phong 3. Phan Hoàng Đức
177.	Phùng Thị Lý (Số đặc biệt: 90 (2/2025), Chuyển đổi số trong doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	Phùng Thị Lý
178.	Phạm Thị Hồng Hoa, Nguyễn Minh Tuấn (Số đặc biệt: 90 (2/2025), Kinh tế số và giải pháp phát triển mô hình kinh tế số tại Việt Nam, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	1. Phạm Thị Hồng Hoa 2. Nguyễn Minh Tuấn
179.	Phạm Thị Hồng Hoa (Số đặc biệt: 90 (2/2025), Nỗ lực thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của Nhật Bản, Tạp chí NCKH, Trường ĐH Sao Đỏ.	Phạm Thị Hồng Hoa

4.3. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên

Đội ngũ giảng viên hiện tại của Trường đã đáp ứng và đảm nhận được 100% khối lượng CTĐT ngành Kinh tế số. Tuy nhiên, căn cứ vào Chiến lược phát triển đội ngũ, Nhà trường/Khoa Kinh tế đã xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên đảm bảo về số lượng, chất lượng và cơ cấu để đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên đến năm 2030 bao gồm việc tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, đánh giá và đưa ra các chế độ, chính sách đãi ngộ như:

- Hằng năm Nhà trường cử nhiều GV đi học tập, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Hằng năm tổ chức từ 20 - 40 chuyên đề bồi dưỡng về chuyên môn, phương pháp giảng dạy, phương pháp NCKH cho GV.

- Tiếp tục chọn cử giảng viên đi làm nghiên cứu sinh ở trong nước và nước ngoài theo nhu cầu nhân lực của từng ngành. Đối với giảng viên ngành Kinh tế số dự kiến đến năm 2030 có thêm 03 Tiến sĩ để đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành Kinh tế số

- Tiếp tục tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các hoạt động NCKH, tích cực tham gia hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước, hỗ trợ giảng viên đạt học hàm và các chức danh nghề nghiệp.

- Nhà trường thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, chính sách để thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ giảng viên như: Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ về điều kiện làm việc, học tập nâng cao trình độ, thu nhập để thu hút nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ và đang làm nghiên cứu sinh.

- Hằng năm, đội ngũ giảng viên cơ hữu của Khoa/Trường được theo dõi đánh giá, điều chỉnh về số lượng và chất lượng.

5. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ SỐ

Nhà trường có đầy đủ đầy đủ hệ thống phòng học, phòng thực hành, thiết bị, thư viện, giáo trình, tài liệu học tập đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của CTĐT, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo ngành Kinh tế số trình độ đại học.

5.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị dạy học

Trường ĐHSĐ có 02 cơ sở đào tạo: Cơ sở 1 tại Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Phường Chu Văn An, Thành phố Hải Phòng; Cơ sở 2 tại Km 78, quốc lộ 37, phường Chu Văn An, Thành phố Hải Phòng. Diện tích 02 cơ sở là gần 27 ha. Hoạt động đào tạo chủ yếu tại cơ sở 1 với đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các trung tâm thực hành, thực nghiệm phù hợp đảm bảo tỷ lệ diện tích/người học theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ các CTĐT theo quy định hiện hành.

Nhà trường hiện nay có 121 phòng học lý thuyết với tổng diện tích 847m². 100% phòng học lý thuyết được trang bị điều hòa không khí, máy chiếu/màn hình LED cỡ lớn, camera giám sát tạo điều kiện cho SV học tập. Có 10 phòng thi trắc nghiệm sử dụng phần mềm PMT-EMS có bản quyền. Nhà trường có hạ tầng CNTT áp dụng các phần mềm trong quản lý đào tạo, quản lý hỗ trợ học tập, cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng

yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của CTĐT ngành Kinh tế số. Nhà trường có các phòng thực hành ngoại ngữ với đầy đủ các trang thiết bị nghe nhìn, các phần mềm bản quyền trong giảng dạy tiếng Anh, tiếng Trung, các phòng học thực hành giảng dạy Tin học, lập trình và sử dụng các phần mềm ứng dụng với các trang thiết bị thực hành tương ứng.

Nhà trường có cổng thông tin điện tử với địa chỉ <https://saodo.edu.vn/>. Thông tin trên cổng thông tin điện tử luôn được cập nhật thường xuyên, công bố công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục, CTĐT v.v...

Bảng 8. Phòng học, phòng thực hành và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

STT	Loại phòng học (Phòng học, phòng học thực hành)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng học lý thuyết	121	8470	Màn hình LCD, máy chiếu projector	121 bộ	Các học phần/môn học lý thuyết
2	Phòng học máy tính ứng dụng công nghệ	18	1170	Máy tính bàn, màn hình LCD	540 bộ	Các học phần/môn học về Tin học, lập trình, khai thác phần mềm ứng dụng toán học, công nghệ trong dạy học, thiết kế bài giảng điện tử ...
3	Phòng thực hành ngoại ngữ	4	386	Máy chủ, máy tính cá nhân, máy chiếu đa năng, hệ thống âm thanh, hệ thống phần mềm chuyên dụng	134 bộ	Các học phần rèn luyện kỹ năng ngoại ngữ Nghe, nói, đọc, viết
4	Giảng đường đa năng	01	900 chỗ ngồi	Màn hình LCD, máy chiếu projector	01	Hội họp, học kỹ năng mềm

Bảng 9. Trung tâm nghiên cứu, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo ngành Kinh tế số

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Học phần/môn học sử dụng	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị và mục đích sử dụng	Nước sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Phòng thực hành ngoại ngữ số 1							
1	Máy tính để bàn dành cho giáo viên Model: i3-8100,	Việt Nam, 2019	1	Cái	Tiếng Anh 1, Trung căn bản 1, Tiếng Trung căn bản 2	Kỳ 3	1 sinh viên/máy	
2	Máy tính để bàn dành cho học viên Model: i3-810	Việt Nam, 2019	36	Cái				
3	Máy chiếu đa năng Model: VL-3100	Trung Quốc, 2019	1	Cái				
4	Hệ thống âm thanh hỗ trợ Model: V - 100	Trung Quốc, 2019	1	Cái				
5	Hệ thống điều khiển và bàn lập trình, chuyển đổi tín hiệu vào/ra. Model: V-580AV	Trung Quốc, 2019	1	Cái				
6	Phần mềm multimedia dùng cho Giáo viên điều khiển và quản lý lớp học ngôn ngữ Model: VL-7200T,	Trung Quốc, 2019	1	Cái				
	Phòng thực hành ngoại ngữ số 2							
1	Máy tính để bàn dành cho giáo viên Model: i3-8100,	Việt Nam, 2019	1	Cái	Tiếng Anh căn bản 2, Tiếng Trung căn bản 2, Tiếng Ah căn bản 3, Tiếng Trung căn bản 3	Kỳ 4 ÷ Kỳ 5	1 sinh viên/máy	
2	Máy tính để bàn dành cho học viên Model: i3-810	Việt Nam, 2019	36	Cái				
3	Máy chiếu đa năng Model: VL-3100	Trung Quốc, 2019	1	Cái				

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
4	Hệ thống âm thanh hỗ trợ Model: V - 100	Trung Quốc, 2019	1	Cái				
5	Hệ thống điều khiển và bàn lập trình, chuyển đổi tín hiệu vào/ra. Model: V-580AV	Trung Quốc, 2019	1	Cái				
6	Phần mềm multimedia dùng cho Giáo viên điều khiển và quản lý lớp học ngôn ngữ Model: VL-7200T,	Trung Quốc, 2019	1	Cái				
Phòng thực hành Kế toán								
1	Ti vi LG 65 UQ7550PSE (65 inch)	Việt Nam, 2019	1	Cái	Nguyên lý kế toán, Kế toán quản trị, thị trường chứng khoán, Quản trị tài chính.	Kỳ 4 ÷ Kỳ 6	1 sinh viên/máy	
2	Máy tính để bàn Sing PC I543.5F87	Việt Nam, 2019	36	Cái				
3	Máy tính FPT Elead S989 core i3	Trung Quốc, 2019	1	Cái				
4	Máy đếm tiền 2500	Trung Quốc, 2019	1	Cái				
5	Máy in	Trung Quốc, 2019	3	Cái				
6	Phần mềm Kế toán Misa	Việt Nam, 2019	1	Cái				
Phòng thực hành Kinh tế số								
1	Máy tính để bàn dành cho giáo viên (mã hiệu: VC 4690)	Việt Nam, 2015	1	Cái	Marketing căn bản, Lý thuyết thống kê, Khởi nghiệp kinh doanh, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Kinh tế lượng, Luật Kinh	Kỳ 2 ÷ Kỳ 8	1 sinh viên/máy	
2	Máy tính để bàn dành cho học viên (mã hiệu: G2030)	Việt Nam, 2015	40	Cái				
3	Máy chiếu đa năng (mã hiệu: VL-2700)	Trung Quốc, 2015	1	Cái				

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
4	Hệ thống điều khiển và bàn lập trình, chuyển đổi tín hiệu vào/ra (mã hiệu: V-580AV)	Trung Quốc, 2015	1	Cái	tế, Pháp luật Kinh tế, Kinh tế số, Trí tuệ nhân tạo và ứng dụng trong kinh doanh, Dữ liệu lớn trong kinh doanh, Blockchain và ứng dụng trong kinh doanh, Phần mềm quản lý quan hệ khách hàng, Phần mềm quản lý nhân sự			
5	Thiết bị khuếch đại đường truyền Audio và phần mềm hỗ trợ (mã hiệu: V-580)	Trung Quốc, 2015	41	Cái				
6	Hệ thống âm thanh hỗ trợ (mã hiệu: V-100)	Trung Quốc, 2015	1	Cái				
8	Phần mềm dùng cho học viên	Việt Nam, 2015	1	Cái				
9	Máy in LaserJet HP	Việt Nam, 2014	1	Cái				
10	Ti vi Sam Sung PS50A410	Việt Nam, 2009	1	Cái				
11	Bộ âm ly 3600-OMATON	Trung Quốc, 2013	1	Cái				
12	Loa cây JBL 2 bát 40 + Micro không dây + Micro để bàn (2 loa, 2 mic, 1 bộ để bàn)	Trung Quốc, 2013	1	Cái				

5.2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

a. Thư viện

Thư viện Trường ĐHSĐ có đủ nguồn thông tin tư liệu và phương tiện để sinh viên tìm hiểu, tra cứu khi thực hiện nghiên cứu và học tập như giáo trình, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, tạp chí khoa học trong và ngoài nước

01 Trung tâm thư viện diện tích trên 988 m² với trên 4.000 đầu sách tham khảo bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài, được kết nối với cơ sở dữ liệu Proquest Central thuộc Liên hiệp các Thư viện Việt Nam. Các phòng nghiệp vụ được trang bị hiện đại bao gồm: Không gian truyền thông sáng tạo, Không gian giao lưu học tập, Không gian đọc tra cứu, Phòng dữ liệu số, Phòng hội thảo, Phòng học liệu. Tại đây sinh viên được đắm mình vào không gian trí thức, đọc, nghiên cứu, giao lưu học tập và kết nối bạn bè bốn phương.

Trung tâm thư viện diện tích trên 988 m² với trên 4.000 đầu sách tham khảo bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài; thư viện điện tử của Nhà trường (<http://lib.saodo.edu.vn>), được kết nối với cơ sở dữ liệu của Trung tâm kết nối Tri thức số hiện đã có 111 thư viện số của cơ sở giáo dục đại học kết nối chia sẻ tài nguyên (<https://hub.idk.org.vn>) giúp cho SV, học viên của trường tra cứu, sử dụng tài liệu để nghiên cứu và học tập.

Hàng năm Nhà trường đầu tư hàng trăm triệu đồng để mua bổ sung và cập nhật sách và tài liệu nhằm tăng số lượng đầu sách cho thư viện.

Những phòng nghiệp vụ chủ yếu gồm:

* *Phòng đọc tài liệu điện tử:*

- Số lượng máy tính: 50 máy

- Mục đích sử dụng: đọc, nghiên cứu các loại tài liệu điện tử, khai thác các tài liệu điện tử trên mạng Internet, thực hành, mô phỏng các giải pháp qua các phần mềm đã được cài đặt. Thư viện điện tử có thể liên kết với các tài liệu đã được số hóa và các tài liệu của các cơ sở đào tạo cùng lĩnh vực, cùng chuyên ngành đào tạo trong và ngoài nước.

- Danh mục chi tiết các thiết bị được cho trong (Bảng 10).

Bảng 10. Trang thiết bị tại phòng đọc tài liệu điện tử

STT	Tên gọi của máy, thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Ghi chú
1	Máy tính đồng bộ Fujitsu	120	ĐNA	
2	Máy sever Fujitsu RX600 S4	03	Đài loan	
3.	Wiess AIR - AP 1252 AG-A-K9	05	Đài loan	
4.	Swich quang: KATALIST WS-C3750 G	05	Đài loan	
5.	Swich quang: KATALIST CE 500	08	Đài loan	
Trang thiết bị phục vụ nghe, nhìn, đồng bộ khác...				

** Phòng đọc đọc tra cứu*

- Mục đích sử dụng: đọc các loại tài liệu sách, giáo trình, báo, tạp chí.
- Các trang thiết bị chính: phòng đọc tài liệu tổng hợp với trên 5.000 đầu sách, báo, tạp chí khoa học, phục vụ đồng thời trên 200 chỗ đọc.

** Phòng hội thảo khoa học*

- Số lượng phòng: 01.
- Mục đích sử dụng: báo cáo khoa học, hội thảo khoa học, bảo vệ Luận văn tốt nghiệp.
- Các trang thiết bị chính: máy chiếu đa năng, màn hình tinh thể lỏng, máy tính, ..
- Đối với giáo trình, sách tham khảo phục vụ các học phần/môn học của CTĐT ngành Kinh tế số dự kiến mở: trên cơ sở kế thừa các giáo trình, tài liệu học tập, sách tham khảo dành cho các học phần trong CTĐT ngành Kinh tế số và việc bổ sung hằng năm về tài liệu giáo trình, sách tham khảo của Nhà trường. Việc triển khai giảng dạy các môn học/học phần trong CTĐT ngành Kinh tế số dự kiến mở đảm bảo theo quy định (Bảng 11).

Bảng 11. Thống kê các giáo trình/sách tham khảo để sử dụng/tham khảo cho các học phần thuộc CTĐT Ngành Kinh tế số

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	NXB	Năm	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1.	Giáo trình triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội	2021	25	Triết học Mác – Lênin	CTRI 004	Kỳ 1	
2.	Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Nguyễn Hữu Vui, Nguyễn Ngọc Long	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2002	25				
3.	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Nguyễn Viết Thông	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội...	2009	25				
4.	Hướng dẫn ôn thi hiệu quả môn triết học Mác - Lênin	Phạm Văn Đức	NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội	2021	25				
5.	Tìm hiểu triết học Mác - Lênin	Nguyễn Ngọc Hà	NXB Khoa học Xã hội.	2021	25				
6.	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2021	25	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	CTRI 002	Kỳ 1	
7.	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2005	25				

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	NXB	Năm	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
8.	C.Mác - Ph.Ăngghen Toàn tập, Tập 12, 18, 23, 25	C.Mác - Ph.Ăngghen	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.	1995	25				
9.	V.I. Lênin Toàn tập, Tập 27	V.I. Lênin	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	1995	25				
10.	Hướng dẫn ôn thi hiệu quả môn Kinh tế chính trị Mác -Lênin	Ngô Thái Hà	NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội	2022	25				
11.	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội	2021	25	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CTRI 001	Kỳ 3	
12.	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2021	25				
13.	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2009	25				
14.	Hướng dẫn ôn thi hiệu quả môn Chủ nghĩa xã hội khoa học	Hoàng Chí Bảo (chủ biên), Dương Xuân Ngọc, Đỗ	NXB Đại học sư phạm	2021	25				

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	NXB	Năm	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
		Thị Thạch, Bùi Ngọc Lan							
15.	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2021	25	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	CTRI 003	Kỳ 4	
16.	Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ GD&ĐT	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2018	25				
17.	Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X)	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2008	25				
18.	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2011	25				
19.	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2016	25				
20.	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2021	25				

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	NXB	Năm	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
21.	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2021	25	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CTRI 005	Kỳ 3	
22.	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2010	25				
23.	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hội đồng Trung ương chỉ đạo giáo trình quốc gia các bộ môn Khoa học Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2003	25				
24.	Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	2016	25				
25.	Hướng dẫn ôn thi hiệu quả môn Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nguyễn Thế Thắng	NXB Đại học Sư phạm	2021	25				
26.	Giáo trình Pháp luật đại cương	TS. Lê Minh Toàn	NXB Sự thật, Hà Nội	2021	25	Pháp luật đại cương	KHXX 006	Kỳ 1	
27.	Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt	Quốc hội	NXB Sự thật, Hà Nội	2020	25				

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	NXB	Năm	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Nam								
28.	Bộ luật Dân sự hiện hành	Quốc hội	NXB Sự thật, Hà Nội	2020	25				
29.	Bộ luật lao động hiện hành	Quốc hội	NXB Sự thật, Hà Nội	2020	25				
30.	Luật Phòng chống tham nhũng hiện hành	Quốc hội	NXB Sự thật, Hà Nội	2020	25				
31.	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	NXB giáo dục	2021	25				
32.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Lê Huy Bá	NXB Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh	2006	25				
33.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Phương Kỳ Sơn	NXB Chính trị quốc gia	2001	25				
34.	Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh	Nguyễn Văn Thắng	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2019	25				
35.	Giáo trình Tâm lý học	Nguyễn Quang	NXB Đại học Sư	2022	25	Tâm lý học đại cương	KHXXH 010	Kỳ 1	

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	NXB	Năm	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	đại cương	Uẩn (chủ biên)	phạm.						
36.	Tâm lý học đại cương hướng dẫn trả lời lý thuyết giải bài tập tình huống và trắc nghiệm	Bùi Kim Chi, Phan Công Luận	NXB Chính trị - Hành chính	2010	25				
37.	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2010	25				
38.	Giáo trình Khởi sự kinh doanh	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền TS. Ngô Thị Việt Nga	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2020	25	Khởi nghiệp Kinh doanh	KHXXH 002	Kỳ 5	
39.	Tinh thần Khởi nghiệp Kinh doanh	Đinh Việt Hòa	NXB Đại học quốc gia Hà Nội	2012	25				
40.	Real life – Elementary – Students’ book	Marty Hobbs Julia Starr Keddle	Pearson Longman		25	Tiếng anh 1,2,3	TANH 051	Kỳ 2, 3, 4	
41.	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge Press		25		TANH 052		
42.	Real life – Elementary – Students’ book	Marty Hobbs Julia Starr Keddle	Pearson Longman		25		TANH 053		

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	NXB	Năm	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
43.	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge Press		25				
44.	Real life – Pre intermediate – Students’ book	Sarah Cunnig Ham, Peter Moor	Pearson Longman	2010	25				
45.	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge Press		25				
46.	Starter Toeics, 3rd edition	Anne Taylor & Casey Malarcher	Compass Publishing	2019	25				
47.	Very Easy TOEIC introduction, 3rd edition	Anne Taylor Garrett Byrn	The Compass Publishing	2007	25				
48.	Big Step TOEIC 1	Kim Soyeong - Park Won	Nhà xuất bản tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh	2008	25	Tiếng trung 1,2,3	TTRUNG 022 TTRUNG 023 TTRUNG 024	Kỳ 2, 3, 4	
49.	Giáo trình chuẩn HSK 1	Khuông Lệ Bình	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	2018	25				
50.	Giáo trình chuẩn HSK 1 - Sách bài tập	Khuông Lệ Bình	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	2018	25				
51.	Giáo trình chuẩn HSK 2	Khuông Lệ Bình	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	2018	25				

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	NXB	Năm	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
52.	Giáo trình chuẩn HSK 2 - Sách bài tập	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	2018	25				
53.	Giáo trình Hán ngữ (tập 1, thượng)	Dương Ký Châu	NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2019	25				
54.	Giáo trình Hán ngữ (tập 1, hạ)	Dương Ký Châu	NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2019	25				
55.	Giáo trình chuẩn HSK 1	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	2019	25				
56.	Giáo trình chuẩn HSK 1 - Sách bài tập	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	2019	25				
57.	Giáo trình chuẩn HSK 2	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	2019	25				
58.	Giáo trình chuẩn HSK 2 - Sách bài tập	Khương Lệ Bình	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	2019	25				
59.	Giáo trình Hán ngữ (tập 1, thượng)	Dương Ký Châu	NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2019	25				

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	NXB	Năm	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
60.	Giáo trình Hán ngữ (tập 1, hạ)	Dương Ký Châu	NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2019	25				
61.	Giáo trình Hán ngữ (tập 2, thượng)	Dương Ký Châu	NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2019	25				
62.	Giáo trình Hán ngữ (tập 1, hạ)	Dương Ký Châu	NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2020	25				
63.	Giáo trình Hán ngữ (tập 2, thượng)	Dương Ký Châu	NXB Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh	2020	25				
64.	Đại số tuyến tính và ứng dụng qua ví dụ và bài tập	Cung Thế Anh Nguyễn Như Quân Đào Trọng Quyết, Nguyễn Dương Toàn và Nguyễn Việt Tuấn	NXB Giáo dục Việt Nam	2022	25	Đại số	TOAN 015	Kỳ 1	
65.	Toán cao cấp, tập 1	Nguyễn Đình Trí	NXB Giáo dục	2018	25				

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	NXB	Năm	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
		Tạ Văn Đĩnh Nguyễn Hồ Quỳnh							
66.	Toán cao cấp Đại số tuyến tính	Đỗ Công Khanh	NXB ĐHQG TP. Hồ Chí Minh	2010	25				
67.	Toán cao cấp, tập 2	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục	2018	25				
68.	Toán cao cấp, tập 3	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục	2020	25				
69.	Toán cao cấp Giải tích hàm một biến, Lý thuyết chuỗi	Đỗ Công Khanh Nguyễn Minh Hằng Ngô Thu Lương	NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh	2010	25	Giải tích	TOAN 017	Kỳ 1	
70.	Toán cao cấp Giải tích hàm nhiều biến, Phương trình vi phân	Đỗ Công Khanh, Nguyễn Minh Hằng, Ngô Thu Lương	NXB Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh	2010	25				

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	NXB	Năm	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
71.	Xác suất và thống kê	Đào Hữu Hồ	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2012	25	Xác suất thống kê	TOAN 021	Kỳ 5	
72.	Mở đầu về lý thuyết xác suất và các ứng dụng	Đặng Hùng Thắng	NXB Giáo dục Việt Nam	2015	25				
73.	Xác suất thống kê	Nguyễn Ngọc Linh Mai Ngọc Diệu Nguyễn Tài Hoa	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2017	25				
74.	Giáo trình Tin học đại cương	TS. Nguyễn Thị Bạch Tuyết, TS. Trần Quang Yên, ThS. Phạm Văn Minh, ThS. Phùng Tiến Hải, ThS. Trần Thanh Hải và ThS. Trần Dũng Khánh	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2024	25	Tin học cơ bản và chuyển đổi số	TINCB 006	Kỳ 2	
75.	Khóa học “Phổ cập kỹ năng số cho sinh viên”	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nền tảng quốc gia Bình dân học vụ số	2025	25				

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	NXB	Năm	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
76.	Rèn luyện kỹ năng nói, giao tiếp và thuyết trình cho cán bộ đoàn thanh niên	Trần Văn Trung	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2010	25	Kỹ năng mềm 1	KNM 008	Kỳ 1	
77.	Kỹ năng quản trò & 325 trò chơi tập thể thanh thiếu niên	Trần Văn Trung	NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội	2009	25				
78.	8 kỹ năng mềm thiết yếu chìa khóa đến thành công	Trần Thượng Tuấn Nguyễn Minh Huy	NXB Lao động, Hà Nội	2017	25				
79.	7 thói quen của bạn trẻ thành đạt	Vũ Thị Thu Nhi Nguyễn Thành Nhân (dịch)	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh	2020	25				
80.	Đàm phán với chính mình, 6 bước để trở thành người bạn tốt nhất của chính mình	Hải Yến (dịch)	NXB tổng hợp TP Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh	2019	25				
81.	Giáo trình bóng chuyền	Đinh Văn Lãm	NXB TDTT, Hà Nội	2006	25	Bóng chuyền hơi	GDTC 001	Kỳ 1,2,3	
82.	Luật bóng chuyền hơi	Tổng cục TDTT	NXB Thể thao và	2018	25				

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	NXB	Năm	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
			Du lịch, Hà Nội						
83.	Giáo trình bóng đá	Trần Đức Dũng	NXB TDTT, Hà Nội	2011	25	Bóng đá	GDTC 002	Kỳ 1,2,3	
84.	Luật bóng đá	Tổng cục TDTT	NXB Thể thao và Du lịch, Hà Nội	2013	25				
85.	Cầu lông (giáo trình dùng cho sinh viên đại học TDTT)	Trần Văn Vinh	NXB thể dục thể thao, Hà Nội	1998	25	Cầu lông	GDTC 006	Kỳ 1,2,3	
86.	Giáo trình cầu lông (dùng cho sinh viên đại học sư phạm TDTT Hà Nội)	Hương Xuân Nguyên	NXB thể dục thể thao, Hà Nội	2004	25				
87.	Giáo trình khiêu vũ thể thao	Nguyễn Kim Quỳnh	NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội	2019	25	Khiêu vũ thể thao	GDTC 004	Kỳ 1,2,3	
88.	Luật thi đấu môn Khiêu vũ thể thao	Tổng cục TDTT	NXB Thể dục thể thao, Hà Nội	2015	25				
89.	Hướng dẫn chính thức luật chơi Pickleball toàn	Liên đoàn Pickleball thế giới			25	Pickleball	GDTC 005	Kỳ 1,2,3	

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	NXB	Năm	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	câu	(IPF)							
90.	Giáo trình giáo dục quốc phòng - An ninh (Tập 1)	Đào Huy Hiệp, Nguyễn Mạnh Hưởng	NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội	2013	25	Giáo dục quốc phòng an ninh	GDQP	Kỳ 1,2	
91.	Giáo trình giáo dục quốc phòng - An ninh (Tập 2)	Nguyễn Đức Đăng, Nguyễn Tiến Hải	NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội	2013	25				
92.	Giáo trình một số nội dung cơ bản về lãnh thổ, biên giới quốc gia	Phạm Văn Trường và Nguyễn Quang Dũng	NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội	2007	25				
93.	Giáo trình Tổ chức và định mức lao động	PGS.TS. Vũ Thị Mai, TS. Vũ Thị Uyên	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2019	25	Tổ chức và sản xuất và quản lý doanh nghiệp	KHXXH 012	Kỳ 5	
94.	Hệ thống thông tin quản lý	Vũ Văn Giang	Đại học kinh tế kỹ thuật công nghiệp	2019	25	Hệ thống thông tin quản lý	QTKD 057	Kỳ 3	
95.	Hệ thống thông tin quản trị - từ góc nhìn kinh doanh	Hà Nam Khánh Gia	Nhà xuất bản Tài chính.	2012	25				

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	NXB	Năm	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
96.	Câu hỏi – Bài tập – Trắc nghiệm Kinh tế vi mô	TS. Nguyễn Như Ý, ThS. Trần Thị Bích Dung, ThS. Trần Bá Thọ, TS. Nguyễn Hoàng Bảo	NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	2020	25	Kinh tế vi mô	QTKD 013	Kỳ 2	
97.	Giáo trình Kinh tế học vi mô 1	PGS.TS. Nguyễn Văn Dân, ThS. Nguyễn Hồng Nhung	NXB Tài chính	2014	25				
98.	Câu hỏi – Bài tập – Trắc nghiệm Kinh tế vi mô	TS. Nguyễn Như Ý, ThS. Trần Thị Bích Dung, ThS. Trần Bá Thọ, TS. Nguyễn Hoàng Bảo	NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	2020	25				
99.	Kinh tế vĩ mô	TS. Nguyễn Như Ý	Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	2021	25	Kinh tế vĩ mô	QTKD 014	Kỳ 3	
100.	Kinh tế học vĩ mô	PGS.TS. Nguyễn Văn Dân	NXB Tài chính	2010	25				

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	NXB	Năm	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
101.	Bài tập nguyên lý kinh tế vĩ mô	PGS.TS. Nguyễn Văn Công	NXB Lao Động	2010	25				
102.	Pháp luật kinh tế	Nguyễn Hợp Toàn	NXB Đại học kinh tế quốc dân	2015	25	Pháp luật kinh tế	QTKD 055	Kỳ 2	
103.	Pháp luật kinh tế	Nguyễn Thị Thanh Thủy	NXB Giáo dục Việt Nam	2013	25				
104.	Luật doanh nghiệp năm 2020	Hải Thành	NXB Tài chính	2020	25				
105.	Nguyên lý thống kê (Lý thuyết thống kê)	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Thuý	NXB LĐ xã hội	2012	25	Lý thuyết thống kê	QTKD 058	Kỳ 2	
106.	Giáo trình lý thuyết thống kê và phân tích dự báo	TS. Chu Văn Tuấn TS. Phạm Thị Kim Vân	NXB Tài Chính	2008	25				
107.	Bài tập lý thuyết thống kê và phân tích dự báo	TS. Chu Văn Tuấn TS. Phạm Thị Kim Vân	NXB Tài Chính	2008	25				
108.	Lý thuyết tài chính tiền tệ	Cao Thị Ý Nhi	NXB Kinh tế quốc dân	2018	25	Lý thuyết tài chính	KETOAN 050	Kỳ 3	

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	NXB	Năm	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
109.	Lý thuyết tài chính - Tiền tệ	Lê Thị Tuyết Hoa	NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	2017	25	Kinh tế lượng	QTKD 068	Kỳ 4	
110.	Lý thuyết tài chính - Tiền tệ, Phần 2	Phan Thị Cúc	NXB Phương Đông	2012	25				
111.	Giáo trình Kinh tế lượng	Lê Hồng Nhật, Phạm Văn Chung, Phạm Hoàng Uyên, Võ Thị Lệ Uyên, Lê Thanh Hoa	NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	2021	25				
112.	Nhập môn Kinh tế lượng	Nguyễn Việt Khôi Nguyễn Quỳnh Nga	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2019	25				
113.	Phương pháp định lượng trong nghiên cứu	Đinh Phi Hồ	NXB Tài chính	2020	25				
114.	Thương mại điện tử căn bản	Trần Thị Thập, Nguyễn Trần Hưng	NXB Thông tin và truyền thông	2020	25	Thương mại điện tử căn bản	QTKD 053	Kỳ 5	
115.	Giáo trình Thương mại điện tử từ lý thuyết đến	Nguyễn Việt Khôi	NXB Đại học	2022	25				

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	NXB	Năm	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	ứng dụng		quốc gia Hà Nội			Marketing căn bản	QTKD 001	Kỳ 4	
116.	Thương mại điện tử hiện đại	Lưu Đan Thọ, Tôn Thất Hoàng Hải	NXB Tài chính	2015	25				
117.	Giáo trình Marketing căn bản	ThS. Quách Thị Bửu Châu, ThS. Nguyễn Văn Trung, ThS. Đào Hoài Nam	NXB Lao Động	2014	25				
118.	Marketing căn bản	GS.TS.Trần Minh Đạo	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2010	25				
119.	Giáo trình Marketing căn bản	Vũ Thị Tuyết	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2020	25	Nguyên lý kế toán	KETOAN 060	Kỳ 4	
120.	Nguyên lý kế toán	PGS.TS. Trần Văn Thuận, TS. Phạm Thành Long	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2021	25				
121.	Thông tư số 200/TT - BTC ban hành ngày 22/12/2014	Bộ Tài chính		2014	25				

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	NXB	Năm	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
122.	Nguyên lý kế toán	Võ Văn Nhị	NXB Tài chính	2018	25				
123.	Quản trị học	Trần Dục Thức	NXB Tài Chính	2021	25	Quản trị học	QTKD 009	Kỳ 3	
124.	Quản trị học đại cương	Nguyễn Quang Chương	NXB Bách Khoa Hà Nội	2017	25				
125.	Quản trị học – Tóm tắt lý thuyết và câu hỏi trắc nghiệm	Trần Đăng Khoa, Nguyễn Hữu Nhuận, Nguyễn Thị Bích Châm, Lê Việt Hưng, Lê Thanh Trúc	NXB Tài Chính	2020	25				
126.	Chuyển đổi số thế nào	Hồ Tú Bảo, Nguyễn Nhật Quang	Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông	2023	25	Nhập môn chuyển đổi số	KTS 001	Kỳ 3	
127.	Chuyển đổi số - Kinh nghiệm quốc tế và lộ trình cho Việt Nam	PGS.TS. Bùi Quang Tuấn, TS. Hà Huy Ngọc (đồng chủ biên)	NXB Chính trị Quốc gia Sự thật	2020	25				
128.	Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến	Thủ tướng chính phủ		2020	25				

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	NXB	Năm	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	năm 2030								
129.	Kinh tế số	TS. Trần Thị Ái Cẩm, ThS Đỗ Thùy Trinh	NXB Xây dựng	2024	25	Kinh tế số	KTS 002	Kỳ 4	
130.	Kinh tế số	PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Hòa		2022	25				
131.	Kinh tế số: Lý thuyết và thực tiễn	TS. Lê Văn Hùng (chủ biên)		2023	25				
132.	Mạng máy tính – Cơ sở và ứng dụng	Nguyễn Văn Hiệp	NXB Bách Khoa Hà Nội	2022	25	Mạng máy tính và truyền thông số	KTS 004	Kỳ 4	
133.	An toàn thông tin trong kỷ nguyên số	Nguyễn Hữu Tuấn	NXB Thông tin và Truyền thông	2021	25				
134.	Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số	Trần Đức Lai, Trần Minh Tiến	NXB Thông tin và Truyền thông	2020	25				
135.	Sách trắng về Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt Nam	Bộ Thông tin và Truyền thông		2023	25				
136.	Computer Networks	Andrew S. Tanenbaum &		2011	25				

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	NXB	Năm	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
		David Wetherall							
137.	Giáo trình Thương mại quốc tế	TS. Trần Văn Hòe, TS. Nguyễn Văn Tuấn	NXB Đại học kinh tế quốc dân	2014	25	Thương mại quốc tế	QTKD 012	Kỳ 7	
138.	Giáo trình Kinh tế quốc tế	GS. TS. Đỗ Đức Bình, PGS. TS. Nguyễn Thường Lạng	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2008	25				
139.	Giao dịch Thương mại quốc tế	TS. Nguyễn Thị Cẩm Thủy	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2020	25				
140.	Giáo trình Quản trị Chiến lược	Ngô Kim Thanh	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2011	25	Quản trị Chiến lược	QTKD 020	Kỳ 7	
141.	Quản trị Chiến lược	Jonh A.Pearce II, Richard B.Robinson	NXB Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh	2022	25				
142.	Giáo trình Công nghệ tài chính	PGS.TS. Đỗ Hoài Linh	Nhà xuất bản Tài chính.	2022	25	Công nghệ tài chính	KETOAN 065	Kỳ 7	
143.	Fintech trong lĩnh vực ngân hàng	Dương Tấn Khoa	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế TP.	2018	25				

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	NXB	Năm	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
			HCM						
144.	Digital Marketing	Nguyễn Hoàng Long	NXB Lao động - Xã hội	2021	25	Marketing số	QTKD 043	Kỳ 6	
145.	Marketing 4.0 (Moving from traditional to Digital)	Philip Kotler, Hermawan Kartajaya, and Iwan Setiawan	NXB Trẻ	2017	25				
146.	Marketing số và chuyển đổi số trong doanh nghiệp	Trần Quốc Trung	NXB Tài chính	2022	25				
147.	Giáo trình Trí tuệ nhân tạo và ứng dụng trong kinh doanh	Đại học Thương Mại	NXB Thống kê	2010	25	Trí tuệ nhân tạo và ứng dụng trong kinh doanh	KTS 005	Kỳ 6	
148.	Giáo trình Trí tuệ nhân tạo và ứng dụng trong kinh doanh	Khoa công nghệ thông tin Đại học phương đông	NXB Giáo dục Việt Nam	2022	25				
149.	Giáo trình Blockchain và ứng dụng trong kinh doanh	Đại học Thương Mại	NXB Thống kê	2010	25	Blockchain và ứng dụng trong kinh doanh	KTS 006	Kỳ 7	

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	NXB	Năm	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
150.	Giáo trình Blockchain và ứng dụng trong kinh doanh	Khoa công nghệ thông tin Đại học phương đông	NXB Giáo dục Việt Nam	2022	25				
151.	Giáo trình Dữ liệu lớn trong kinh doanh	Đại học Thương Mại	NXB Thống kê	2010	25	Dữ liệu lớn trong kinh doanh	KTS 007	Kỳ 6	
152.	Giáo trình Dữ liệu lớn trong kinh doanh	Khoa công nghệ thông tin Đại học phương đông	NXB Giáo dục Việt Nam	2022	25				
153.	Pháp luật thương mại điện tử	Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch		2006	25	Pháp luật thương mại điện tử	KTS 008	Kỳ 6	
154.	Cẩm nang pháp luật về giao kết hợp đồng điện tử	GS. TS Nguyễn Thị Mơ	NXB Lao Động	2006	25				
155.	Giáo trình Các mô hình kinh doanh số	Đại học Thương Mại	NXB Thống kê	2010	25	Các mô hình kinh doanh số	KTS 009	Kỳ 5	
156.	Giáo trình Các mô hình kinh doanh số	Khoa công nghệ thông tin Đại học Phương Đông	NXB Giáo dục Việt Nam	2022	25				

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	NXB	Năm	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
157.	Thiết kế web	Thạc Bình Cường, Vũ Thị Hậu	NXB Giáo dục Việt Nam	2011	25	Thiết kế website thương mại điện tử	KTS 010	Kỳ 6	
158.	Sử dụng DHTML & CSS thiết kế web động	Lê Minh Hoàng	NXB Lao động - Xã hội	2005	25				
159.	An toàn và bảo mật thông tin	Đàm Mạnh Gia, Nguyễn Thị Hội	NXB Thống kê	2021	25	An toàn hệ thống thông tin	TMDT 004	Kỳ 6	
160.	Bài giảng An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	Hoàng Xuân Dậu	Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông	2017	25				
161.	Thanh toán điện tử	Nguyễn Trần Hưng	NXB Hà Nội	2022	25	Thanh toán điện tử	TMĐT 003	Kỳ 5	
162.	Bài giảng Thanh toán điện tử	Nguyễn Trần Hưng, Trần Thị Thập	Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông	2019	25				
163.	Quản trị tác nghiệp bán lẻ B2C	GS.TS. Nguyễn Văn Minh	NXB Đại học thương mại Hà Nội.	2014	25	Quản trị tác nghiệp TMĐT	TMĐT 010	Kỳ 5	
164.	Quản trị tác nghiệp bán lẻ B2B	GS.TS. Nguyễn Văn Minh	NXB Đại học thương mại Hà	2014	25				

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	NXB	Năm	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
			Nội.						
165.	Thị trường chứng khoán	Lê Hoàng Nga	NXB Tài chính	2020	25	Thị trường chứng khoán	KETOAN 054	Kỳ 5	
166.	Thị trường chứng khoán	Nguyễn Thanh Phương	NXB Lao động - Xã hội.	2020	25				
167.	Luật chứng khoán Số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019	Quốc hội		2019	25				
168.	Giáo trình Quản trị chuỗi cung ứng	An Thị Thanh Nhân	NXB Thống kê	2021	25	Quản trị chuỗi cung ứng	LOGISTIC 005	Kỳ 5	
169.	Quản trị chuỗi cung ứng	PGS.TS. Nguyễn Phúc Nguyên, TS. Lê Thị Minh Hằng	NXB Đà Nẵng	2016	25				
170.	CEO & Quản trị rủi ro	Đặng Đức Thành	NXB Thanh Niên	2011	25	Quản trị rủi ro	QTKD 027	Kỳ 5	
171.	Bài giảng Quản trị rủi ro	PGS.TS. Phan Thị Thu Hà, PGS.TS. Lê Thanh Tâm, TS. Hoàng Đức Mạnh	NXB Đại học kinh tế quốc dân	2019	25				

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	NXB	Năm	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
172.	Giáo trình Quản trị Logistics	Đặng Đình Đào	NXB Tài chính	2018	25	Quản trị Logistics	QTKD 062	Kỳ 5	
173.	Giáo trình Kinh tế thương mại	GS.TS. Đặng Đình Đào, GS.TS. Hoàng Đức Thân	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2014	25				
174.	Giáo trình Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	PGS. TS. Tạ Văn Lợi	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2021	25				
175.	Misa bán hàng	Công ty cổ phần Misa	NXB Văn hoá Thông tin	2025	25	Phần mềm quản lý quan hệ khách hàng	QTKD 059	Kỳ 8	
176.	Sách tham khảo Quản trị quan hệ khách hàng (Lý thuyết và tình huống ứng dụng thực hành của các Công ty Việt Nam)	Lưu Đan Thọ - Lương Văn Quốc		2016	25				
177.	Misa nhân sự	Công ty cổ phần Misa	NXB Văn hoá Thông tin	2025	25	Phần mềm quản lý nhân sự	QTKD 060	Kỳ 8	
178.	Career Paths: Economics (Student's Book)	Evans, V., Dooley, J., & Kent, S.	Express Publishing	2013	25	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế số	TANH 062	Kỳ 5	
179.	Tiếng Anh ngành Kinh tế	Đại học Sao Đỏ		2020	25				

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	NXB	Năm	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
180.	Oxford English for accounting	Evan Frendo, Sean Maloney	Oxford	2011	25				
181.	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Lê Minh Tiến, Phạm Như Hồ	NXB Tri Thức	2022	25	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	QTKD 065	Kỳ 7	
182.	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	TS. Nguyễn Ngọc Thắng	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2015	25				
183.	Giáo trình chính phủ điện tử	Đại học Thương Mại	NXB Thống kê	2010	25	Chính phủ số	KTS 003	Kỳ 5	
184.	Giáo trình chính phủ điện tử	Khoa công nghệ thông tin Đại học phương đông	NXB Giáo dục Việt Nam	2022	25				
185.	Giáo trình Giao dịch và đàm phán kinh doanh	Hoàng Đức Thân	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2019	25	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	QTKD 040	Kỳ 5	
186.	Tài liệu học tập Giao dịch và đàm phán kinh doanh	Khoa Quản trị kinh doanh	Trường đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp	2019	25				
187.	Giáo trình Văn hóa và đạo đức kinh doanh	PSG. TS. Hoàng Văn Hải, TS. Đặng	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2022	25	Văn hóa doanh nghiệp	QTKD 051	Kỳ 7	

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	NXB	Năm	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Mã học phần	Thời gian sử dụng (Kỳ, năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
		Thị Hương							
188.	Bài giảng Văn hóa kinh doanh	PGS. TS. Dương Thị Liễu	NXB Đại học kinh tế quốc dân	2006	25				
189.	Giáo trình Văn hóa kinh doanh	PSG. TS. Dương Thị Liễu	NXB Đại học kinh tế quốc dân	2011	25				
190.	Giáo trình Truyền thông đa phương tiện	TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền (chủ biên)	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2022	25	Truyền thông đa phương tiện	KTS 011	Kỳ 7	
191.	Giáo trình Truyền thông đa phương tiện	PGS.TS. Đinh Thị Thúy (chủ biên)	NXB Thông tin và Truyền thông	2021	25				
192.	Truyền thông đa phương tiện: Lý thuyết và ứng dụng	TS. Trần Văn Ánh - TS. Nguyễn Minh Tuấn	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	2023	25				

Như vậy, Trường ĐHSĐ có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của CTĐT ngành Kinh tế số đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất, công nghệ học liệu theo quy định của chuẩn CTĐT theo lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo theo quy định hiện hành.

6. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ SỐ

6.1. Đơn vị chuyên môn quản lý đào tạo

Trong cơ cấu tổ chức, Trường ĐHSĐ đã có đơn vị chuyên môn cấp phòng/khoa để quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với CTĐT trình độ đại học ngành Kinh tế số dự kiến đào tạo, cụ thể:

- Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý các CTĐT của Trường Đại học Sao Đỏ là Phòng Đào tạo và tuyển sinh và Phòng Quản lý chất lượng. Các đơn vị này có chức năng, nhiệm vụ tham mưu lãnh đạo Nhà trường thực hiện công tác định hướng, xây dựng và phát triển ngành nghề đào tạo, kế hoạch đào tạo, quy định và quy trình đào tạo, công tác tổ chức giảng dạy, biên soạn giáo trình, công tác kiểm tra, đánh giá, xét tốt nghiệp, cấp phát văn bằng và chứng chỉ.

- Đơn vị quản lý chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế số dự kiến đào tạo là Khoa Kinh tế với 25 năm kinh nghiệm giảng dạy 2 ngành học là Kế toán và QTKD và các học phần trong CTĐT các ngành của Trường đang đào tạo.

6.2. Cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở

Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo Kinh tế số gồm các thành viên sau (Bảng 12):

Bảng 12. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với chương trình ĐT ngành Kinh tế số dự kiến

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	TS. Phạm Thị Hồng Hoa, 23/05/1977, Trưởng khoa	Tiến sĩ, 2017	Kinh tế quốc tế	Quản lý chung
2	Ths. Vũ Thị Hường, 21/07/1984, Phó trưởng khoa	Thạc sĩ, 2009	Quản trị kinh doanh	Quản lý chung

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
3	Ths. Nguyễn Thị Ngọc Mai, 24/02/1988, Trưởng bộ môn QTKD	Thạc sĩ, 2012	Quản trị kinh doanh	Cán bộ quản lý Bộ môn QTKD

7. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO

7.1. Bối cảnh triển khai các hoạt động của Nhà trường

- Quy định pháp lý và mức độ ảnh hưởng đến các hoạt động của Nhà trường

Trường Đại học Sao Đỏ là cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trực thuộc Bộ Công Thương, chịu sự lãnh đạo quản lý trực tiếp của Bộ Công Thương, đồng thời chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục đào tạo của BGDDT. Chức năng và nhiệm vụ chính của Nhà trường là tổ chức đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH, áp dụng tiến bộ KHCN phục vụ phát triển KT - XH và phục vụ cộng đồng.

Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giảng viên có năng lực tốt, trình độ chuyên môn cao, nhiệt tình trong công tác. Nhà trường có hệ thống phòng học lý thuyết, trung tâm thực hành, thực nghiệm, các phòng thí nghiệm hiện đại, có nhiều trang thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Đây là lợi thế để Nhà trường thực hiện nhiệm vụ và phát triển theo tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi đã đề ra.

- Những thách thức chính mà Nhà trường gặp phải và kế hoạch để khắc phục những thách thức đó

Bên cạnh những thuận lợi, Nhà trường còn gặp một số khó khăn, thách thức: Công tác tuyển sinh có sự cạnh tranh gay gắt; các nguồn lực của Nhà trường còn có những hạn chế do nguồn ngân sách cấp để đầu tư cho nguồn lực ngày càng ít; trình độ phát triển KHCN và yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực của xã hội ngày càng cao,

Nhà trường không ngừng nỗ lực đầu tư trọng tâm, trọng điểm về đội ngũ, cơ sở vật chất, trang thiết bị để đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao.

Để phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, Nhà trường đã và đang thực hiện đồng bộ những giải pháp chủ chốt như: Đa dạng hoá phương thức tuyển sinh, tăng cường các nguồn lực thông qua hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ và hợp tác với doanh nghiệp trong và ngoài nước. Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên,

cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, đầu tư CSVN, trang thiết bị trọng tâm, trọng điểm, khai thác hiệu quả các nguồn lực để phát triển Nhà trường.

Việc mở đào tạo ngành Kinh tế số góp phần mở rộng quy mô, khai thác các nguồn lực sẵn có của Nhà trường, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp với nhu cầu xã hội.

- Một số điểm mạnh và cơ hội của Nhà trường, cách Nhà trường tận dụng những điểm mạnh và cơ hội đó

Trường Đại học Sao Đỏ là Trường công lập trực thuộc Bộ Công Thương, với truyền thống 56 năm đào tạo có uy tín, được xã hội và các nhà sử dụng lao động tín nhiệm. Nhà trường triển khai đào tạo theo định hướng ứng dụng với phương châm học đi đôi với hành, lấy kiến cơ bản làm nền tảng, kiến thức mở rộng là cần thiết, kiến thức ứng dụng là quan trọng, gắn quá trình đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ với doanh nghiệp. Nhà trường có các phòng học lý thuyết, trung tâm thực hành, thực nghiệm đều được trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại, tiên tiến, 100% được lắp đặt hệ thống điều hòa; Nhà trường có hệ thống đào tạo trực tuyến được tích hợp với hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường, hằng năm được nâng cấp để đáp ứng nhu cầu quản lý, tổ chức đào tạo của Nhà trường. Nhà trường thường xuyên rà soát, cập nhật CTĐT theo sự phát triển của KHCN, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội.

Nhà trường được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 2; có 09 CTĐT trình độ đại học được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng BGDĐT ban hành. Hoạt động NCKH có nhiều thành tích cao. Với truyền thống 56 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường đã cung cấp cho thị trường lao động trên 40 nghìn kỹ sư, cử nhân, cán bộ kỹ thuật trình độ cao góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương, khu vực và đất nước. Để không ngừng phát triển, Nhà trường tiếp tục khai thác các thế mạnh sẵn có không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước mà Đảng, Nhà nước giao.

Với thế mạnh về đội ngũ giảng viên với 25 năm kinh nghiệm trong đào tạo các ngành QTKD, Kế toán và CSVN phục vụ dạy và học của Nhà trường; nhu cầu phát triển nguồn nhân lực ngành Kinh tế số tại địa phương và trong cả nước. Việc mở đào tạo ngành Kinh tế số sẽ khai thác tốt những điểm mạnh và những cơ hội hiện có đáp ứng yêu cầu phát triển KT - XH hiện nay.

7.2. Dự báo các rủi ro và các giải pháp xử lý rủi ro khi mở ngành

Như phân tích kết quả khảo sát nhu cầu nguồn lực ngành Kinh tế số dự kiến đào tạo ở phần trên và các điều kiện đào tạo. CTĐT ngành Kinh tế số của Trường Đại học Sao Đỏ trình độ đại học đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định và nhu cầu thực tiễn của xã hội. Tuy nhiên một số rủi ro có thể xảy ra sau khi triển khai tuyển sinh và tổ chức đào tạo cần phải dự báo để có giải pháp phòng ngừa và xử lý nếu xảy ra như sau:

- Trường hợp tuyển sinh không đủ chỉ tiêu hoặc tuyển sinh quá ít không đủ điều kiện để mở lớp

Kết quả khảo sát thực tế đã trình bày ở phần trên cho thấy, nhu cầu nhân lực ngành Kinh tế số là rất lớn nên rủi ro không tuyển sinh được là rất thấp. Tuy nhiên:

+ Trong trường hợp không tuyển sinh được, Nhà trường/Khoa sẽ tăng cường thêm công tác truyền thông trực tiếp và gián tiếp qua các nền tảng số để tiếp cận người học, cung cấp thông tin tuyển sinh cũng như tư vấn về xu thế phát triển ngành, nhu cầu và cơ hội của ngành đào tạo,... Bên cạnh đó tiếp cận nhà tuyển dụng để cập nhật yêu cầu, khảo sát lại nhu cầu xã hội.

+ Trong trường hợp tuyển sinh quá ít không đủ điều kiện mở lớp, Nhà trường/Khoa sẽ tăng cường liên kết với đơn vị sử dụng lao động để thu hút người học, luôn định kỳ đánh giá các điều kiện bảo đảm chất lượng và thu hút người học.

- Sự cạnh tranh trong tuyển sinh đối với CTĐT ngành Kinh tế số dự kiến đào tạo

Để nâng cao chất lượng đào tạo và uy tín, vị thế của trường đối với xã hội, Khoa Kinh tế Trường Đại học Sao Đỏ định kỳ khảo sát nhu cầu thực tiễn của người sử dụng lao động, chuyên gia để kịp thời điều chỉnh, cập nhật CTĐT, bộ học liệu, cải tiến quy trình đào tạo, tăng cường cơ sở vật chất phù hợp với sự phát triển của Khoa học công nghệ, qua đó tạo sự cạnh tranh về chất lượng và thương hiệu đối với các cơ sở đào tạo khác.

Đẩy mạnh công tác tuyển sinh, giới thiệu việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp. Nâng cao hiệu quả hoạt động truyền thông tư vấn tuyển sinh bằng nhiều hình thức, phương tiện khác nhau. Nâng cao trách nhiệm của từng cá nhân sinh viên, từng giảng viên, các đơn vị quản lý trong hoạt động tư vấn tuyển sinh.

- Sinh viên bỏ học, thực hiện không đảm bảo tiến độ học tập

Hỗ trợ thường xuyên và kịp thời cho người học. Giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập định hướng, theo dõi tình hình học tập của từng sinh viên, tạo nhiều kênh thông tin liên lạc để kịp thời nắm bắt các nguyên nhân sinh viên bỏ học để có phương án hỗ trợ.

Sau mỗi kỳ học, giáo viên chủ nhiệm, Khoa thống kê tình trạng học tập, tình hình nợ học phần, các điều kiện học tiếp của sinh viên... kịp thời thông báo, trao đổi với sinh viên và tìm ra các nguyên nhân và hướng khắc phục, hỗ trợ.

Thiết kế CTĐT, kế hoạch giảng dạy phù hợp với người học. Bồi dưỡng giảng viên giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, linh hoạt trong các hình thức và phương pháp giảng dạy nhằm thu hút và tạo hứng thú học tập cho sinh viên.

Nhà trường xây dựng các chính sách, quy định về mặt quản lý và thủ tục hành chính đơn giản, thuận tiện. Có những chính sách hỗ trợ, động viên, khen thưởng đối với sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, sinh viên có kết quả học tập tốt,...

Trường và các đơn vị đào tạo tổ chức các hội nghị về đào tạo và tìm hiểu nguyên nhân người học tốt nghiệp chậm tiến độ để có các giải pháp điều chỉnh phù hợp.

Đối với các trường hợp sinh viên bỏ học do việc lựa chọn ngành học chưa phù hợp với sở thích, năng lực bản thân cần làm tốt công tác tư vấn tuyển sinh để người học tiềm năng dự kiến và chọn lựa đúng ngành học phù hợp.

Trường hợp sinh viên không theo kịp tiến độ đào tạo do chưa nỗ lực trong học tập, nghiên cứu, các giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập cần định hướng, nhắc nhở, kế hoạch học tập, hỗ trợ điều chỉnh kế hoạch học tập để người học có thể hoàn thành chương trình học ở mỗi học kỳ.

- Rủi ro về thiếu đội ngũ giảng viên thực hiện CTĐT ngành Kinh tế số

Hiện tại Trường Đại học Sao Đỏ đủ điều kiện đáp ứng về đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình ĐT ngành Kinh tế số. Tuy nhiên, hằng năm Nhà trường/Khoa có chiến lược và kế hoạch phát triển đội ngũ, chú ý đến công tác tuyển dụng, có chính sách thu hút giảng viên để đảm bảo tính kế cận đội ngũ. Bên cạnh đó, Nhà trường có chính sách hỗ trợ, chế độ đãi ngộ và động viên phù hợp để giữ chân giảng viên, đặc biệt các giảng viên có trình độ chuyên môn cao.

- Rủi ro về thị trường lao động

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số và tự động hóa trong các lĩnh vực kinh doanh đã làm thay đổi đáng kể cơ cấu lao động trong ngành Kinh tế số. Nhiều công việc mang tính lặp lại hoặc phụ thuộc vào thao tác thủ công đang dần được thay thế bởi các hệ thống quản lý thông minh, phần mềm ERP (Enterprise Resource Planning), công nghệ Internet vạn vật (IoT), robot và trí tuệ nhân tạo (AI). Điều này dẫn đến nguy cơ giảm nhu cầu nhân lực ở một số vị trí nghiệp vụ cơ bản.

Bên cạnh đó, các xu hướng mới như thương mại điện tử, kinh tế chia sẻ, logistics xanh và mô hình chuỗi cung ứng linh hoạt đòi hỏi nguồn nhân lực có khả năng thích ứng nhanh, am hiểu công nghệ và có tư duy quản trị hiện đại. Nếu người học không được trang bị kịp thời những kiến thức và kỹ năng mới, họ có thể gặp khó khăn trong việc đáp ứng yêu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp.

Ngoài ra, những biến động kinh tế toàn cầu như suy thoái, đứt gãy chuỗi cung ứng hay khủng hoảng năng lượng có thể khiến các doanh nghiệp phải thu hẹp quy mô, cắt giảm chi phí và tạm ngừng tuyển dụng. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến cơ hội việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong ngành.

Giải pháp:

- Cần tổ chức khảo sát định kỳ nhu cầu của nhà tuyển dụng để kịp thời cập nhật chương trình đào tạo, bảo đảm nội dung kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp phù hợp với thực tế thị trường lao động.

- Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh số và thương mại điện tử để triển khai hoạt động thực tập, tham quan, đào tạo theo đặt hàng và giới thiệu việc làm cho sinh viên.

- Đẩy mạnh đào tạo kỹ năng số, tư duy phân tích dữ liệu và năng lực thích ứng công nghệ, giúp người học có khả năng làm việc trong môi trường kinh doanh số hiện đại, giảm thiểu tác động tiêu cực từ biến động thị trường lao động.

7.3. Giải pháp và phương án ngăn ngừa xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo

Các nguyên nhân có thể xảy ra rủi ro bị đình chỉ hoạt động đào tạo như không đáp ứng được điều kiện về đội ngũ thực hiện CTĐT, không đáp ứng về điều kiện cơ sở vật chất hoặc do nhiều năm không tuyển sinh được chương trình đào tạo ngành Kinh tế số dự kiến đào tạo.

Trong trường hợp này, một số phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, giảng viên, Nhà trường và các bên liên quan, cụ thể như sau:

- Đối với giảng viên, trong trường hợp buộc phải đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo, Nhà trường cần có kế hoạch, thông báo để cho giảng viên có sự chủ động trong sắp xếp công việc, hoặc tạo điều kiện cho giảng viên có cơ hội tham gia các lớp đào tạo/đào tạo lại các lĩnh vực chuyên môn gần để giảng viên có thể có sự chuyển đổi khi cần thiết.

- Đối với người học, Nhà trường liên hệ với các cơ sở đào tạo có cùng mã ngành đào tạo Kinh tế số để gửi người học tham gia tiếp quá trình học tập, rà soát các ngành cùng trình độ đang đào tạo tại trường, lựa chọn các ngành cùng nhóm mà người học đảm bảo đáp ứng đầu vào để tư vấn chuyển ngành cho người học, hoặc chuyển trường cho người học theo nguyện vọng.

8. TỰ ĐÁNH GIÁ

Đề án đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế số, mã ngành: 7310109, đã được xây dựng đáp ứng các tiêu chí theo Thông tư số 02/2022/TT- BGDĐT ngày 18/01/2022 ; Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024, theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường ĐHSĐ cam kết triển khai và thực hiện đầy đủ các nội dung trong đề án, bảo đảm chất lượng đào tạo ngành Kinh tế số trình độ đại học theo các quy định hiện hành, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho địa phương và đất nước.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (để báo cáo);
- Hội đồng Trường, BGH;
- Đăng Website trường;
- Lưu: VT, ĐT&TS, KT.


KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đỗ Văn Đình